

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
Kinh Tụng Tam Bảo hằng ngày sáng (4h00)	2
1 Mahā-sati-paṭṭhānasuttaṃ :Kinh Đại Niệm Xứ(1)	6
2 Mahā-sati-paṭṭhānasuttaṃ :Kinh Đại Niệm Xứ(2)	26
3 Mahā-sati-paṭṭhānasuttaṃ :Kinh Đại Niệm Xứ(3)	42
4 Dhamma-cakkappavattana Sutta: Kinh Chuyển Pháp Luân	60
5 Anatta-Lakkhaṇa Sutta: Kinh Vô Ngã Tướng	72
6 Paṭicca-samuppāda-vibhaṅgo: Duyên Khởi Phân Tích	80
7 Paṭṭhāna: Duyên Hệ	88
8 Bojjhaṅga Suttā: Những Bài Kinh Thất Giác Chi	108
Kinh Tụng Tùy Thời hằng ngày sáng	118
Pabbajita-Abhiṇhasuttaṃ: Kinh Pháp Sa Môn Thường Quán	
Kinh Tụng hằng ngày sáng(cuối buổi)	123
Mettābhāvanā - Pathanā – Pattidāna:	
Thiền Tâm Từ - Nguyện Cầu - Chia Phước	

KINH TỤNG TAM BẢO

Khóa Kinh Hằng Ngày: Lễ Bái Tam Bảo

**Namo tassa bhagavato arahato sammāsambuddhassa
Namo tassa bhagavato arahato sammāsambuddhassa
Namo tassa bhagavato arahato sammāsambuddhassa**

Đảnh lễ Đức Thế Tôn, Bạc A la hán, Đấng Chánh Đẳng Giác
Đảnh lễ Đức Thế Tôn, Bạc A la hán, Đấng Chánh Đẳng Giác
Đảnh lễ Đức Thế Tôn, Bạc A la hán, Đấng Chánh Đẳng Giác

**Iti'piso Bhagavā :arahaṃ ,sammā-sambuddho, vijjā-caraṇa-
sampanno, sugato ,loka-vidū, anuttaro-purisa-damma-sārathi, satthā
deva-manussānaṃ, buddho Bhagavā'ti.**

Taṃ arahatā'di-guṇa-saṃyuttaṃ buddhaṃ sirasā namāmi.

Taṃca buddhaṃ imehi sakkārehi abhipūjayāmi.

Con xin thành kính cúi đầu làm lễ Phật Bảo có đầy đủ các đức: Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ-Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.
Nhất là đức Ứng Cúng.

Con xin thành kính cúng dường Đức Chánh đẳng Chánh giác bằng các lễ vật này. (lạy)

**Svākkhāto bhagavatā dhammo
sanditṭhiko akāliko ehipassiko
opanayiko paccattaṃ veditabbo viññūhī'ti.**

Taṃ svākkhātata'di-guṇa-saṃyuttaṃ dhammaṃ sirasā namāmi.

Taṃca dhammaṃ imehi sakkārehi abhipūjayāmi.

Con xin thành kính cúi đầu làm lễ Pháp Bảo có đầy đủ các đức: Pháp do Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

Nhất là đức Pháp do Thế Tôn khéo thuyết. Con xin thành kính cúng dường Pháp Bảo bằng các lễ vật này. (lạy)

**Supaṭipanno bhagavato sāvaka-saṅgho
Uju-paṭipanno bhagavato sāvaka-saṅgho
Ñāya-paṭipanno bhagavato sāvaka-saṅgho
Sāmīci-paṭipanno bhagavato sāvaka-saṅgho
yadidaṃ cattāri purisa-yugāni aṭṭha purisapuggalā
esa bhagavato sāvaka-saṅgho
āhuneyyo pāhuneyyo dakkhiṇeyyo añjali-karaṇīyo
anuttaraṃ puññakkhettaṃ lokassā ' ti.**

Taṃ supaṭipannatā'di-guṇa-samyuttam saṅgham siraṣā namāmi.

Taṅca saṅgham imehi sakkārehi abhipūjayāmi.

Con xin thành kính cúi đầu làm lễ đức Tăng có đầy đủ các đức: Diệu hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Trực hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Ứng lý hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Chơn chánh hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Tức là bốn đôi tám chúng. Chúng đệ tử của Thế Tôn là đáng cung kính, đáng cúng dường, đáng tôn trọng, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời.

Nhất là đức Diệu hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn.

Con xin thành kính cúng dường đức Tăng bằng các lễ vật này. (lạy)

Vandāmi cetiyaṃ sabbam

Con xin thành kính làm lễ tất cả

Sabbaṭṭhāne supatiṭṭhitam

Bảo Tháp Ngọc Xá-Lợi

Sārīrikadhātu mahā-bodhiṃ

Đại thọ Bồ Đề và Kim thân Phật

Buddha-rūpaṃ sakalam sadā.(x3)

Đã tạo thờ trong khắp mọi nơi. (x3)

Sagge kāme ca rūpe giri-sikhara-tate cantalikkhe vimāne

Dīpe raṭṭhe ca gāme taru-vana-gahaṇe geha-vatthumhi khette

Bhummā cā'yantu devā jala-thala-visame yakkha-gandhabba-nāgā

Tiṭṭhantā santike yaṃ muni-vara-vacanaṃ sādhave me suṇantu

Dhammassavanakālo ayambhadantā

Dhammassavanakālo ayambhadantā

Dhammassavanakālo ayambhadantā

Xin thỉnh Chư Thiên ngự trên cõi trời Dục giới cùng Sắc giới, Chư Thiên ngự trên đỉnh núi, núi không liền, hoặc nơi hư không; ngự nơi cồn bãi đất liền hoặc các châu quận, ngự trên cây cối rừng rậm hoặc ruộng vườn, Chư Dạ xoa, Càn Thác Bà cùng Long vương dưới nước trên bờ hoặc nơi không bằng phẳng gần đây, xin thỉnh hội họp lại đây. Lời nào là lời kim ngôn cao thượng của Đức Thích Ca Mâu Ni mà chúng con tụng đây, xin các bậc Hiền Triết nên nghe lời ấy.

Xin các Ngài đạo đức, giờ này là giờ nên nghe Pháp Bảo.

Xin các Ngài Đạo đức, giờ này là giờ nên nghe Pháp Bảo.

Xin các Ngài Đạo đức, giờ này là giờ nên nghe Pháp Bảo.

Kệ khả hoàn

Aneka-jāti-saṃsāraṃ	Lang thang bao kiếp sống
sandhāvissaṃ anibbisaṃ	Ta tìm nhưng chẳng gặp
gaha-kāraṃ gavesanto	người xây dựng nhà này
dukkhā jāti punappunaṃ	khổ thay phải tái sinh
gaha-kāraṃ diṭṭhosi	Ôi người làm nhà kia
puna gehaṃ na kāhasi	nay ta đã thấy người
sabbā te phāsukā bhaggā	đòn tay người bị gãy
gaha-kūṭaṃ visaṅkhaṭaṃ	kèo cột người bị tan
visaṅkhāra-gataṃ cittaṃ	tâm ta đạt tịch diệt
taṇhānaṃ khaya-majjhagā	tham ái thấy tiêu vong

Pc 153-154

Này kẻ đã làm nên ngôi nhà “*thân*”, Ta đã cố tìm người mà không gặp
Nên tử sanh luân hồi vô số kiếp, Mãi sanh lai trong tam giới là khổ.
Này “*tham ái*” kẻ đã xây nhà kia! ,diện mạo người *Như lai* thấy rõ rồi,
Cột kèo “*phiền não*” ta hủy sạch, ,nóc nhà “*vô minh*” ta phá tan,
Người không thể xây nhà thêm được nữa, Tâm *Như lai* đã chứng pháp “*Vô vi.*” (Niết bàn)
Diệt vong hết thấy mọi tham ái.

**KINH TỤNG
NGÀY THỨ NHẤT**

Mahāsatipaṭṭhānasuttaṃ

KINH ĐẠI NIỆM XỨ

Evam me sutam Con nghe như vậy

ekam samayaṃ bhagavā kurūsu viharati kammāsadhammaṃ nāma kurūnaṃ nigamo

Một thời, Thế Tôn ở xứ *Kuru* (Câu lâu), tại *Kammāsadhamma* (Kiềm ma sắt đùm) - đô thị của xứ *Kuru*.

Tatra kho bhagavā bhikkhū āmantesi Rồi Thế Tôn gọi các vị Tỷ kheo:

“bhikkhavo”ti "Này các Tỷ kheo."

“Bhaddante”ti "Bạch Thế Tôn."

te bhikkhū bhagavato paccassosum. Bhagavā eta-d-avoca

Các Tỷ kheo trả lời Thế Tôn: Thế Tôn nói như sau:

Uddeso

Sơ thuyết

“Ekāyano ayaṃ bhikkhave, maggo sattānaṃ visuddhiyā

Này các Tỷ kheo, đây là con đường độc nhất, đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh

Soka-paridevānaṃ samatikkamāya vượt khỏi sầu bi,

dukkha-domanassānaṃ atthaṅgamāya diệt trừ khổ ưu

ñāyassa adhigamāya thành tựu chánh lý

nibbānassa sacchi-kiriya chứng ngộ Niết bàn

yadidaṃ cattāro sati-paṭṭhānā Đó là Bốn niệm xứ.

Katame cattaro Thế nào là bốn?

Idha, bhikkhave Này các Tỷ kheo, ở đây

bhikkhu kāye kāyā’nupassī viharati vị Tỷ kheo sống quán thân trên thân

ātāpī sampajāno satimā vineyya loke abhijjhā-domanassaṃ

niệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời

vedanāsu vedanā’nupassī viharati sống quán thọ trên các thọ

ātāpī sampajāno satimā, vineyya loke abhijjhā-domanassaṃ

niệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời

citte cittā’nupassī viharati sống quán tâm trên tâm

ātāpī sampajāno satimā vineyya loke abhijjhā-domanassaṃ

niệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời

dhammesu dhammā’nupassī viharati sống quán pháp trên các pháp

ātāpī sampajāno satimā vineyya loke abhijjhā-domanassaṃ

niệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời

Uddeso niṭṭhito-Dứt sơ thuyết

Kāyānupassanā ānāpānappabbā

Quán thân – phần hơi thở

Kathañca pana, bhikkhave Này các Tỷ kheo, thế nào là

bhikkhu kāye kāyā'nupassī viharati Tỷ kheo sống quán thân trên thân?

Idha, bhikkhave Này các Tỷ kheo, ở đây

bhikkhu arañña-gato vā rukkha-mūla-gato vā

Tỷ kheo đi đến khu rừng, đi đến gốc cây

Suññā'gāra-gato vā nisīdati pallaṅkaṃ ābhujitvā

hay đi đến ngôi nhà trống, và ngồi kiết già,

ujuṃ kāyaṃ pañidhāya parimukhaṃ satim upaṭṭhapetvā

lưng thẳng và an trú chánh niệm trước mặt

So satova assasati, satova passasati Tỉnh giác, vị ấy thở vô; tỉnh giác, vị ấy thở ra

Dīghaṃ vā assasanto 'dīghaṃ assasāmi'ti pajānāti

Thở vô dài, vị ấy tuệ tri "Con thở vô dài"

dīghaṃ vā passasanto 'dīghaṃ passasāmi'ti pajānāti

hay thở ra dài, vị ấy tuệ tri: "Con thở ra dài"

Rassaṃ vā assasanto 'rassaṃ assasāmi'ti pajānāti

hay thở vô ngắn, vị ấy tuệ tri: "Con thở vô ngắn"

rassaṃ vā passasanto 'rassaṃ passasāmi'ti pajānāti

hay thở ra ngắn, vị ấy tuệ tri: "Con thở ra ngắn"

'Sabba-kāya-paṭisaṃvedī assasissāmi'ti sikkhati

Cảm giác toàn thân, Con sẽ thở vô", vị ấy tập

'sabba-kāya-paṭisaṃvedī passasissāmi'ti sikkhati

"Cảm giác toàn thân, Con sẽ thở ra", vị ấy tập

'passambhayaṃ kāya-saṅkhāraṃ assasissāmi'ti sikkhati

"An tịnh thân hành, Con sẽ thở vô", vị ấy tập

'passambhayaṃ kāya-saṅkhāraṃ passasissāmi'ti sikkhati

"An tịnh thân hành, Con sẽ thở ra", vị ấy tập

Seyyathā'pi, bhikkhave Này các tỷ kheo, giống như

dakkho bhama-kāro vā bhama-kār'antevāsī vā

người thợ quay(thợ tiện) hay học trò người thợ quay(thợ tiện) tuệ tri thiện xảo,

dīghaṃ vā añchanto 'dīghaṃ añchāmi'ti pajānāti

khi quay dài, tuệ tri rằng: "Con quay dài"

rassaṃ vā añchanto 'rassaṃ añchāmi'ti pajānāti

hay khi quay ngắn, tuệ tri rằng: "Con quay ngắn."

evam-eva kho, bhikkhave Cũng vậy, này các Tỷ kheo

bhikkhu dīghaṃ vā assasanto ‘dīghaṃ assasāmī’ti pajānāti

Tỷ kheo thở vô dài, tuệ tri: "Con thở vô dài"

dīghaṃ vā passasanto ‘dīghaṃ passasāmī’ti pajānāti

hay thở ra dài tuệ tri: "Con thở ra dài"

rassaṃ vā assasanto ‘rassaṃ assasāmī’ti pajānāti

hay thở vô ngắn, tuệ tri: "Con thở vô ngắn"

rassaṃ vā passasanto ‘rassaṃ passasāmī’ti pajānāti

hay thở ra ngắn, tuệ tri: "Con thở ra ngắn"

‘sabba-kāya-paṭisaṃvedī assasissāmī’ti sikkhati

"Cảm giác toàn thân, Con sẽ thở vô", vị ấy tập

‘sabba-kāya-paṭisaṃvedī passasissāmī’ti sikkhati

"Cảm giác toàn thân, Con sẽ thở ra", vị ấy tập; "

‘passambhayaṃ kāya-saṅkhāraṃ assasissāmī’ti sikkhati

An tịnh thân hành, Con sẽ thở vô", vị ấy tập

‘passambhayaṃ kāya-saṅkhāraṃ passasissāmī’ti sikkhati

"An tịnh thân hành, Con sẽ thở ra", vị ấy tập

iti ajjhattaṃ vā kāye kāyā’nupassī viharati

Như vậy, vị ấy sống, quán thân trên nội thân(thân hơi thở của mình)

bahiddhā vā kāye kāyā’nupassī viharati

hay sống quán thân trên ngoại thân(thân hơi thở người khác)

ajjhatta-bahiddhā vā kāye kāyā’nupassī viharati

hay sống quán thân trên cả nội thân, ngoại thân

samudaya-dhammā’nupassī vā kāyasmim viharati

hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân

vaya-dhammā’nupassī vā kāyasmim viharati hay sống quán tánh diệt tận trên thân

samudaya-vaya-dhammā’nupassī vā kāyasmim viharati

hay sống quán tánh sanh diệt trên thân

‘Atthi kāyo’ti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti

"Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy

Yāva-d-eva ñāṇamattāya paṭissatimattāya anissito ca viharati

với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa

na ca kiñci loke upādiyati không chấp trước vật gì ở trên đời

Evam’pi kho, bhikkhave Này các Tỷ kheo, như vậy là

bhikkhu kāye kāyā’nupassī viharati Tỷ kheo sống quán thân trên thân

Anāpāna-pabbāṃ niṭṭhitāṃ

dứt phần hơi thở

Kāyānupassanā iriyāpaṭhapabbam
Quán thân phần oai nghi(các tư thế sinh hoạt)

Puna caparam, bhikkhave Lại nữa, này các Tỷ kheo
bhikkhu gacchanto vā ‘gacchāmi’ti pajānāti Tỷ kheo đi, tuệ tri: "Con đi"
ṭhito vā ‘ṭhitomhi’ti pajānāti hay đứng, tuệ tri: "Con đứng"
nisinno vā ‘nisinnomhi’ti pajānāti hay ngồi, tuệ tri: "Con ngồi"
sayāno vā ‘sayānomhi’ti pajānāti hay nằm , tuệ tri: "Con nằm"
yathā yathā vā panassa kāyo paṇihito hoti Thân thể được sử dụng như thế nào
tathā tathā nam pajānāti vị ấy biết thân như thế ấy

Iti ajjhattam vā kāye kāyā’nupassī viharati

Như vậy, vị ấy sống quán thân trên nội thân

bahiddhā vā kāye kāyā’nupassī viharati hay vị ấy sống quán thân trên ngoại thân;

ajjhatta-bahiddhā vā kāye kāyā’nupassī viharati

hay vị ấy sống quán thân trên cả nội thân, ngoại thân

Samudaya- dhammā’nupassī vā kāyasmim viharati

Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân

Vaya-dhammā’nupassī vā kāyasmim viharati

hay vị ấy sống quán tánh diệt tận trên thân

Samudaya-vaya-dhammā’nupassī vā kāyasmim viharati

hay vị ấy sống quán tánh sanh diệt trên thân

‘Atthi kāyo’ti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti

"Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy

Yāva-d-eva ñāṇamattāya paṭissatimattāya anissito ca viharati

với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa

na ca kiñci loke upādiyati chấp trước một vật gì trên đời

Evam’pi kho, bhikkhave Này các Tỷ kheo, như vậy là

bhikkhu kāye kāyā’nupassī viharati Tỷ kheo sống quán thân trên thân

Iriyā-paṭha-pabbam niṭṭhitam

dứt phần oai nghi

Mahāsatipaṭṭhānasuttaṃ: Kinh Đại Niệm Xứ(1)

Kāyānupassanā sampajānapabbam

Quán thân – phần tỉnh giác

Puna caparam bhikkhave Lại nữa, này các Tỷ kheo,

bhikkhu abhikkante paṭikkante sampajāna-kārī hoti

Tỷ kheo, khi bước tới, bước lui, biết rõ việc mình đang làm

ālokite vilokite sampajāna-kārī hoti Khi ngó tới, ngó lui, biết rõ việc mình đang làm

samiñjite pasārite sampajāna-kārī hoti Khi co tay khi duỗi tay biết rõ việc mình đang làm

saṅghāṭi-patta-cīvara-dhāraṇe sampajāna-kārī hoti

Khi mang áo Sanghàti (Tăng-già-lê), mang bát, mang y, biết rõ việc mình đang làm

asite pīte khāyite sāyite sampajāna-kārī hoti

Khi ăn, uống, nhai, nếm, biết rõ việc mình đang làm

uccāra-passāva-kamme sampajāna-kārī hoti

Khi đi đại tiện, tiểu tiện, biết rõ việc mình đang làm.

gate ṭhite nisinne sutte jāgarite bhāsīte tuṅhī-bhāve sampajāna-kārī hoti

Khi đi, đứng, ngồi, ngủ, nói, im lặng biết rõ việc mình đang làm

Iti ajjhataṃ vā kāye kāyā'nupassī viharati

Như vậy, vị ấy sống quán thân trên nội thân

bahiddhā vā kāye kāyā'nupassī viharati hay sống quán thân trên ngoại thân

Ajjhatta-bahiddhā vā kāye kāyā'nupassī viharati

hay sống quán thân trên cả nội thân, ngoại thân

Samudaya-dhammā'nupassī vā kāyasmim viharati

Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân;

Vaya-dhammā'nupassī vā kāyasmim viharati hay sống quán tánh diệt tận trên thân

samudaya-vaya-dhammā'nupassī vā kāyasmim viharati

hay sống quán tánh sanh diệt trên thân

'Atthi kāyo'ti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti

"Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy

Yāva-d-eva ñāṇamattāya paṭissatimattāya anissito ca viharati

với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa

na ca kiñci loke upādiyati không chấp trước một vật gì trên đời

Evam'pi kho, bhikkhave Này các Tỷ kheo, như vậy là

bhikkhu kāye kāyā'nupassī viharati Tỷ kheo sống quán thân trên thân

Sampajāna-pabbam niṭṭhitam

dứt phần tỉnh giác

Kāyānupassanā paṭikūlamanasikārapabbam
Quán thân – phần quán thể trược(đáng nhòm góm)

Puna caparam bhikkhave Lại nữa này các Tỷ kheo
bhikkhu imam-eva kāyam Tỷ kheo quán sát thân này
uddham pāda-talā adho kesa-matthakā
dưới từ bàn chân trở lên, trên cho đến đỉnh tóc trở xuống
taca-pariyantaṃ pūram nānappakārassa asucino paccavekkhati
bao bọc bởi da và chứa đầy những vật bất tịnh sai biệt
’atthi imasmim kāye "Trong thân này có:
kesā lomā nakhā dantā taco tóc, lông, móng, răng, da
maṃsam nhāru aṭṭhi aṭṭhi-miñjam vakkam thịt, gân, xương, thận, tử
hadayaṃ yakanam kilomakam pihakam papphasam
tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi
antaṃ antagunam udariyam karisam matthalunam
ruột, màng ruột, bụng, phân, não trong đầu
pittam semham pubbo lohitaṃ sedo medo mật, đàm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ
assu vasā kheḷo siṅghāṇikā lasikā muttan’ti
nước mắt, mỡ da, nước miếng, niêm dịch, nước ở khớp xương, nước tiểu."

Seyyathā’pi, bhikkhave Nay các Tỷ kheo, cũng như
Ubhato-mukhā putoli pūrā nānāvihitassa dhaññassa, seyyath’idaṃ
một bao đờ, hai đầu trống đựng đầy các loại hạt như
sālīnam vīhīnam muggānam māsānam tilānam taṇḍulānam
gạo, lúa, đậu xanh, đậu lớn, mè, gạo đã xay rồi
Tamenam cakkhumā puriso muñcitvā paccavekkheyya
Một người có mắt, đổ các hạt ấy ra và quan sát:
’ime sālī, ime vīhī ime muggā ime māsā ime tilā ime taṇḍulā’ti
"Đây là hạt gạo, đây là hạt lúa, đây là đậu xanh, đây là đậu đỏ, đây là mè, đây là hạt lúa đã xay rồi."
Evam-eva kho, bhikkhave Cũng vậy, này các Tỷ kheo
bhikkhu imam-eva kāyam một Tỷ kheo quán sát thân này
uddham pāda-talā adho kesa-matthakā
dưới từ bàn chân trở lên, trên cho đến đỉnh tóc trở xuống
taca-pariyantaṃ pūram nānappakārassa asucino paccavekkhati
bao bọc bởi da và chứa đầy những vật bất tịnh sai biệt
’atthi imasmim kāye"Trong thân này có:
kesā lomā nakhā dantā taco tóc, lông, móng, răng, da
maṃsam nhāru aṭṭhi aṭṭhi-miñjam vakkam thịt, gân, xương, tử, thận, tim,

hadayaṃ yakaṃ kilomakaṃ pihakaṃ papphāsaṃ

gan, hoành cách mô, lá lách, phổi

antaṃ anta-guṇaṃ udariyaṃ karīsaṃ matthaluṅgaṃ

ruột, màng ruột, bụng, phân, não trong đầu

pittaṃ semhaṃ pubbo lohitaṃ sedo medo

mật, đờm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ

assu vasā kheḷo siṅghāṇikā lasikā muttan'ti

nước mắt, mỡ da, nước miếng, niêm dịch, nước ở khớp xương, nước tiểu."

Iti ajjhattaṃ vā kāye kāyā'nupassī viharati

Như vậy vị ấy sống quán thân trên nội thân

bahiddhā vā kāye kāyā'nupassī viharati

hay sống quán thân trên ngoại thân

ajjhatta-bahiddhā vā kāye kāyā'nupassī viharati

hay sống quán thân trên cả nội thân, ngoại thân.

Samudaya-dhammā'nupassī vā kāyasmīṃ viharati

Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân

Vaya-dhammā'nupassī vā kāyasmīṃ viharati

hay sống quán tánh diệt tận trên thân

Samudaya-vaya-dhammā'nupassī vā kāyasmīṃ viharati

hay sống quán tánh sanh diệt trên thân

'Atthi kāyo'ti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti

"Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy

Yāva-d-eva ñāṇamattāya paṭissatimattāya anissito ca viharati

với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa

na ca kiñci loke upādiyati không chấp trước một vật gì trên đời

Evam'pi kho, bhikkhave Nay các Tỷ kheo, như vậy là

bhikkhu kāye kāyā'nupassī viharati vị Tỷ kheo sống quán thân trên thân.

Paṭikūla-manasikāra-pabbaṃ niṭṭhitaṃ

dứt phần quán thể trước

Kāyānupassanā dhātumanasikārapabbam
Quán thân – phần quán tứ đại (bản chất)

Puna caparam bhikkhave Lại nữa này các Tỷ kheo
bhikkhu imam-eva kāyam Tỷ kheo quán sát thân này
yathā ʒhitam yathā paṇihitam dhātuso paccavekkhati
về vị trí các giới và sự sắp đặt các giới
atthi imasmim kāye "Trong thân này có
pathavī-dhātu āpo-dhātu tejo-dhātu vāyo-dhātū'ti
địa đại, thủy đại, hỏa đại và phong đại."

Seyyathā'pi, bhikkhave Nay các Tỷ kheo, giống như
dakkho goghātako vā goghatak'antevāsī vā
một người đồ tể thiện xảo, hay đệ tử của một người đồ tể
gāvim vadhitvā catu-mahā-pathe bilaso vibhajitvā nisinno assa
sau khi giết một con bò, ngồi cắt chia từng thân phần tại ngã tư đường.
evam-eva kho, bhikkhave Cũng vậy này các Tỷ kheo,
bhikkhu imam-eva kāyam vị Tỷ kheo quán sát thân này
yathā ʒhitam yathā paṇihitam dhātuso paccavekkhati
về vị trí các giới và về sự sắp đặt các giới:
'atthi imasmim kāye "Trong thân này có
Pathavī-dhātu āpo-dhātu tejo-dhātu vāyo-dhātū'ti
địa đại, thủy đại, hỏa đại và phong đại."

Iti ajjhattam vā kāye kāyā'nupassī viharati
Như vậy vị ấy sống quán thân trên nội thân
bahiddhā vā kāye kāyā'nupassī viharati
hay sống quán thân trên ngoại thân
ajjhatta-bahiddhā vā kāye kāyā'nupassī viharati
hay sống quán thân trên cả nội thân, ngoại thân
Samudaya-dhammā'nupassī vā kāyasmim viharati
Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân
Vaya-dhammā'nupassī vā kāyasmim viharati
hay sống quán tánh diệt tận trên thân

Mahāsatipaṭṭhānasuttaṃ: Kinh Đại Niệm Xứ(1)

Samudaya-vaya-dhammā'nupassī vā kāyasmim viharati

hay sống quán tánh sanh diệt trên thân

'Atthi kāyo'ti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti

"Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy

Yāva-d-eva ñāṇamattāya paṭissatimattāya anissito ca viharati

với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm, và vị ấy sống không nương tựa

na ca kiñci loke upādiyati

không chấp trước một vật gì trên đời

Evam'pi kho, bhikkhave

Này các Tỷ kheo, như vậy là

bhikkhu kāye kāyā'nupassī viharati

Tỷ kheo sống quán thân trên thân.

Dhātu-manasikāra-pabbam niṭṭhitam

dứt phần quán tứ đại

Kāyānupassanā navasivathikapabbam-
Quán thân – phần 9 loại tử thi

Puna caparam, bhikkhave Lại nữa này các Tỷ kheo

bhikkhu seyyathā’pi passeyya sarīram sivathikāya chaḍḍitam

Tỷ kheo, như thấy một thi thể quăng bỏ trong nghĩa địa

Ekā’ha-mataṃ vā dvī’ha-mataṃ vā một ngày, hai ngày,

Tī’ha-mataṃ vā uddhumātakam vinīlakam vipubbaka-jātam

ba ngày, thi thể ấy trương phồng lên, xanh đen lại, nát thối ra

so imam-eva kāyam upasaṃharati Tỷ kheo quán thân ấy như sau:

‘ayam’pi kho kāyo "Thân này cũng vậy.

evam dhammo evam bhāvī evam anatīto’ti

tánh chất là như vậy, bản tánh là như vậy, không vượt khỏi tánh chất ấy."

Iti ajjhattam vā kāye kāyā’nupassī viharati

Như vậy vị ấy sống quán thân trên nội thân

bahiddhā vā kāye kāyā’nupassī viharati

hay sống quán thân trên ngoại thân

ajjhatta-bahiddhā vā kāye kāyā’nupassī viharati

hay sống quán thân trên cả nội thân, ngoại thân

Samudaya-dhammā’nupassī vā kāyasmim viharati

Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân

Vaya-dhammā’nupassī vā kāyasmim viharati

hay sống quán tánh diệt tận trên thân

Samudaya-vaya-dhammā’nupassī vā kāyasmim viharati

hay sống quán tánh sanh diệt trên thân

‘Atthi kāyo’ti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti

"Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy

Yāva-d-eva ñāṇamattāya paṭissatimattāya anissito ca viharati

với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa

na ca kiñci loke upādiyati không chấp trước một vật gì trên đời.

Evam’pi kho, bhikkhave Nay các Tỷ kheo, như vậy là

bhikkhu kāye kāyā’nupassī viharati Tỷ kheo sống quán thân trên thân.

Puna caparaṃ bhikkhave Lại nữa này các Tỷ kheo

bhikkhu seyyathā’pi passeyya sarīraṃ sivathikāya chaḍḍitaṃ

Tỷ kheo như thấy một thi thể quăng bỏ trong nghĩa địa

kākehi vā khajjamānaṃ bị các loài quạ ăn

kulalehi vā khajjamānaṃ hay bị các loài diều hâu ăn

gijjhehi vā khajjamānaṃ hay bị các chim kên ăn;

kañkehi vā khajjamānaṃ hay bị các con cò ma ăn

sunakhehi vā khajjamānaṃ hay bị các loài chó ăn

byagghehi vā khajjamānaṃ hay bị các con hổ ăn

dīpīhi vā khajjamānaṃ hay bị các con báo ăn

siṅgālehi vā khajjamānaṃ hay bị các loài giẻ can ăn

vividhehi vā pāṇaka-jātehi khajjamānaṃ hay bị các loài côn trùng ăn.

So imam-eva kāyaṃ upasaṃharati— Tỷ kheo quán thân ấy như sau:

‘ayam’pi kho kāyo Thân này cũng vậy

evaṃ dhammo evaṃ bhāvī evaṃ anatīto’ti

"tánh chất là như vậy, bản chất là như vậy, không vượt khỏi tánh chất ấy."

Iti ajjhataṃ vā kāye kāyā’nupassī viharati

Như vậy vị ấy sống quán thân trên nội thân

bahiddhā vā kāye kāyā’nupassī viharati

hay sống quán thân trên ngoại thân

ajjhata-bahiddhā vā kāye kāyā’nupassī viharati

hay sống quán thân trên cả nội thân, ngoại thân

Samudaya-dhammā’nupassī vā kāyasmim viharati

Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân

Vaya-dhammā’nupassī vā kāyasmim viharati

hay sống quán tánh sanh diệt trên thân

Samudaya-vaya-dhammā’nupassī vā kāyasmim viharati

hay sống quán tánh sanh diệt trên thân

‘Atthi kāyo’ti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti

"Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy

Yāva-d-eva ñāṇamattāya paṭissatimattāya anissito ca viharati

với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm và vị ấy sống không nương tựa

na ca kiñci loke upādiyati không chấp trước một vật gì trên đời

Evam’pi kho, bhikkhave Này các Tỷ kheo, như vậy là

bhikkhu kāye kāyā’nupassī viharati Tỷ kheo sống quán thân trên thân

Puna caparaṃ, bhikkhave Nay các Tỷ kheo, lại nữa

bhikkhu seyyathā'pi passeyya sarīraṃ sivathikāya chaḍḍitaṃ

Tỷ kheo như thấy một thi thể bị quăng bỏ trong nghĩa địa

aṭṭhika-saṅkhalikaṃ với các xương còn liên kết với nhau

sa-maṃsa-lohitaṃ còn dính thịt và máu

nhāru-sambandhaṃ còn được các đường gân cột lại

...pe... như trên...

aṭṭhika-saṅkhalikaṃ với các xương còn liên kết với nhau

ni-maṃsa-lohita- makkhitaṃ không còn dính thịt nhưng còn dính máu

nhāru-sambandhaṃ còn được các đường gân cột lại

...pe... như trên...

aṭṭhika-saṅkhalikaṃ với các xương còn liên kết với nhau

apagata-maṃsa-lohitaṃ không còn dính thịt và máu

nhāru-sambandhaṃ, còn được các đường gân cột lại

...pe... như trên...

aṭṭhikāni apagata-sambandhāni disā vidisā vikkhittāni

chỉ còn có xương không dính lại với nhau, rải rác chỗ này chỗ kia

aññena hatthaṭṭhikaṃ ở đây là xương tay

aññena pādaṭṭhikaṃ ở đây là xương chân,

aññena gopphaṭṭhikaṃ ở đây là xương mắt cá

aññena jaṅghaṭṭhikaṃ ở đây là xương ống,

aññena ūruṭṭhikaṃ ở đây là xương bắp vế(đùi)

aññena kaṭiṭṭhikaṃ ở đây là xương hông(háng)

aññena phāsukaṭṭhikaṃ ở đây là xương sườn

aññena piṭṭhiṭṭhikaṃ ở đây là xương sống,

aññena khandhaṭṭhikaṃ ở đây là xương vai

aññena gīvaṭṭhikaṃ ở đây là xương cổ

aññena hanukaṭṭhikaṃ ở đây là xương hàm

aññena dantaṭṭhikaṃ ở đây là xương răng

aññena sīsakaṭāhaṃ ở đây là xương đầu

So imam-eva kāyaṃ upasaṃharati Tỷ kheo quán thân ấy như sau:

'āyaṃ'pi kho kāyo "Thân này cũng vậy

evaṃ dhammo evaṃ bhāvī evaṃ anatīto'ti

tánh chất là như vậy, bản tánh là như vậy, không vượt khỏi tánh chất ấy"

Iti ajjhattaṃ vā kāye kāyā'nupassī viharati

Như vậy vị ấy sống quán thân trên nội thân

bahiddhā vā kāye kāyā'nupassī viharati

hay sống quán thân trên ngoại thân

ajjhatta-bahiddhā vā kāye kāyā'nupassī viharati

hay sống quán thân trên cả nội thân, ngoại thân

Samudaya-dhammā'nupassī vā kāyasmim viharati

Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân

Vaya-dhammā'nupassī vā kāyasmim viharati

hay vị ấy sống quán tánh diệt tận trên thân

Samudaya-vaya-dhammā'nupassī vā kāyasmim viharati

hay vị ấy sống quán tánh sanh diệt trên thân

'Atthi kāyo'ti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti

"Có thân đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy

Yāva-d-eva ñāṇamattāya paṭissatimattāya anissito ca viharati

với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa

na ca kiñci loke upādiyati không chấp trước một vật gì ở trên đời.

Evam'pi kho, bhikkhave Nay các Tỷ kheo, như vậy là

bhikkhu kāye kāyā'nupassī viharati Tỷ kheo sống quán thân trên thân

Puna caparaṃ, bhikkhave Lại nữa này các Tỷ kheo

bhikkhu seyyathā'pi passeyya sarīraṃ sivathikāya chaḍḍitaṃ

Tỷ kheo như thấy một thi thể quăng bỏ trong nghĩa địa

aṭṭhikāni setāni saṅkha-vaṇṇa paṭibhāgāni

chỉ còn toàn xương trắng màu vỏ ốc... ..pe... ..như trên...

aṭṭhikāni puñjakitāni tero-vassikāni

chỉ còn một đống xương lâu hơn một năm...

...pe... ..như trên...

aṭṭhikāni pūtīni cuṇṇaka-jātāni chỉ còn là xương thối trở thành bột

So imam-eva kāyaṃ upasaṃharati Tỷ kheo quán thân ấy như sau:

'ayam'pi kho kāyo "Thân này cũng vậy

evaṃ dhammo evaṃ bhāvī evaṃ anatīto'ti

tánh chất là như vậy, bản tánh là như vậy, không vượt khỏi tánh chất ấy."

Iti ajjhattaṃ vā kāye kāyā'nupassī viharati

Như vậy vị ấy sống quán thân trên nội thân

bahiddhā vā kāye kāyā'nupassī viharati

hay sống quán thân trên ngoại thân

ajjhata-bahiddhā vā kāye kāyā'nupassī viharati

hay sống quán thân trên cả nội thân, ngoại thân

Samudaya-dhammā'nupassī vā kāyasmim viharati

Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân

Vaya-dhammā'nupassī vā kāyasmim viharati

hay sống quán tánh diệt tận trên thân

Samudaya-vaya-dhammā'nupassī vā kāyasmim viharati

hay sống quán tánh sanh diệt trên thân

'Atthi kāyo'ti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti

"Có thân đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy

Yāva-d-eva ñāṇamattāya paṭissatimattāya anissito ca viharati

với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa

na ca kiñci loke upādiyati không chấp trước một vật gì ở trên đời

Evam'pi kho, bhikkhave Nay các Tỷ kheo, như vậy là

bhikkhu kāye kāyā'nupassī viharati Tỷ kheo sống quán thân trên thân

Nava-sivathika-pabbam niṭṭhitam

Dứt phần 9 loại tử thi

Cuddasa kāyānupassanā niṭṭhitā

Dứt 14 phần quán thân

Hay khi cảm giác bất khổ bất lạc thọ không thuộc vật chất(không liên quan đến 5 dục)

'nirāmisam adukkham-asukham vedanam vedayāmi'ti pajānāti

biết rằng: "Con cảm giác bất khổ bất lạc thọ không thuộc vật chất"

iti ajjhattam vā vedanāsu vedanā'nupassī viharati

Như vậy vị ấy sống quán thọ trên các nội thọ

bahiddhā vā vedanāsu vedanā'nupassī viharati

hay sống quán thọ trên các ngoại thọ

ajjhatta-bahiddhā vā vedanāsu vedanā'nupassī viharati

hay sống quán thọ trên cả các nội thọ, ngoại thọ

Samudaya-dhammā'nupassī vā vedanāsu viharati

Hay sống quán tánh sanh khởi trên các thọ;

Vaya-dhammā'nupassī vā vedanāsu viharati

hay sống quán tánh diệt tận trên các thọ;

Samudaya-vaya-dhammā'nupassī vā vedanāsu viharati

hay sống quán tánh sanh diệt trên các thọ

'atthi vedanā'ti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti

Có thọ đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy

Yāva-d-eva ñāṇamattāya paṭissatimattāya anissito ca viharati

với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa

na ca kiñci loke upādiyati không chấp trước một vật gì ở trên đời

evam'pi kho, bhikkhave Nay các Tỷ kheo, như vậy

bhikkhu vedanāsu vedanā'nupassī viharati Tỷ kheo sống quán thọ trên các thọ

Vedanā'nupassanā niṭṭhitā

Dứt phần quán thọ

Kathañca pana, bhikkhave

Này các Tỷ kheo, như thế nào

bhikkhu citte cittā'nupassī viharati

Là Tỷ kheo sống quán tâm trên tâm

idha, bhikkhave

Này các Tỷ kheo, ở đây

bhikkhu sa-rāgaṃ vā cittaṃ 'sa-rāgaṃ cittaṃ'ti pajānāti

vị Tỷ kheo: "Với tâm có tham, biết rằng tâm có tham"

vīta-rāgaṃ vā cittaṃ 'vīta-rāgaṃ cittaṃ'ti pajānāti

hay "Với tâm không tham, biết rằng tâm không tham"

sa-dosaṃ vā cittaṃ 'sa-dosaṃ cittaṃ'ti pajānāti

hay "Với tâm có sân, biết rằng tâm có sân"

vīta-dosaṃ vā cittaṃ 'vīta-dosaṃ cittaṃ'ti pajānāti

hay "Với tâm không sân, biết rằng tâm không sân"

sa-mohaṃ vā cittaṃ 'sa-mohaṃ cittaṃ'ti pajānāti

hay "Với tâm có si, biết rằng tâm có si"

vīta-mohaṃ vā cittaṃ 'vīta-mohaṃ cittaṃ'ti pajānāti

hay "Với tâm không si, biết rằng tâm không si"

sañkhittaṃ vā cittaṃ 'sañkhittaṃ cittaṃ'ti pajānāti

hay "Với tâm thâu nhiếp, biết rằng tâm được thâu nhiếp"

vikkhittaṃ vā cittaṃ 'vikkhittaṃ cittaṃ'ti pajānāti

hay "Với tâm tán loạn, biết rằng tâm bị tán loạn"

mahaggataṃ vā cittaṃ 'mahaggataṃ cittaṃ'ti pajānāti

hay "Với tâm quảng đại, biết rằng tâm được quảng đại"

a-mahaggataṃ vā cittaṃ 'a-mahaggataṃ cittaṃ'ti pajānāti

hay "Với tâm không quảng đại, biết rằng tâm không được quảng đại"

sa-uttaraṃ vā cittaṃ 'sa-uttaraṃ cittaṃ'ti pajānāti

hay "Với tâm hữu hạn, biết rằng tâm hữu hạn"

anuttaraṃ vā cittaṃ 'anuttaraṃ cittaṃ'ti pajānāti

hay "Với tâm vô thượng, biết rằng tâm vô thượng"

samāhitaṃ vā cittaṃ 'samāhitaṃ cittaṃ'ti pajānāti

hay "Với tâm có định, biết rằng tâm có định"

a-samāhitaṃ vā cittaṃ 'a-samāhitaṃ cittaṃ'ti pajānāti

hay "Với tâm không định, biết rằng tâm không định"

vimuttaṃ vā cittaṃ 'vimuttaṃ cittaṃ'ti pajānāti

hay "Với tâm giải thoát, biết rằng tâm có giải thoát"

a-vimuttaṃ vā cittaṃ 'a-vimuttaṃ cittaṃ'ti pajānāti

hay "Với tâm không giải thoát, biết rằng tâm không giải thoát"

iti ajjhattaṃ vā citte citta'nupassī viharati

Như vậy vị ấy sống quán tâm trên nội tâm

bahiddhā vā citte citta'nupassī viharati

hay sống quán tâm trên ngoại tâm

ajjhatta-bahiddhā vā citte citta'nupassī viharati

hay sống quán tâm trên nội tâm, ngoại tâm

Samudaya-dhammā'nupassī vā cittasmiṃ viharati

Hay sống quán tánh sanh khởi trên tâm

Vaya-dhammā'nupassī vā cittasmiṃ viharati

hay sống quán tánh diệt tận trên tâm

samudaya-vaya-dhammā'nupassī vā cittasmiṃ viharati

hay sống quán tánh sanh diệt trên tâm

'atthi cittaṃ'ti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti

"Có tâm đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy

Yāva-d-eva ñāṇamattāya paṭissatimattāya anissito ca viharati

với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa

na ca kiñci loke upādiyati không chấp trước một vật gì trên đời.

evam'pi kho, bhikkhave Nay các Tỷ kheo, như vậy

bhikkhu citte citta'nupassī viharati Là vị Tỷ kheo sống quán tâm trên

Cittā'nupassanā niṭṭhitā-Dứt phần quán tâm

KINH TỤNG NGÀY THỨ HAI

Kathaṅca pana, bhikkhave Này các Tỷ kheo

bhikkhu dhammesu dhammā'nupassī viharati

thế nào là vị Tỷ kheo sống quán pháp trên các pháp?

idha, bhikkhave Này các Tỷ kheo, ở đây

bhikkhu dhammesu dhammā'nupassī viharati

Tỷ kheo sống quán pháp trên các pháp

pañcasu nīvaraṇesu

đối với năm triền cái

kathaṅca pana, bhikkhave

Và này các Tỷ kheo, thế nào

bhikkhu dhammesu dhammānupassī viharati

là vị Tỷ kheo sống quán pháp trên các pháp

pañcasu nīvaraṇesu đối với năm triền cái?

Idha, bhikkhave Này các Tỷ kheo, ở đây

bhikkhu santam vā ajjhataṃ kāma-c-chandaṃ

Tỷ kheo, nội tâm có tham dục

'atthi me ajjhataṃ kāma-c-chando'ti pajānāti

tuệ tri: "Nội tâm Con có tham dục"

asantaṃ vā ajjhataṃ kāma-c-chandaṃ

hay nội tâm không có tham dục

'natthi me ajjhataṃ kāma-c-chando'ti pajānāti

tuệ tri rằng: "Nội tâm Con không có tham dục"

yathā ca anuppannaṃ kāma-c-chandassa uppādo hoti

Và với tham dục chưa sanh nay sanh khởi

taṅca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca uppannaṃ kāma-c-chandassa pahānaṃ hoti

Và với tham dục đã sanh nay được đoạn diệt

taṅca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca pahīnaṃ kāma-c-chandassa āyatim anuppādo hoti

Và với tham dục đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa

taṅca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

Santaṃ vā ajjhataṃ byāpādaṃ

Hay nội tâm có sân hận

'atthi me ajjhattaṃ byāpādo'ti pajānāti

tuệ tri rằng: "Nội tâm Con có sân hận"

asantaṃ vā ajjhattaṃ byāpādaṃ

hay nội tâm không có sân hận

'natthi me ajjhattaṃ byāpādo'ti pajānāti

tuệ tri rằng: "Nội tâm Con không có sân hận."

yathā ca anuppannassa byāpādassa uppādo hoti

Và với sân hận chưa sanh nay sanh khởi

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca uppannassa byāpādassa pahānaṃ hoti

Và với sân hận đã sanh nay được đoạn diệt

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca pahīnassa byāpādassa āyatim anuppādo hoti

Và với sân hận đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

Santaṃ vā ajjhattaṃ thina-middhaṃ

Hay nội tâm có hôn trầm thụy miên

'atthi me ajjhattaṃ thina- middhan'ti pajānāti

tuệ tri rằng: "Nội tâm Con có hôn trầm thụy miên"

asantaṃ vā ajjhattaṃ thina-middhaṃ

hay nội tâm không có hôn trầm thụy miên,

'natthi me ajjhattaṃ thina-middhan'ti pajānāti

tuệ tri rằng: "Nội tâm Con không có hôn trầm thụy miên"

yathā ca anuppannassa thina-middhassa uppādo hoti

Và với hôn trầm thụy miên chưa sanh nay sanh khởi

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca uppannassa thina-middhassa pahānaṃ hoti

và với hôn trầm thụy miên đã sanh nay bị đoạn diệt

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy.

yathā ca pahīnassa thina-middhassa āyatim anuppādo hoti

Và với hôn trầm thụy miên đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

Santaṃ vā ajjhattaṃ uddhacca-kukkuccaṃ

Hay nội tâm có trạo hối

'atthi me ajjhattaṃ uddhacca-kukkuccaṃ'ti pajānāti

tuệ tri rằng: "Nội tâm Con có trạo hối"

asantam vā ajjhattam uddhacca- kukkucam

hay nội tâm không có trạo hối

‘natthi me ajjhattam uddhacca-kukkucan’ti pajānāti

tuệ tri rằng: "Nội tâm Con không có trạo hối"

yathā ca anuppannassa uddhacca-kukkuccassa uppādo hoti

Và với trạo hối chưa sanh nay sanh khởi

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca uppannassa uddhacca-kukkuccassa pahānam hoti

Và với trạo hối đã sanh nay được đoạn diệt

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca pahīnassa uddhacca-kukkuccassa āyatim anuppādo hoti

Và với trạo hối đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

Santam vā ajjhattam vicikiccham

Hay nội tâm có nghi

‘atthi me ajjhattam vicikicchā’ti pajānāti

tuệ tri rằng: "Nội tâm Con có nghi"

asantam vā ajjhattam vicikiccham

hay nội tâm không có nghi

‘natthi me ajjhattam vicikicchā’ti pajānāti

tuệ tri rằng: "Nội tâm Con không có nghi."

yathā ca anuppannāya vicikicchāya uppādo hoti

Và với nghi chưa sanh nay sanh khởi

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca uppannāya vicikicchāya pahānam hoti

Và với nghi đã sanh, nay được đoạn diệt

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca pahīnāya vicikicchāya āyatim anuppādo hoti

và với nghi đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

Iti ajjhattam vā dhammesu dhammā’nupassī viharati

Như vậy vị ấy sống quán pháp trên các nội pháp

bahiddhā vā dhammesu dhammā’nupassī viharati

hay sống quán pháp trên các ngoại pháp

ajjhatta-bahiddhā vā dhammesu dhammā’nupassī viharati

hay sống quán pháp trên cả các nội pháp, ngoại pháp

Samudaya-dhammā’nupassī vā dhammesu viharati

Kinh tụng Ngày Thứ Hai

Hay sống quán tánh sanh khởi trên các pháp

Vaya-dhammā'nupassī vā dhammesu viharati

hay sống quán tánh diệt tận trên các pháp

Samudaya-vaya-dhammā'nupassī vā dhammesu viharati

hay sống quán tánh sanh diệt trên các pháp.

'atthi dhammā'ti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti

"Có những pháp ở đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy

Yāva-d-eva ñāṇamattāya paṭissatimattāya anissito ca viharati

với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa

na ca kiñci loke upādiyati

không chấp trước một vật gì trên đời

Evam'pi kho, bhikkhave

Này các Tỷ kheo, như vậy là

bhikkhu dhammesu dhammā'nupassī viharati

Tỷ kheo sống quán pháp trên các pháp

pañcasu nīvaraṇesu

đối với năm triền cái

Nīvaraṇa-pabbam niṭṭhitam

Dứt phần triền cái

Dhammānupassanā khandhapabbam
Quán Pháp – phần Uẩn

Puna caparaṃ, bhikkhave Lại nữa, này các Tỷ kheo
bhikkhu dhammesu dhammā'nupassī viharati

Tỷ kheo sống quán pháp trên các pháp

pañcasu upādāna-k-khandhesu

đối với Năm Thủ uẩn

Kathañca pana, bhikkhave, Này các Tỷ kheo, thế nào
bhikkhu dhammesu dhammā'nupassī viharati

là Tỷ kheo sống quán pháp trên các pháp

pañcasu upādāna-k- khandhesu

đối với Năm Thủ uẩn

Idha, bhikkhave, Này các Tỷ kheo
bhikkhu— 'iti rūpaṃ, iti rūpassa samudayo, iti rūpassa atthaṅgamo

Tỷ kheo suy tư: "Đây là sắc, đây là sắc sanh, đây là sắc diệt

iti vedanā, iti vedanāya samudayo, iti vedanāya atthaṅgamo

Đây là thọ, đây là thọ sanh, đây là thọ diệt

iti saññā, iti saññāya samudayo, iti saññāya atthaṅgamo

Đây là tưởng, đây là tưởng sanh, đây là tưởng diệt

iti saṅkhārā, iti saṅkhārānaṃ samudayo, iti saṅkhārānaṃ atthaṅgamo

Đây là hành, đây là hành sanh, đây là hành diệt

iti viññāṇaṃ, iti viññāṇassa samudayo, iti viññāṇassa atthaṅgamo'ti

Đây là thức, đây là thức sanh, đây là thức diệt"

iti ajjhattaṃ vā dhammesu dhammā'nupassī viharati

Như vậy vị ấy sống quán pháp trên các nội pháp

bahiddhā vā dhammesu dhammā'nupassī viharati

hay sống quán pháp trên các ngoại pháp

ajjhatta-bahiddhā vā dhammesu dhammā'nupassī viharati

hay sống quán pháp trên các nội pháp, ngoại pháp

Samudaya- dhammā'nupassī vā dhammesu viharati

hay sống quán tánh sanh khởi trên các pháp

Vaya-dhammā'nupassī vā dhammesu viharati

hay sống quán tánh diệt tận trên các pháp

Samudaya-vaya-dhammā'nupassī vā dhammesu viharati

hay sống quán tánh sanh diệt trên các pháp

Kinh tụng Ngày Thứ Hai

'Atthi dhammā'ti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti

"Có những pháp ở đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy,

Yāva-d-eva ñāṇamattāya paṭissatimattāya, anissito ca viharati

với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa

na ca kiñci loke upādiyati không chấp trước một vật gì ở trên đời

Evam'pi kho, bhikkhave Nay các Tỷ kheo, như vậy là

bhikkhu dhammesu dhammā'nupassī viharati

Tỷ kheo sống quán pháp trên các pháp

pañcasu upādāna-k-khandhesu

đối với Năm Thủ uẩn

Khandha-pabbam niṭṭhitam

Dứt phần Uẩn

Puna caparaṃ, bhikkhave Lại nữa này các Tỷ kheo
bhikkhu dhammesu dhammā'nupassī viharati Tỷ kheo sống quán pháp trên các pháp
chasu ajjhattika-bāhiresu āyatanesu đối với Sáu Nội Ngoại xứ

Kathañca pana, bhikkhave Nay các Tỷ kheo, thế nào
bhikkhu dhammesu dhammā'nupassī viharati
là Tỷ kheo sống quán pháp trên các pháp
chasu ajjhattika-bāhiresu āyatanesu đối với Sáu Nội Ngoại xứ

Idha, bhikkhave Nay các Tỷ kheo, ở đây
bhikkhu cakkhuñca pajānāti, rūpe ca pajānāti
Tỷ kheo tuệ tri con mắt và tuệ tri các sắc
yañca tadubhayaṃ paṭicca uppajjati saṃyojanaṃ
do duyên hai pháp này, kiết sử sanh khởi
tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy
yathā ca anuppannaṃ saṃyojanassa uppādo hoti
và với kiết sử chưa sanh nay sanh khởi
tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy
yathā ca uppannaṃ saṃyojanassa pahānaṃ hoti
và với kiết sử đã sanh nay được đoạn diệt
tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy
yathā ca pahīnaṃ saṃyojanassa āyatim anuppādo hoti
và với kiết sử đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa
tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

Sotañca pajānāti, sadde ca pajānāti
Tuệ tri tai và tuệ tri các thanh
yañca tadubhayaṃ paṭicca uppajjati saṃyojanaṃ
do duyên hai pháp này, kiết sử sanh khởi
tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy
yathā ca anuppannaṃ saṃyojanassa uppādo hoti
và với kiết sử chưa sanh nay sanh khởi
tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy
yathā ca uppannaṃ saṃyojanassa pahānaṃ hoti
và với kiết sử đã sanh nay được đoạn diệt

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca pahīnassa saṃyojanassa āyatim anuppādo hoti

và với kiết sử đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa,

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

Ghānañca pajānāti, gandhe ca pajānāti

Tuệ tri mũi và tuệ tri các hương

yañca tadubhayam paṭicca uppajjati saṃyojanam

do duyên hai pháp này, kiết sử sanh khởi

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca anuppannassa saṃyojanassa uppādo hoti

và với kiết sử chưa sanh nay sanh khởi

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca uppannassa saṃyojanassa pahānam hoti

và với kiết sử đã sanh nay được đoạn diệt

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca pahīnassa saṃyojanassa āyatim anuppādo hoti

và với kiết sử đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

Jivhañca pajānāti, rase ca pajānāti

Tuệ tri lưỡi và tuệ tri các vị

yañca tadubhayam paṭicca uppajjati saṃyojanam

do duyên hai pháp này, kiết sử sanh khởi

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca anuppannassa saṃyojanassa uppādo hoti

và với kiết sử chưa sanh nay sanh khởi

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca uppannassa saṃyojanassa pahānam hoti

và với kiết sử đã sanh nay được đoạn diệt

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca pahīnassa saṃyojanassa āyatim anuppādo hoti

và với kiết sử đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

Kāyañca pajānāti, phoṭṭhabbe ca pajānāti

Tuệ tri thân và tuệ tri các xúc

yañca tadubhayam paṭicca uppajjati saṃyojanam

do duyên hai pháp này, kiết sử sanh khởi

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca anuppannassa saṃyojanassa uppādo hoti

và với kiết sử chưa sanh nay sanh khởi

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca uppannassa saṃyojanassa pahānaṃ hoti

và với kiết sử đã sanh nay được đoạn diệt

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca pahīnassa saṃyojanassa āyatim anuppādo hoti

và với kiết sử đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

Manañca pajānāti, dhamme ca pajānāti

Tuệ tri ý và tuệ tri các pháp

yañca tadubhayaṃ paṭicca uppajjati saṃyojanaṃ

do duyên hai pháp này, kiết sử sanh khởi,

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca anuppannassa saṃyojanassa uppādo hoti

và với kiết sử chưa sanh nay sanh khởi,

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca uppannassa saṃyojanassa pahānaṃ hoti

và với kiết sử đã sanh nay được đoạn diệt

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca pahīnassa saṃyojanassa āyatim anuppādo hoti

và với kiết sử đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

Iti ajjhattaṃ vā dhammesu dhammā'nupassī viharati

Như vậy vị ấy sống quán pháp trên các nội pháp

bahiddhā vā dhammesu dhammā'nupassī viharati

hay sống quán pháp trên các ngoại pháp

ajjhatta-bahiddhā vā dhammesu dhammā'nupassī viharati

hay sống quán pháp trên cả các nội pháp, ngoại pháp

samudaya-dhammā'nupassī vā dhammesu viharati

hay sống quán tánh sanh khởi trên các pháp

vaya-dhammā'nupassī vā dhammesu viharati

hay sống quán tánh diệt tận trên các pháp

samudaya-vaya-dhammā'nupassī vā dhammesu viharati

hay sống quán tánh sanh diệt trên các pháp.

Kinh tụng Ngày Thứ Hai

'atthi dhammā'ti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti

"Có những pháp ở đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy

Yāva-d-eva ñāṇamattāya paṭissatimattāya, anissito ca viharati

với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa

na ca kiñci loke upādiyati không chấp trước một vật gì trên đời

Evam'pi kho, bhikkhave Nay các Tỷ kheo, như vậy là

bhikkhu dhammesu dhammā'nupassī viharati

Tỷ kheo sống quán pháp trên các pháp

chasu ajjhattika-bāhiresu āyatanesu

đối với Sáu Nội Ngoại xứ

Ayatana-pabbam niṭṭhitam

dứt phần Xứ

Dhammānupassanā bojjaṅgapabbāṃ

Quán Pháp – phần Giác chi

Puna caparaṃ, bhikkhave Lại nữa này các Tỷ kheo

bhikkhu dhammesu dhammā'nupassī viharati

Tỷ kheo sống quán pháp trên các pháp

sattasu bojjaṅgesu đối với Bảy Giác chi

kathaṅca pana, bhikkhave Nay các Tỷ kheo, thế nào là

bhikkhu dhammesu dhammā'nupassī viharati

Tỷ kheo sống quán pháp trên các pháp

sattasu bojjaṅgesu đối với Bảy Giác chi

idha, bhikkhave Nay các Tỷ kheo, ở đây

bhikkhu santaṃ vā ajjhattaṃ sati-sambojjaṅgaṃ

Tỷ kheo, nội tâm có Niệm- Giác chi

'atthi me ajjhattaṃ sati-sambojjaṅgo'ti pajānāti

tuệ tri rằng: "Nội tâm Con có Niệm Giác chi"

asantaṃ vā ajjhattaṃ sati-sambojjaṅgaṃ

hay nội tâm không có Niệm- Giác chi

'natthi me ajjhattaṃ sati-sambojjaṅgo'ti pajānāti

tuệ tri rằng: "Nội tâm Con không có Niệm- Giác chi"

yathā ca anuppannaṃ sati-sambojjaṅgassa uppādo hoti

và với Niệm- Giác chi chưa sanh nay sanh khởi

taṅca pajānāti

vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca uppannaṃ sati-sambojjaṅgassa bhāvanāya pāripūrī hoti

và với Niệm- Giác chi đã sanh, nay được tu tập viên thành

taṅca pajānāti

vị ấy tuệ tri như vậy

Santaṃ vā ajjhattaṃ dhamma-vicaya-sambojjaṅgaṃ

Hay nội tâm có Trạch pháp- Giác chi

'atthi me ajjhattaṃ dhamma-vicaya-sambojjaṅgo'ti pajānāti

tuệ tri rằng: "Nội tâm Con có Trạch pháp- Giác chi"

asantaṃ vā ajjhattaṃ dhamma-vicaya-sambojjaṅgaṃ

hay nội tâm không có Trạch pháp- Giác chi

'natthi me ajjhattaṃ dhamma-vicaya-sambojjaṅgo'ti pajānāti

tuệ tri rằng: "Nội tâm Con không có Trạch pháp- Giác chi"

yathā ca anuppannaṃ dhamma-vicaya-sambojjaṅgassa uppādo hoti

và với Trạch pháp- Giác chi chưa sanh nay sanh khởi

tañca pajānāti

vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca uppannassa dhamma-vicaya-sambojjhaṅgassa bhāvanāya pāripūrī hoti

và với Trạch pháp- Giác chi đã sanh, nay được tu tập viên thành

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

Santaṃ vā ajjhataṃ vīriya-sambojjhaṅgaṃ

Hay nội tâm có Tinh tấn Giác chi

‘atthi me ajjhataṃ vīriya-sambojjhaṅgo’ti pajānāti

tuệ tri rằng: "Nội tâm Con có Tinh tấn- Giác chi"

asantaṃ vā ajjhataṃ vīriya- sambojjhaṅgaṃ

nội tâm không có Tinh tấn- Giác chi

‘natthi me ajjhataṃ vīriya-sambojjhaṅgo’ti pajānāti

tuệ tri rằng: "Nội tâm Con không có Tinh tấn Giác chi"

yathā ca anuppannassa vīriya-sambojjhaṅgassa uppādo hoti

và với Tinh tấn -Giác chi chưa sanh nay sanh khởi

tañca pajānāti

vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca uppannassa vīriya-sambojjhaṅgassa bhāvanāya pāripūrī hoti

và với Tinh tấn -Giác chi đã sanh, nay được tu tập viên thành

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

Santaṃ vā ajjhataṃ pīti-sambojjhaṅgaṃ

Hay nội tâm có Hỷ -Giác chi

‘atthi me ajjhataṃ pīti-sambojjhaṅgo’ti pajānāti

tuệ tri rằng: "Nội tâm Con có Hỷ- Giác chi"

asantaṃ vā ajjhataṃ pīti-sambojjhaṅgaṃ

hay nội tâm không có Hỷ -Giác chi

‘natthi me ajjhataṃ pīti-sambojjhaṅgo’ti pajānāti

tuệ tri rằng: "Nội tâm Con không có Hỷ Giác chi"

yathā ca anuppannassa pīti-sambojjhaṅgassa uppādo hoti

và với Hỷ- Giác chi chưa sanh nay sanh khởi

tañca pajānāti

vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca uppannassa pīti-sambojjhaṅgassa bhāvanāya pāripūrī hoti

và với Hỷ Giác chi đã sanh, nay được tu tập viên thành

tañca pajānāti

vị ấy tuệ tri như vậy

Santaṃ vā ajjhattaṃ passaddhi-sambojjhaṅgaṃ

Hay nội tâm có Khinh an- Giác chi

‘atthi me ajjhattaṃ passaddhi-sambojjhaṅgo’ti pajānāti

tuệ tri rằng: "Nội tâm Con có Khinh an- Giác chi",

asantaṃ vā ajjhattaṃ passaddhi-sambojjhaṅgaṃ

hay nội tâm không có Khinh an- Giác chi,

‘natthi me ajjhattaṃ passaddhi-sambojjhaṅgo’ti pajānāti

tuệ tri rằng: "Nội tâm Con không có Khinh an- Giác chi"

yathā ca anuppannassa passaddhi-sambojjhaṅgassa uppādo hoti

và với Khinh an Giác chi chưa sanh nay sanh khởi

tañca pajānāti

vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca uppannassa passaddhi-sambojjhaṅgassa bhāvanāya pāripūrī

hoti

và với Khinh an -Giác chi đã sanh, nay được tu tập viên thành

tañca pajānāti

vị ấy tuệ tri như vậy

Santaṃ vā ajjhattaṃ samādhi-sambojjhaṅgaṃ

nội tâm có Định- Giác chi

‘atthi me ajjhattaṃ samādhi-sambojjhaṅgo’ti pajānāti

tuệ tri rằng: "Nội tâm Con có Định- Giác chi"

asantaṃ vā ajjhattaṃ samādhi-sambojjhaṅgaṃ

hay nội tâm không có Định -Giác chi

‘natthi me ajjhattaṃ samādhi-sambojjhaṅgo’ti pajānāti

tuệ tri rằng: "Nội tâm Con không có Định- Giác chi"

yathā ca anuppannassa samādhi-sambojjhaṅgassa uppādo hoti

và với Định -Giác chi chưa sanh nay sanh khởi

tañca pajānāti

vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca uppannassa samādhi-sambojjhaṅgassa bhāvanāya pāripūrī

hoti

và với Định -Giác chi đã sanh, nay được tu tập viên thành

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

Santaṃ vā ajjhattaṃ upekkhā-sambojjhaṅgaṃ

Hay nội tâm có Xả -Giác chi

‘atthi me ajjhattaṃ upekkhā-sambojjhaṅgo’ti pajānāti

tuệ tri rằng: "Nội tâm Con có Xả -Giác chi"

asantam vā ajjhattam upekkhā-sambojjhaṅgam

hay nội tâm không có Xả- Giác chi

‘natthi me ajjhattam upekkhā-sambojjhaṅgo’ti pajānāti

tuệ tri rằng: "Nội tâm Con không có Xả -Giác chi."

yathā ca anuppannessa upekkhā-sambojjhaṅgassa uppādo hoti

Và với Xả- Giác chi chưa sanh nay sanh khởi

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca uppannessa upekkhā-sambojjhaṅgassa bhāvanāya pāripūrī hoti

và với Xả Giác chi đã sanh nay được tu tập viên thành

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

Iti ajjhattam vā dhammesu dhammā’nupassī viharati

Như vậy vị ấy sống quán pháp trên các nội pháp

bahiddhā vā dhammesu dhammā’nupassī viharati

hay sống quán pháp trên các ngoại pháp

ajjhatta-bahiddhā vā dhammesu dhammā’nupassī viharati

hay sống quán pháp trên cả các nội pháp, ngoại pháp

samudaya-dhammā’nupassī vā dhammesu viharati

Hay sống quán tánh sanh khởi trên các pháp

Vaya-dhammā’nupassī vā dhammesu viharati

hay sống quán tánh diệt tận trên các pháp

samudaya-vaya-dhammā’nupassī vā dhammesu viharati

hay sống quán tánh sanh diệt trên các pháp

‘atthi dhammā’ti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti

"Có những pháp ở đây"; vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy

Yāva-d-eva ñāṇamattāya paṭissatimattāya anissito ca viharati

với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa

na ca kiñci loke upādiyati không chấp trước một vật gì trên đời

evam’pi kho, bhikkhave Nay các Tỷ kheo, như vậy

bhikkhu dhammesu dhammā’nupassī viharati Tỷ kheo sống quán pháp trên các pháp

sattasu bojjhaṅgesu đối với Bảy Giác chi

Bojjhaṅga-pabbam niṭṭhitam

dứt phần Giác chi

KINH TỤNG NGÀY THỨ BA

Mahāsatipaṭṭhānasuttaṃ: Kinh Đại Niệm Xứ(3)

Dhammānupassanā saccapabbam

Quán Pháp – phần sự thật

Puna caparaṃ, bhikkhave Lại nữa này các Tỷ kheo
bhikkhu dhammesu dhammā'nupassī viharati vị ấy sống quán pháp trên các pháp
catūsu ariya-saccesu đối với Bốn Sự thật

Kathaṅca pana, bhikkhave Nay các Tỷ kheo, thế nào là
bhikkhu dhammesu dhammā'nupassī viharati Tỷ kheo sống quán pháp trên các pháp
catūsu ariya-saccesu đối với Bốn Sự thật

Idha, bhikkhave Nay các Tỷ kheo, ở đây
bhikkhu 'idaṃ dukkhan'ti yathā-bhūtaṃ pajānāti

Tỷ kheo như thật tuệ tri: "Đây là khổ"

'ayaṃ dukkha-samudayo'ti yathā-bhūtaṃ pajānāti

như thật tuệ tri: "Đây là khổ tập"

'ayaṃ dukkha-nirodho'ti yathā-bhūtaṃ pajānāti như thật tuệ tri: "Đây là khổ diệt"

'ayaṃ dukkha-nirodha-gāminī paṭipadā'ti yathā-bhūtaṃ pajānāti

như thật tuệ tri: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt"

Paṭhamabhāṇavāro niṭṭhito-Dứt đoạn thứ nhất

Dukkhasaccaniddeso -Khổ Thánh để diễn giải

Katamaṅca, bhikkhave, dukkhaṃ ariya-saccaṃ

Và này các Tỷ kheo, thế nào Khổ Thánh để

Jāti'pi dukkhā, jarā'pi dukkhā Sanh là khổ, già là khổ

maraṇaṃ'pi dukkhaṃ, soka-parideva-dukkha-domanassa'upāyāsā'pi dukkhā

chết là khổ, sầu, bi, khổ, ưu, não là khổ

appiyehi sampayogo'pi dukkho khổ vì phải gặp những điều không ưa thích

piyehi vippayogo'pi dukkho khổ vì phân ly cách biệt với những điều ưa thích

yam'pi'cchaṃ na labhati tam'pi dukkhaṃ cầu không được là khổ

saṅkhittena pañc'upādāna-k-khandhā dukkhā tóm lại Năm Thủ uẩn là khổ

Katamā ca, bhikkhave, jāti Nay các Tỷ kheo thế nào là sanh?

Yā tesam tesam sattānaṃ Mỗi mỗi hạng chúng sanh

tamhi tamhi sattanikāye trong từng giới loại, thân hữu tình

jāti sañjāti okkanti abhinibbatti sự xuất sản, xuất sanh, xuất thành, tái sanh (của họ)

khandhānaṃ pātubhāvo sự xuất hiện các uẩn

āyatanānaṃ paṭilābho sự hoạch đắc các căn

ayaṃ vuccati, bhikkhave, jāti Nay các Tỷ kheo, như vậy gọi là sanh

Katamā ca, bhikkhave, jarā Nay các Tỷ kheo, thế nào là già
Yā tesam tesam sattānaṃ Mỗi mỗi hạng chúng sanh
tamhi tamhi sattanikāye trong từng giới loại thân hữu tình ấy
jarā jīraṇatā khaṇḍiccaṃ pāliccaṃ valittacatā
sự niên lão, sự hủy hoại, trạng thái rụng răng, trạng thái tóc bạc, da nhăn
āyuno saṃhāni indriyānaṃ paripāko tuổi thọ rút ngắn, các căn hủy hoại
ayaṃ vuccati, bhikkhave, jarā Nay các Tỷ kheo, như vậy là già

Katamañca, bhikkhave, maraṇaṃ Nay các Tỷ kheo, thế nào là chết
Yaṃ tesam tesam sattānaṃ Mỗi mỗi hạng chúng sanh
tamhā tamhā sattanikāyā trong từng giới loại thân hữu tình ấy
cuti cavanatā bhedo sự tạ thế, sự từ trần, thân hoại,
antaradhānaṃ maccu maraṇaṃ sự diệt vong, sự chết, sự tử vong
kāla-kiriya khandhānaṃ bhedo thời đã đến, các uẩn đã tận diệt
kaḷavarassa nikkhepo sự vất bỏ tử thi
jīvit'indriya-s-upacchedo sự cắt đứt căn mạng quyền
idaṃ vuccati, bhikkhave, maraṇaṃ Nay các Tỷ kheo, như vậy gọi là chết

Katamo ca, bhikkhave, soko Nay các Tỷ kheo, thế nào gọi là sầu
Yo kho, bhikkhave Nay các Tỷ kheo, với những ai
aññataraññatarena byasanena samannāgatassa gặp tai nạn này hay tai nạn khác
aññataraññatarena dukkha-dhammena phuṭṭhassa
cảm thọ sự đau khổ này hay sự đau khổ khác
soko socanā socitattaṃ sự sầu, sự sầu lo, sự sầu muộn
anto-soko anto-parisoko nội sầu, mọi khổ sầu của người ấy
ayaṃ vuccati, bhikkhave, soko Nay các Tỷ kheo, như vậy gọi là sầu

Katamo ca, bhikkhave, paridevo Nay các Tỷ kheo, thế nào là bi
Yo kho, bhikkhave Nay các Tỷ kheo, với những ai
aññataraññatarena byasanena samannāgatassa gặp tai nạn này hay tai nạn khác
aññataraññatarena dukkha-dhammena phuṭṭhassa
với những ai cảm thọ sự đau khổ này hay sự đau khổ khác
ādevo paridevo sự bi ai, sự bi thảm

ādevanā paridevanā sự than van, sự than khóc

ādevitattaṃ paridevitattaṃ sự bi thán, sự bi thống của người ấy

ayaṃ vuccati, bhikkhave paridevo Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là bi

Katamañca, bhikkhave, dukkhaṃ Này các Tỷ kheo, thế nào là khổ
yaṃ kho, bhikkhave Này các Tỷ kheo

kāyikaṃ dukkhaṃ kāyikaṃ asātaṃ sự đau khổ về thân, sự không sáng khoái về thân

kāya-samphassaṃ dukkhaṃ asātaṃ vedayitaṃ

sự đau khổ do thân cảm thọ, sự không sáng khoái do thân cảm thọ

idaṃ vuccati, bhikkhave, dukkhaṃ Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là khổ

Katamañca, bhikkhave, domanassaṃ Này các Tỷ kheo, thế nào là ưu
yaṃ kho, bhikkhave Này các Tỷ kheo

cetasikaṃ dukkhaṃ cetasikaṃ asātaṃ sự đau khổ về tâm, sự không sáng khoái về tâm

mano-samphassaṃ dukkhaṃ asātaṃ vedayitaṃ

sự đau khổ do tâm cảm thọ, sự không sáng khoái do tâm cảm thọ

idaṃ vuccati, bhikkhave, domanassaṃ Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là ưu

Katamo ca, bhikkhave, upāyāso Này các Tỷ kheo, thế nào là não
yo kho, bhikkhave Này các Tỷ kheo, với những ai

aññataraññatarena byasanena samannāgatassa gặp tai nạn này hay tai nạn khác

aññataraññatarena dukkha-dhammena phuṭṭhassa cảm thọ sự đau khổ này hay
sự đau khổ khác

āyāso upāyāso sự áo não, sự bi não

āyāsitattaṃ upāyāsitattaṃ sự thất vọng, sự tuyệt vọng của người ấy.

ayaṃ vuccati, bhikkhave, upāyāso Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là não

Katamo ca, bhikkhave Này các Tỷ kheo, thế nào

appiyehi sampayogo dukkho là khổ vì phải gặp những điều không ưa thích

idha yassa te honti Ở đây phàm khởi lên đối với một người nào

aniṭṭhā akantā amanāpā là sự không mong muốn, không ưa, không thích

rūpā saddā gandhā rasā phoṭṭhabbā dhammā

đối với những sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp

ye vā panassa te honti khiến cho người đó

anattha-kāmā ahita-kāmā không có lợi ích, không có an vui

aphāsuka-kāmā ayogakkhema-kāmā đem đến nguy hiểm, bất an
yā tehi saddhiṃ saṅgati samāgamo nhưng phải gặp gỡ những điều đó phải đối diện
samodhānaṃ missībhāvo phải kết hợp, cộng trú với chúng
ayaṃ vuccati, bhikkhave Nay các Tỷ kheo, như vậy gọi là
appiyehi sampayogo dukkho khổ vì gặp những điều không ưa thích

Katamo ca, bhikkhave Và nay các Tỷ kheo, thế nào là
piyehi vippayogo dukkho khổ vì phân ly cách biệt với những điều ưa thích
idha yassa te honti Ở đây phàm khởi lên nơi một người nào
iṭṭhā kantā manāpā là sự mong đợi, ưa thích, sự vừa lòng
rūpā saddā gandhā rasā phoṭṭhabbā dhammā
những sắc, thanh, hương, vị, xúc pháp
ye vā panassa te honti khiến cho người đó
attha-kāmā hita-kāmā được lợi ích, an vui
phāsuka-kāmā yogakkhema-kāmā đem đến sự an lạc, sự an ổn
mātā vā pitā vā như giữa cha hay mẫu
bhātā vā bhaginī vā huynh hay tỉ
mittā vā amaccā vā bạn hữu hay đồng môn
ñāti-sālohitā vā thân quyến với nhau
yā tehi saddhiṃ asaṅgati asamāgamo
nhưng vị ấy không được gặp gỡ không được đối diện
asamodhānaṃ amissībhāvo không được kết hợp, cộng trú
ayaṃ vuccati, bhikkhave Nay các Tỷ kheo, như vậy gọi là
piyehi vippayogo dukkho khổ vì phân ly cách biệt với những điều ưa thích

Katamañca, bhikkhave Nay các Tỷ kheo, thế nào là
Yam-pi'cchaṃ na labhati tam'pi dukkhaṃ cầu bất đắc khổ
Jāti-dhammānaṃ, bhikkhave, sattānaṃ Nay các Tỷ kheo, chúng sanh bị sanh chi phối
evaṃ icchā uppajjati khởi sự mong cầu:
'aho vata mayaṃ na jāti-dhammā assāma "Mong rằng ta khỏi bị sanh chi phối
na ca vata no jāti āgaccheyyā'ti mong rằng ta khỏi phải đi thác sanh"
na kho pan'etaṃ icchāya pattaṃ Lời cầu mong ấy không được thành tựu
idam'pi yam'pi'cchaṃ na labhati tam'pi dukkhaṃ Như vậy gọi là cầu bất đắc khổ!
Jarā-dhammānaṃ, bhikkhave, sattānaṃ Nay các Tỷ kheo, chúng sanh bị già chi phối
evaṃ icchā uppajjati khởi sự mong cầu:

‘aho vata mayaṃ na jarā-dhammā assāma "Mong rằng ta khỏi bị sanh chi phổi,
na ca vata no jarā āgaccheyyā’ti mong rằng ta khỏi phải già đi"
na kho pan’etaṃ icchāya pattabbam Lời cầu mong ấy không được thành tựu
idam’pi yam’pi’cchaṃ na labhati tam’pi dukkham Như vậy gọi là cầu bất đắc khổ!

Byādhi-dhammānaṃ, bhikkhave, sattānaṃ

Này các Tỷ kheo, chúng sanh bị bệnh chi phổi

evaṃ icchā uppajjati khởi sự mong cầu:

‘aho vata mayaṃ na byādhi-dhammā assāma "Mong rằng ta khỏi bị bệnh chi phổi
na ca vata no byādhi āgaccheyyā’ti mong rằng ta khỏi phải bệnh"
na kho pan’etaṃ icchāya pattabbam Lời cầu mong ấy không được thành tựu
idam’pi yam’pi’cchaṃ na labhati tam’pi dukkham Như vậy gọi là cầu bất đắc khổ!

Maraṇa-dhammānaṃ, bhikkhave sattānaṃ

Này các Tỷ kheo, chúng sanh bị chết chi phổi

evaṃ icchā uppajjati khởi sự mong cầu:

‘aho vata mayaṃ na maraṇa-dhammā assāma "Mong rằng ta khỏi bị chết chi phổi
na ca vata no maraṇam āgaccheyyā’ti mong rằng ta khỏi phải già đi"
na kho pan’etaṃ icchāya pattabbam Lời cầu mong ấy không được thành tựu
idam’pi yam’pi’cchaṃ na labhati tam’pi dukkham Như vậy gọi là cầu bất đắc khổ!

Soka-parideva-dukkha-domanass’upāyāsa-dhammānaṃ, bhikkhave, sattānaṃ Này các Tỷ kheo, chúng sanh bị sầu, bi, khổ, ưu, não chi phổi, khởi

evaṃ icchā uppajjati sự mong cầu:

**‘aho vata mayaṃ na soka-parideva- dukkha-domanass’upāyāsa-
dhammā assāma**

"Mong rằng ta khỏi bị sầu, bi, khổ, ưu, não chi phổi!"

**na ca vata no soka- parideva-dukkha-domanass’upāyāsa-dhammā
āgaccheyyunt’i**

Mong rằng ta khỏi đương chịu sầu, bi, khổ, ưu, não"

Na kho pan’etaṃ icchāya pattabbam Lời mong cầu ấy không được thành tựu

Idam’pi yam’pi’cchaṃ na labhati tam’pi dukkham Như vậy là cầu bất đắc khổ

Katame ca, bhikkhave Này các Tỷ kheo

saṅkhittena pañc’upādāna-k-khandhā dukkhā

tóm lại như thế nào là, Năm Thủ uẩn là khổ

seyyath'idam Như

rūp'upādāna-k-khandho Sắc thủ uẩn

vedan'upādāna-k-khandho Thọ thủ uẩn

saññ'upādāna-k-khandho Tưởng thủ uẩn

saṅkhār'upādāna-k-khandho Hành thủ uẩn,

viññāṇ'upādāna-k-khandho Thức thủ uẩn

Ime vuccanti, bhikkhave Nay các Tỷ kheo, như vậy gọi là

saṅkhittena pañc'upādāna-k-khandhā dukkhā tóm lại Năm Thủ uẩn là khổ

idam vuccati, bhikkhave dukkham ariya-saccam Nay các Tỷ kheo

như vậy gọi là khổ thánh đế

Samudayasaccaniddeso

Khổ tập Thánh đế diễn giải

Katamañca, bhikkhave Nay các Tỷ kheo, thế nào là

Dukkha-samudayaṃ ariya-saccam Khổ tập Thánh đế

Yāyaṃ taṇhā pono-b-bhavikā Sự tham ái đưa đến tái sanh

Nandī-rāga-saha-gatā tatra-tatrā'bhinandinī

câu hữu(đi cùng) với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia.

Seyyath'idam Như

kāma-taṇhā bhava-taṇhā vibhava-taṇhā dục ái, hữu ái, vô hữu ái.

Sā kho pan'esā, bhikkhave Nay các Tỷ kheo, sự tham ái này

taṇhā kattha uppajjamānā uppajjati khi sanh khởi thì sanh khởi ở đâu

kattha nivasamānā nivasati khi an trú thì an trú ở đâu

Yaṃ loke piya-rūpaṃ sāta-rūpaṃ Những gì ở đời là sắc thân ái là sắc khả ái

Etth'esā taṇhā uppajjamānā uppajjati ở đó tham ái sinh khởi

ettha nivasamānā nivasati ở đó tham ái an trú

Kiñca loke piya-rūpaṃ sāta-rūpaṃ Ở đời, sắc gì thân ái, sắc gì khả ái

Cakkhu loke piya-rūpaṃ sāta-rūpaṃ Ở đời con mắt là sắc thân ái, là sắc khả ái

Etth'esā taṇhā uppajjamānā uppajjati Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy

ettha nivasamānā nivasati khi an trú thì an trú ở đấy.

Sotaṃ loke ...pe... ghānaṃ loke... Ở đời cái tai... ở đời mũi...

jivhā loke... kāyo loke... ở đời lưỡi... ở đời thân...

mano loke piya-rūpaṃ sāta-rūpaṃ ở đời ý là sắc thân ái, là sắc khả ái.

Etth'esā taṇhā uppajjamānā uppajjati Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy

ettha nīvisamānā nīvisati khi an trú thì an trú ở đấy

Rūpā loke... saddā loke... Ở đời các sắc... ở đời các tiếng...
gandhā loke... rasā loke... ở đời các hương... ở đời các vị...
phoṭṭhabbā loke... dhammā loke ở đời các cảm xúc... ở đời các pháp
piya-rūpaṃ sāta-rūpaṃ là sắc thân ái, là sắc khả ái
Etth'esā taṇhā uppajjamānā uppajjati Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy
ettha nīvisamānā nīvisati khi an trú thì an trú ở đấy

Cakkhu-viññāṇaṃ loke... sota-viññāṇaṃ loke Ở đời nhãn thức... ở đời nhĩ thức...
Ghāna-viññāṇaṃ loke... jivhā-viññāṇaṃ loke ở đời tỷ thức... ở đời thiệt thức...
Kāya-viññāṇaṃ loke... mano-viññāṇaṃ loke ở đời thân thức... ở đời ý thức
Piya-rūpaṃ sāta-rūpaṃ là sắc thân ái, là sắc khả ái
Etth'esā taṇhā uppajjamānā uppajjati Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy
ettha nīvisamānā nīvisati khi an trú thì an trú ở đấy

Cakkhu-samphasso loke...sota-samphasso loke...Ở đời nhãn xúc... ở đời nhĩ xúc...
Ghāna-samphasso loke... jivhā-samphasso loke...ở đời tỷ xúc... ở đời thiệt xúc...
Kāya-samphasso loke... mano-samphasso loke ở đời thân xúc... ở đời ý xúc
Piya-rūpaṃ sāta-rūpaṃ là sắc thân ái, là sắc khả ái
Etth'esā taṇhā uppajjamānā uppajjati Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy
ettha nīvisamānā nīvisati khi an trú thì an trú ở đấy

Cakkhu-samphassajā vedanā loke... Ở đời nhãn xúc sở sanh thọ...
Sota-samphassajā vedanā loke... ở đời nhĩ xúc sở sanh thọ...
Ghāna-samphassajā vedanā loke... ở đời tỷ xúc sở sanh thọ...
Jivhā-samphassajā vedanā loke... ở đời thiệt xúc sở sanh thọ...
Kāya-samphassajā vedanā loke... ở đời thân xúc sở sanh thọ...
Mano-samphassajā vedanā loke ở đời ý xúc sở sanh thọ
Piya-rūpaṃ sāta-rūpaṃ là sắc thân ái, là sắc khả ái
Etth'esā taṇhā uppajjamānā uppajjati Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy,
ettha nīvisamānā nīvisati khi an trú thì an trú ở đấy

Rūpa-saññā loke... sadda-saññā loke... Ở đời sắc tưởng... ở đời thanh tưởng...
Gandha-saññā loke... rasa-saññā loke... ở đời hương tưởng... ở đời vị tưởng...
phoṭṭhabba-saññā loke... dhamma-saññā loke ở đời xúc tưởng... ở đời pháp tưởng
piya-rūpaṃ sāta-rūpaṃ là sắc thân ái, là sắc khả ái
etth'esā taṇhā uppajjamānā uppajjati Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy
ettha nivasamānā nivasati khi an trú thì an trú ở đấy

Rūpa-sañcetanā loke... sadda-sañcetanā loke... Ở đời sắc tư... ở đời thanh tư...
Gandha-sañcetanā loke... rasa-sañcetanā loke... ở đời hương tư... ở đời vị tư...
phoṭṭhabba-sañcetanā loke...dhamma-sañcetanā loke ở đời xúc tư... ở đời pháp tư
piya-rūpaṃ sāta-rūpaṃ là sắc thân ái, là sắc khả ái
etth'esā taṇhā uppajjamānā uppajjati Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy
ettha nivasamānā nivasati khi an trú thì an trú ở đấy

Rūpa-taṇhā loke... sadda-taṇhā loke... Ở đời sắc ái... ở đời thanh ái...
Gandha-taṇhā loke... rasa-taṇhā loke... ở đời hương ái... ở đời vị ái...
phoṭṭhabba-taṇhā loke... dhamma-taṇhā loke ở đời xúc ái... ở đời pháp ái
piya-rūpaṃ sāta-rūpaṃ là sắc thân ái, là sắc khả ái
etth'esā taṇhā uppajjamānā uppajjati Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy
ettha nivasamānā nivasati khi an trú thì an trú ở đây

Rūpa-vitakko loke... sadda-vitakko loke... Ở đời sắc tầm ... ở đời thanh tầm...
Gandha-vitakko loke... rasa-vitakko loke.... ở đời hương tầm... ở đời vị tầm...
phoṭṭhabba-vitakko loke... dhamma-vitakko loke ở đời xúc tầm... ở đời pháp tầm
piya-rūpaṃ sāta-rūpaṃ là sắc thân ái, là sắc khả ái.
Etth'esā taṇhā uppajjamānā uppajjati Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy
ettha nivasamānā nivasati khi an trú thì an trú ở đấy

Rūpa-vicāro loke... sadda-vicāro loke... Ở đời sắc tứ... ở đời thanh tứ...
Gandha-vicāro loke... rasa-vicāro loke... ở đời hương tứ... ở đời vị tứ...
phoṭṭhabba-vicāro loke... dhamma-vicāro loke ở đời xúc tứ... ở đời pháp tứ
piya-rūpaṃ sāta-rūpaṃ là sắc thân ái, là sắc khả ái
etth'esā taṇhā uppajjamānā uppajjati Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy

ettha nivisamānā nivisati khi an trú thì an trú ở đấy

Idaṃ vuccati, bhikkhave Nay các Tỷ kheo, như vậy gọi là
Dukkha-samudayaṃ ariya-saccaṃ Khổ tập Thánh đế

Nirodhasaccaniddeso- Khổ diệt Thánh đế diệt giải

Katamañca, bhikkhave Nay các Tỷ kheo, và thế nào là
Dukkha-nirodhaṃ ariya-saccaṃ Khổ diệt Thánh đế

Yo tassā'eva taṇhāya Những tham ái ấy

Asesa-virāga-nirodho diệt tận không còn dư sót

cāgo paṭinissaggo mutti anālayo sự xả ly, sự khí xả, sự giải thoát, sự vô nhiễm (tham ái ấy)

Sā kho pan'esā, bhikkhave các Tỷ kheo, sự tham ái này

taṇhā kattha pahīyamānā pahiyati khi xả ly thì xả ly ở đâu

kattha nirujjhamānā nirujjhati Nay khi diệt trừ thì diệt trừ ở đâu

Yaṃ loke piya-rūpaṃ sāta-rūpaṃ Ở đời các sắc gì thân, các sắc gì ái

Etth'esā taṇhā pahīyamānā pahiyati sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy

ettha nirujjhamānā nirujjhati khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy.

Kiñca loke piya-rūpaṃ sāta-rūpaṃ Ở đời sắc gì thân ái, sắc gì khả ái

Cakkhu loke piya-rūpaṃ sāta-rūpaṃ Ở đời con mắt là sắc thân ái, là sắc khả ái

Etth'esā taṇhā pahīyamānā pahiyati Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy

ettha nirujjhamānā nirujjhati khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy

Sotaṃ loke ...pe... ghānaṃ loke... Ở đời lỗ tai... ở đời mũi...

jivhā loke... kāyo loke... ở đời lưỡi... ở đời thân...

mano loke piyarūpaṃ satarūpaṃ ở đời ý là sắc thân ái, là sắc khả ái

etth'esā taṇhā pahīyamānā pahiyati Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy

ettha nirujjhamānā nirujjhati khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy

Rūpā loke... saddā loke... Ở đời các sắc... ở đời các tiếng...

gandhā loke... rasā loke... ở đời các mùi hương... ở đời các vị..

phoṭṭhabbā loke... dhammā loke ở đời các xúc... ở đời các pháp

piya-rūpaṃ sāta-rūpaṃ là sắc thân ái, là sắc khả ái

etth'esā taṇhā pahīyamānā pahiyati Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy

ettha nirujjhamānā nirujjhati khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy

Cakkhu-viññāṇaṃ loke... sota-viññāṇaṃ loke...

Ở đời nhãn thức... ở đời nhĩ thức...

Ghāna-viññāṇaṃ loke... jivhā-viññāṇaṃ loke... ở đời tỷ thức... ở đời thiệt thức...

Kāya-viññāṇaṃ loke... mano-viññāṇaṃ loke ở đời thân thức... ở đời ý thức là

Piya-rūpaṃ sāta-rūpaṃ sắc thân ái, là sắc khả ái

Etth'esā taṇhā pahīyamānā pahīyati Sự tham ái khi xả ly thì xả ly ở đấy

ettha nirujjhamānā nirujjhati khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy

Cakkhu-samphasso loke...sota-samphasso loke...

Ở đời nhãn xúc... ở đời nhĩ xúc...

Ghāna-samphasso loke... jivhā-samphasso loke... ở đời tỷ xúc... ở đời thiệt xúc...

Kāya-samphasso loke... mano-samphasso loke ở đời thân xúc... ở đời ý xúc

Piya-rūpaṃ sāta-rūpaṃ là sắc thân ái, là sắc khả ái

Etth'esā taṇhā pahīyamānā pahīyati Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy

ettha nirujjhamānā nirujjhati khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy

Cakkhu-samphassajā vedanā loke... Ở đời nhãn xúc sở sanh thọ...

Sota-samphassajā vedanā loke ... ở đời nhĩ xúc sở sanh thọ...

Ghāna-samphassajā vedanā loke... ở đời tỷ xúc sở sanh thọ...

Jivhā-samphassajā vedanā loke... ở đời thiệt xúc sở sanh thọ...

Kāya-samphassajā vedanā loke... ở đời thân xúc sở sanh thọ..

Mano-samphassajā vedanā loke ở đời ý xúc sở sanh thọ

piya-rūpaṃ sāta-rūpaṃ là sắc thân ái, là sắc khả ái

etth'esā taṇhā pahīyamānā pahīyati Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy

ettha nirujjhamānā nirujjhati khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy

Rūpa-saññā loke... sadda-saññā loke... Ở đời sắc tưởng... ở đời thanh tưởng...

Gandha-saññā loke... rasa-saññā loke... ở đời hương tưởng... ở đời vị tưởng...

phoṭṭhabba-saññā loke... dhamma-saññā loke ở đời xúc tưởng... ở đời pháp tưởng

piya-rūpaṃ sāta-rūpaṃ là sắc thân ái, là sắc khả ái

etth'esā taṇhā pahīyamānā pahīyati Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy

ettha nirujjhamānā nirujjhati khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy

Rūpa-sañcetanā loke... sadda-sañcetanā loke... Ở đời sắc tư... ở đời thanh tư...

Gandha-sañcetanā loke... rasa-sañcetanā loke... ở đời hương tư... ở đời vị tư...
phoṭṭhabba-sañcetanā loke...dhamma-sañcetanā loke ở đời xúc tư... ở đời pháp tư

piya-rūpaṃ sāta-rūpaṃ là sắc thân ái, là sắc khả ái.

Etth'esā taṇhā pahīyamānā pahīyati Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy
ettha nirujjhamānā nirujjhati khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy

Rūpa-taṇhā loke... sadda-taṇhā loke... Ở đời sắc ái... ở đời thanh ái...

Gandha-taṇhā loke... rasa-taṇhā loke... ở đời hương ái... ở đời vị ái...
phoṭṭhabba-taṇhā loke... dhamma-taṇhā loke ở đời xúc ái... ở đời pháp ái
piya-rūpaṃ sāta-rūpaṃ là sắc thân ái, là sắc khả ái
etth'esā taṇhā pahīyamānā pahīyati tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy
ettha nirujjhamānā nirujjhati Sự khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy

Rūpa-vitakko loke... sadda-vitakko loke... Ở đời sắc tầm... ở đời thanh tầm...

Gandha-vitakko loke... rasa-vitakko loke... ở đời hương tầm... ở đời vị tầm...
phoṭṭhabba-vitakko loke... dhamma-vitakko loke ở đời xúc tầm... ở đời pháp tầm
piya-rūpaṃ sāta-rūpaṃ là sắc thân ái, là sắc khả ái
etth'esā taṇhā pahīyamānā pahīyati Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy
ettha nirujjhamānā nirujjhati khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy

Rūpa-vicāro loke... sadda-vicāro loke... Ở đời sắc tứ... ở đời thanh tứ...

Gandha-vicāro loke... rasa-vicāro loke... ở đời hương tứ... ở đời vị tứ...
phoṭṭhabba-vicāro loke... dhamma-vicāro loke ở đời xúc tứ... ở đời pháp tứ
piya-rūpaṃ sāta-rūpaṃ là sắc thân ái, là sắc khả ái
etth'esā taṇhā pahīyamānā pahīyati Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy,
ettha nirujjhamānā nirujjhati khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy.

Idaṃ vuccati, bhikkhave, dukkha-nirodhaṃ ariya-saccaṃ

Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là Khổ diệt Thánh đế

Đạo Thánh để diễn giải

Katamañca, bhikkhave Nay các Tỷ kheo, thế nào
Dukkha-nirodha-gāminī paṭipadā ariya-saccaṃ là Khổ diệt đạo Thánh để
Ayam-eva ariyo aṭṭhaṅgiko maggo Đó là bát chi Thánh đạo
Seyyath'idaṃ tức là
sammā-diṭṭhi sammā-saṅkappo Chánh tri kiến, Chánh tư duy
sammā-vācā sammā-kammanto Chánh ngữ, Chánh nghiệp
sammā-ājīvo sammā-vāyāmo Chánh mạng, Chánh tinh tấn
sammā-sati sammā-samādhi Chánh niệm, Chánh định

Katamā ca, bhikkhave, sammā-diṭṭhi Nay các Tỷ kheo, thế nào là Chánh tri kiến
Yaṃ kho, bhikkhave Nay các Tỷ kheo
dukkhe ñāṇaṃ, dukkha-samudaye ñāṇaṃ tri kiến về Khổ, tri kiến về Khổ tập
dukkha-nirodhe ñāṇaṃ dukkha-nirodha-gāminiyā paṭipadāya ñāṇaṃ
tri kiến về Khổ diệt tri kiến về Khổ diệt đạo
ayaṃ vuccati, bhikkhave, sammā-diṭṭhi Nay các Tỷ kheo, như vậy gọi là Chánh tri kiến.

Katamo ca, bhikkhave, sammā-saṅkappo Nay các Tỷ kheo, thế nào là Chánh tư duy
Nekkhamma-saṅkappo Tư duy về ly dục
Abyāpāda-saṅkappo tư duy về vô sân
avihiṃsā-saṅkappo tư duy về bất hại
ayaṃ vuccati bhikkhave, sammā-saṅkappo Nay các tỷ kheo, như vậy gọi là Chánh tư
duy

Katamā ca, bhikkhave, sammā-vācā Nay các Tỷ kheo thế nào là Chánh ngữ
Musā-vādā veramaṇī Tự chế không nói láo
pisuṇāya vācāya veramaṇī tự chế không nói hai lưỡi
pharusāya vācāya veramaṇī tự chế không ác khẩu
samphappalāpā veramaṇī tự chế không nói lời phù phiếm
ayaṃ vuccati, bhikkhave, sammā-vācā Nay các Tỷ kheo, như vậy gọi là Chánh ngữ

Katamo ca, bhikkhave, sammā-kammanto
Nay các Tỷ kheo, thế nào là Chánh nghiệp
Pāṇā'tipātā veramaṇī Tự chế không sát sanh
Adinnā'dānā veramaṇī tự chế không lấy của không cho

kāmesu-micchā-cārā veramaṇī tự chế không tà dâm

ayaṃ vuccati, bhikkhave, sammā-kammanto

Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là Chánh nghiệp

Katamo ca, bhikkhave, sammā-ājīvo Này các Tỷ kheo, thế nào là Chánh mạng

Idha, bhikkhave, ariya-sāvako micchā-ājīvaṃ pahāya

Này các Tỷ kheo, ở đây vị Thánh đệ tử từ bỏ tà mạng

sammā-ājīvena jīvaṃ kappeti sinh sống bằng chánh mạng.

ayaṃ vuccati, bhikkhave, sammā-ājīvo Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là Chánh mạng

Katamo ca, bhikkhave, sammā-vāyāmo Này các Tỷ kheo, và thế nào là Chánh tinh tấn

Idha, bhikkhave Này các Tỷ kheo, ở đây

bhikkhu anuppannānaṃ pāpakānaṃ akusalānaṃ dhammānaṃ

anuppādāya

Tỷ kheo, đối với các ác, bất thiện pháp chưa sanh

chandaṃ janeti vāyamati khởi lên ý muốn không cho sanh khởi

vīriyaṃ ārabhati cittaṃ paggaṇhāti padahati

vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí

uppannānaṃ pāpakānaṃ akusalānaṃ dhammānaṃ pahānāya

Đối với các ác, bất thiện pháp đã sanh

chandaṃ janeti vāyamati khởi lên ý muốn cố gắng

vīriyaṃ ārabhati cittaṃ paggaṇhāti padahati

vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí trừ diệt (ác pháp)

anuppannānaṃ kusalānaṃ dhammānaṃ uppādāya

Đối với các thiện pháp chưa sanh

chandaṃ janeti vāyamati khởi lên ý muốn khiến cho sanh khởi

vīriyaṃ ārabhati cittaṃ paggaṇhāti padahati

vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí

uppannānaṃ kusalānaṃ dhammānaṃ ṭhitiyā

Đối với các thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn khiến cho an trú

asammosāya bhīyyobhāvāya không cho bằng hoại, khiến cho tăng thịnh

vepullāya bhāvanāya pāripūriyā khiến cho tăng trưởng, phát triển, viên mãn

chandaṃ janeti vāyamati khởi lên ước muốn cố gắng

vīriyaṃ ārabhati cittaṃ paggaṇhāti padahati

Vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí

Ayaṃ vuccati, bhikkhave, sammā-vāyāmo

Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là Chánh tinh tấn

Katamā ca, bhikkhave, sammā-sati Tỷ kheo, thế nào là Chánh niệm
Idha, bhikkhave Nay các Nay các Tỷ kheo, ở đây
bhikkhu kāye kāyā'nupassī viharati vị Tỷ kheo sống quán thân trên thân
ātāpī sampajāno satimā vineyya loke abhijjhā-domanassaṃ
nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời
vedanāsu vedanā'nupassī viharati quán thọ trên các cảm thọ
ātāpī sampajāno satimā vineyya loke abhijjhā-domanassaṃ
nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời
citte cittā'nupassī viharati quán tâm trên các tâm
ātāpī sampajāno satimā vineyya loke abhijjhā-domanassaṃ
nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời
dhammesu dhammā'nupassī viharati quán pháp trên các pháp
ātāpī sampajāno satimā vineyya loke abhijjhā-domanassaṃ
tinh cần tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời
Ayaṃ vuccati, bhikkhave, sammā-sati Nay các Tỷ kheo, như vậy gọi là Chánh niệm

Katamo ca, bhikkhave, sammā-samādhī Nay các Tỷ kheo, thế nào là Chánh định
Idha, bhikkhave Nay các Tỷ kheo, ở đây
bhikkhu vivicceva kāmehi vivicca akusalehi dhammehi
Tỷ kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp
savitakkaṃ savicāraṃ với tầm, với tứ
vivekajaṃ pīti-sukhaṃ một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh
paṭhamajaṃ jhānaṃ upasampajja viharati chứng và trú Thiền thứ nhất
Vitakka-vicārānaṃ vūpasamā Tỷ kheo ấy diệt tầm, diệt tứ
ajjhattaṃ sampasādanaṃ nội tĩnh
cetaso ekodi-bhāvaṃ nhất tâm
avittakkaṃ avicāraṃ không tầm, không tứ
samādhijaṃ pīti-sukhaṃ một trạng thái hỷ lạc do định sanh
dutiyaṃ jhānaṃ upasampajja viharati chứng và trú Thiền thứ hai
Pītiyā ca virāgā upekkhako ca viharati Tỷ kheo ấy ly hỷ trú xả
sato ca sampajāno chánh niệm tỉnh giác
sukhañca kāyena paṭisaṃvedeti thân cảm sự lạc thọ
yaṃ taṃ ariyā ācikkhanti mà các bậc Thánh gọi
'upekkhako satimā sukha-vihārī'ti là xả niệm lạc trú,
tatiyaṃ jhānaṃ upasampajja viharati chứng và trú Thiền thứ ba

Sukhassa ca pahānā dukkhassa ca pahānā Tỷ kheo ấy xả lạc, xả khổ

Pubb'eva somanassa-domanassānaṃ atthaṅgamā diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước

Adukkham-asukhaṃ upekkhā-sati-pārisuddhiṃ

không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh

catutthaṃ jhānaṃ upasampajja viharati chứng và trú Thiền thứ tư,

Ayaṃ vuccati, bhikkhave, sammā-samādhī

Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là Chánh định

Idaṃ vuccati, bhikkhave Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là

Dukkha-nirodha-gāminī paṭipadā ariya-saccaṃ Khổ diệt đạo thánh đế

Iti ajjhattaṃ vā dhammesu dhammā'nupassī viharati

Như vậy vị ấy sống quán pháp trên các nội pháp

bahiddhā vā dhammesu dhammā'nupassī viharati

hay sống quán pháp trên các ngoại pháp

ajjhatta-bahiddhā vā dhammesu dhammā'nupassī viharati

hay sống quán pháp trên các nội pháp, ngoại pháp

Samudaya-dhammā'nupassī vā dhammesu viharati

Hay sống quán tánh sanh khởi trên các pháp

Vaya-dhammā'nupassī vā dhammesu viharati

hay sống quán tánh diệt tận trên các pháp

samudaya-vaya-dhammā'nupassī vā dhammesu viharati

hay sống quán tánh sanh diệt trên các pháp

'Atthi dhammā'ti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti

"Có những pháp ở đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy

Yāva-d-eva ñāṇamattāya paṭissatimattāya anissito ca viharati

với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa,

na ca kiñci loke upādiyati không chấp trước một vật gì trên đời.

Evam'pi kho, bhikkhave Này các Tỷ kheo, như vậy

bhikkhu dhammesu dhammā'nupassī viharati

Tỷ kheo sống quán pháp trên các pháp

catūsu ariya-saccesu đối với Bốn Thánh đế

Saccapabbaṃ niṭṭhitam

dứt phần sự thật

Dhammā'nupassanā niṭṭhitā

dứt phần quán Pháp

Yo hi koci, bhikkhave Này các Tỷ kheo, vị nào

ime cattāro sati-paṭṭhāne tu tập Bốn Niệm xứ này.

evaṃ bhāveyya satta-vassāni trong bảy năm như vậy

tassa dvinnam phalānam aññataram phalam paṭikaṅkham

vị ấy có thể chứng một trong hai quả sau đây

diṭṭheva dhamme aññā: Một là chứng Chánh trí ngay trong hiện tại

sati vā upādisese anāgāmitā hai là nếu còn hữu dư y, chứng quả Bất hoàn

Tiṭṭhantu, bhikkhave, satta-vassāni không cần gì đến bảy năm

Yo hi koci, bhikkhave Này các Tỷ kheo, một vị nào

ime cattāro sati-paṭṭhāne Bốn Niệm xứ này.

evaṃ bhāveyya cha vassāni tu tập như vậy trong sáu năm...

...pe...

pañca vassāni trong năm năm...

cattāri vassāni trong bốn năm...

tīṇi vassāni trong ba năm...

dve vassāni... trong hai năm...

ekam vassam... trong một năm

Tiṭṭhatu, bhikkhave, ekam vassam Này các Tỷ kheo, không cần gì đến một năm

Yo hi koci, bhikkhave Này các Tỷ kheo một vị nào

ime cattāro sati-paṭṭhāne Bốn Niệm xứ này

evaṃ bhāveyya satta-māsāni tu tập như vậy trong bảy tháng

tassa dvinnam phalānam aññataram phalam paṭikaṅkham

vị ấy có thể chứng một trong hai quả sau đây:

diṭṭheva dhamme aññā Một là chứng Chánh trí ngay trong hiện tại

sati vā upādisese anāgāmitā hay nếu còn hữu dư y, thì chứng quả Bất hoàn

Tiṭṭhantu, bhikkhave, satta māsāni Này các Tỷ-kheo, không cần gì bảy tháng

Yo hi koci, bhikkhave Này các Tỷ kheo một vị nào

ime cattāro sati-paṭṭhāne Bốn Niệm xứ này

evaṃ bhāveyya cha māsāni tu tập như vậy trong sáu tháng

...pe...

pañca māsāni trong năm tháng...

cattāri māsāni trong bốn tháng...

tīṇi māsāni trong ba tháng...

dve māsāni trong hai tháng...

ekam māsam ... aḍḍha-māsam... trong một tháng...trong nửa tháng...

Tiṭṭhatu, bhikkhave, aḍḍha-māso Nay các Tỷ kheo, không cần gì nửa tháng

Yo hi koci, bhikkhave Nay các Tỷ-kheo một vị nào

ime cattāro sati-paṭṭhāne Bốn Niệm xứ này

evaṃ bhāveyya sattā'ham tu tập trong bảy ngày

tassa dvinnam phalānam aññataram phalam pāṭikaṅkham

vị ấy có thể chứng một trong hai quả sau đây:

diṭṭheva dhamme aññā Một là chứng Chánh trí ngay trong hiện tại

sati vā upādisese anāgāmitā'ti hai là nếu còn hữu dư y, thì chứng quả Bất hoàn

Ekāyano ayam, bhikkhave, maggo sattānam visuddhiyā

Này các Tỷ kheo, đây là con đường độc nhất đưa đến sự thanh tịnh cho chúng sanh,

Soka-paridevānam samatikkamāya vượt khỏi sầu bi

Dukkha-domanassānam atthaṅgamāya diệt trừ khổ ưu

ñāyassa adhigamāya thành tựu Chánh lý

nibbānassa sacchikiriyāya chứng ngộ Niết Bàn.

Yad'idaṃ cattāro sati-paṭṭhānā'ti Đó là Bốn Niệm xứ

Iti yaṃ taṃ vuttaṃ như vậy (bài pháp)đó được thuyết

Idam-etam paṭicca vuttan'ti đây là duyên được nói (bài pháp)

Idam-avoca bhagavā Thế tôn thuyết như vậy

Attamanā te bhikkhū bhagavato bhāsitaṃ abhinanduntī

các tỷ kheo hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn

Mahāsatipaṭṭhānasuttaṃ niṭṭhitam

(dứt Kinh Đại Niệm Xứ)

**KINH TỤNG
NGÀY THỨ TƯ**

DHAMMACAKKAPPAVATTANA SUTTA

KINH CHUYỂN PHÁP LUÂN

Uyyojana Gāthā

Kệ Khai Kinh Chuyển-Pháp-Luân

Bhikkhūnaṃ pañca-vaggīnaṃ	Nhóm năm vị Tỳ Khưu
Isi-patana nāmake	Tại nơi gọi là Nơi Chư Phật Độc Giác ngự xuống
Miga-dāye dhamma-varaṃ	Tại vườn nai, Pháp cao thượng
Yaṃ taṃ Nibbāna pāpakaṃ	Điều ấy (bài pháp) dẫn đến Niết Bàn
Sahampati nāmakena	Có tên là Sá-hăm-pá-tí
Mahā-brahmena yācito	Do đại phạm thiên thỉnh cầu.
Catu-saccaṃ pakāseto	Thuyết giảng Tứ Đế
Loka-nātho adesayi	Bậc thế gian nương tựa (Đức Phật) đã thuyết giảng
Nanditaṃ sabba-vedehi	Tất cả chư thiên hoan hỷ
Sabba-sampatti sādhaṃ	Tất cả đạt được sự thành tựu (an vui, giác ngộ, Niết Bàn)
Sabba-loka-hitatthāya	Với tất cả lợi ích đó
Dhamma-cakkaṃ bhaṇāma he	Chúng tôi xin tụng bài Chuyển Pháp Luân

Vị Đại-Phạm-thiên Sa-ham-pa-ti, Thỉnh cầu Đức-Phật, thuyết pháp độ sinh,
Đức-Phật đại bi nhận lời cầu thỉnh Thuyết pháp giảng giải pháp tứ Thánh-đế,
Chánh pháp cao thượng chứng ngộ Niết-bàn Tế độ chúng sinh, nhóm năm tỳ-khưu
Tại khu rừng rậm, nơi phóng sinh nai Tên gọi là I-si-pa-ta-na,
Mong sự lợi ích cho toàn chúng-sinh, Lắng nghe bài kinh Chuyển-Pháp-Luân này,
Thành tựu kết quả cõi người, cõi trời, Niết-bàn tịch tịnh an lạc tuyệt đối
Chúng tôi tụng kinh Chuyển-Pháp-Luân ấy.

Ekam samayaṃ bhagavā bārāṇasiyaṃ viharati isi-patane miga-dāye

Một thời Thế Tôn trú ở Bārāṇasi, tại Isipatana, chỗ Vườn Nai.

Tatra kho bhagavā pañca-vaggiye bhikkhū āmantesi

Tại đấy, Thế Tôn bảo chúng năm Tỳ-kheo –

“dve’me, bhikkhave, antā pabbajitena na sevi-tabbā

Có hai cực đoan này, này các Tỳ-kheo, một người xuất gia không nên thực hành theo.

Katame dve Thế nào là hai?

Yo cā’yaṃ kāmesu kāma-sukhallikā’nyuyogo Một là đắm say trong các dục

hīno gammo pothujjaniko anariyo anatta-saṃhito

hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích

yo cā'yaṃ atta-kilamathā'nuyogo Hai là tự hành khổ mình

dukkho anariyo anatta-saṃhito

khổ đau, không xứng bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích

Ete kho, bhikkhave, ubho ante anupagamma

Tránh xa hai cực đoan này, này các Tỷ-kheo

majjhimā paṭipadā tathāgatena abhisambuddhā

là con đường Trung đạo, do Như Lai chánh giác,

cakkhu-karaṇī ñāṇa-karaṇī tác thành mắt, tác thành trí

upasaṃyāya abhiññāya đưa đến an tịnh, thắng trí

sambodhāya nibbānāya saṃvattati giác ngộ, Niết-bàn

Katamā ca sā, bhikkhave, majjhimā paṭipadā

Và thế nào là con đường Trung đạo, này các Tỷ-kheo

tathāgatena abhisambuddhā do Như Lai chánh giác

cakkhu-karaṇī ñāṇa-karaṇī tác thành mắt, tác thành trí

upasaṃyāya abhiññāya đưa đến an tịnh thắng trí

sambodhāya nibbānāya saṃvattati giác ngộ, Niết-bàn?

Ayam-eva ariyo aṭṭhaṅgiko maggo Chính là con đường Thánh đạo Tám ngành

Seyyath'idaṃ tức là:

sammā-diṭṭhi sammā-saṅkappo chánh tri kiến, chánh tư duy

sammā-vācā sammā-kammanto chánh ngữ, chánh nghiệp

sammā-ājīvo sammā-vāyāmo chánh mạng, chánh tinh tấn

sammā-sati sammā-samādhi chánh niệm, chánh định

Ayaṃ kho sā, bhikkhave, majjhimā paṭipadā

Đây là con đường trung đạo, này các Tỷ-kheo

tathāgatena abhisambuddhā do Như Lai chánh giác

cakkhu-karaṇī ñāṇa-karaṇī tác thành mắt, tác thành trí

upasaṃyāya abhiññāya đưa đến an tịnh, thắng trí

sambodhāya nibbānāya saṃvattati giác ngộ, Niết-bàn.

Idaṃ kho pana, bhikkhave, dukkhaṃ ariya-saccaṃ

Đây là Thánh đế về Khổ, này các Tỷ-kheo

Jāti'pi dukkhā, jarā'pi dukkhā Sanh là khổ, già là khổ

Byādhī'pi dukkho, maraṇam'pi dukkhaṃ bệnh là khổ, chết cũng là khổ

appiyehi sampayogo dukkho oán gặp nhau là khổ
piyehi vippayogo dukkho ái biệt ly là khổ
yam'pi'cchaṃ na labhati tam'pi dukkhaṃ cầu không được là khổ
saṃkhittena pañc'upādāna-k-khandhā dukkhā Tóm lại, năm thủ uẩn là khổ

Idaṃ kho pana, bhikkhave, dukkha-samudayaṃ ariya-saccaṃ

Đây là Thánh đế về Khổ tập, này các Tỷ-kheo

yāyaṃ taṇhā pono-b-bhavikā chính là khát ái này đưa đến tái sanh

nandi-rāga-saha-gatā tatra-tatrā'bhinandinī

câu hữu(đi cùng) với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia

seyyath'idaṃ Tức là

kāma-taṇhā, bhava-taṇhā, vibhava-taṇhā dục ái, hữu ái, phi hữu ái

Idaṃ kho pana, bhikkhave, dukkha-nirodhaṃ ariya-saccaṃ

Đây là Thánh đế về Khổ diệt, này các Tỷ-kheo

yo tassā'eva taṇhāya chính là khát ái ấy(bị)

asesa-virāga-nirodho đoạn diệt không có dư sót

cāgo paṭinissaggo mutti anālayo sự quăng bỏ, từ bỏ, giải thoát, không có chấp trước

Idaṃ kho pana, bhikkhave Dukkha-nirodha-gāminī paṭipadā ariya-saccaṃ

này các Tỷ-kheo, Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt

Ayam-eva ariyo aṭṭh'āṅgiko maggo chính là con đường Thánh đạo Tám ngành

Seyyath'idaṃ— tức là

sammā-diṭṭhi sammā-saṅkappo chánh tri kiến, chánh tư duy

sammā-vācā sammā-kammanto, chánh ngữ, chánh nghiệp

sammā-ājīvo sammā-vāyāmo chánh mạng, chánh tinh tấn

sammā-sati sammā-samādhi chánh niệm, chánh định

'Idaṃ dukkhaṃ ariya-saccaṃ'ti me, bhikkhave

Đây là Thánh đế về Khổ, này các Tỷ-kheo

pubbe ananussutesu dhammesu đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe

cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi nhãn sanh, trí sanh

paññā udapādi, vijjā udapādi tuệ sanh, minh sanh

āloko udapādi quang sanh

‘Tam kho pan’idaṃ dukkhaṃ ariya-saccaṃ Đây là Thánh đế về Khổ
pariññeyyan’ti me, bhikkhave cần phải hiểu biết(tam giới là khổ), này các Tỷ-kheo
pubbe ananussutesu dhammesu đối với các pháp, từ trước Ta chưa từng nghe
cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi nhãn sanh, trí sanh
paññā udapādi, vijjā udapādi tuệ sanh, minh sanh
āloko udapādi quang sanh

‘Tam kho pan’idaṃ dukkhaṃ ariya-saccaṃ Đây là Thánh đế về Khổ
pariññātan’ti me, bhikkhave đã được hiểu biết(tam giới là khổ), này các Tỷ-kheo
pubbe ananussutesu dhammesu đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe
cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi nhãn sanh, trí sanh
paññā udapādi, vijjā udapādi tuệ sanh, minh sanh
āloko udapādi quang sanh

‘Idaṃ dukkha-samudayaṃ ariya-saccaṃ’ti me, bhikkhave
Đây là Thánh đế về Khổ tập, này các Tỷ-kheo
pubbe ananussutesu dhammesu đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe
cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi nhãn sanh, trí sanh
paññā udapādi, vijjā udapādi tuệ sanh, minh sanh
āloko udapādi quang sanh

‘Tam kho pan’idaṃ dukkha-samudayaṃ ariya-saccaṃ
Đây là Thánh đế về Khổ tập
Pahā-tabban’ti me, bhikkhave cần phải đoạn tận, này các Tỷ-kheo
pubbe ananussutesu dhammesu đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe
cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi nhãn sanh, trí sanh
paññā udapādi, vijjā udapādi tuệ sanh, minh sanh
āloko udapādi quang sanh.

‘Tam kho pan’idaṃ dukkha-samudayaṃ ariya-saccaṃ
Đây là Thánh đế về Khổ tập
pahīnan’ti me, bhikkhave đã được đoạn tận, này các Tỷ-kheo
pubbe ananussutesu dhammesu đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe
cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi nhãn sanh, trí sanh
paññā udapādi, vijjā udapādi tuệ sanh, minh sanh
āloko udapādi quang sanh

'Idaṃ dukkha-nirodhaṃ ariya-saccaṃ'ti me, bhikkhave

Đây là Thánh đế về Khổ diệt, này các Tỷ-kheo, đối với Ta

pubbe ananussutesu dhammesu các pháp từ trước chưa từng được nghe

cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi, nhãn sanh, trí sanh

paññā udapādi, vijjā udapādi, tuệ sanh, minh sanh

āloko udapādi quang sanh

'Taṃ kho pan'idaṃ dukkha-nirodhaṃ ariya-saccaṃ

Đây là Thánh đế về Khổ diệt

Sacchikā-tabban'ti me, bhikkhave cần phải chứng ngộ, này các Tỷ-kheo

pubbe ananussutesu dhammesu đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe

cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi nhãn sanh, trí sanh

paññā udapādi, vijjā udapādi tuệ sanh, minh sanh

āloko udapādi quang sanh

'Taṃ kho pan'idaṃ dukkha-nirodhaṃ ariya-saccaṃ

Đây là Thánh đế về Khổ diệt

sacchikatan'ti me, bhikkhave đã được ta chứng ngộ, này các Tỷ-kheo

pubbe ananussutesu dhammesu đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe

cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi nhãn sanh, trí sanh

paññā udapādi, vijjā udapādi tuệ sanh, minh sanh

āloko udapādi quang sanh

'Idaṃ dukkha-nirodha-gāminī paṭipadā ariya-saccaṃ'ti me, bhikkhave

Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến khổ diệt, này các Tỷ-kheo

pubbe ananussutesu dhammesu đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe

cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi nhãn sanh, trí sanh

paññā udapādi, vijjā udapādi tuệ sanh, minh sanh

āloko udapādi quang sanh

Taṃ kho pan'idaṃ dukkha-nirodha-gāminī paṭipadā ariya-saccaṃ

Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt

Bhāve-tabban'ti me, bhikkhave cần phải tu tập, này các Tỷ-kheo

pubbe ananussutesu dhammesu đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe

cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi nhãn sanh, trí sanh

paññā udapādi, vijjā udapādi tuệ sanh, minh sanh

āloko udapādi quang sanh

‘Taṃ kho pan’idaṃ dukkha-nirodha-gāminī paṭipadā ariya-saccaṃ

Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt

bhāvitān’ti me, bhikkhave đã được tu tập, này các Tỷ-kheo

pubbe ananussutesu dhammesu đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe

cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi nhãn sanh, trí sanh

paññā udapādi, vijjā udapādi tuệ sanh, minh sanh

āloko udapādi quang sanh

Yāva-kīvañca me, bhikkhave Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo

imesu catūsu ariya-saccesu trong bốn Thánh đế này

evaṃ ti-parivaṭṭaṃ dvā-dasākāraṃ với ba chuyển và 12 hành tướng như vậy

yathā-bhūtaṃ ñāṇa-dassanaṃ na suvisuddhaṃ ahoṣi

tri kiến như thật không khéo thanh tịnh ở nơi Ta

neva tāvā’haṃ, bhikkhave thời này các Tỷ-kheo, cho đến khi ấy

sadevake loke samārake trong thế giới này với Thiên giới, Ma giới

sabrahmake sassamaṇa-brāhmaṇiyā pajāya

Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn Bà-la-môn

devamanussāya chư Thiên và loài Người

‘anuttaraṃ sammāsambodhiṃ abhisambuddho’ti paccaññāsiṃ

Ta không chứng đắc vô thượng chánh giác Chánh Đẳng Giác

Yato ca kho me, bhikkhave Và cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo

imesu catūsu ariya-saccesu trong bốn Thánh đế này

evaṃ ti-parivaṭṭaṃ dvā-dasākāraṃ với ba chuyển và mười hai hành tướng như vậy

yathā-bhūtaṃ ñāṇa-dassanaṃ suvisuddhaṃ ahoṣi

tri kiến như thật đã được khéo thanh tịnh ở nơi Ta

athā’haṃ, bhikkhave cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo

sadevake loke samārake trong thế giới này với Thiên giới, Ma giới

sabrahmake sassamaṇa brāhmaṇiyā pajāya

Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn

devamanussāya chư Thiên và loài Người

‘anuttaraṃ sammāsambodhiṃ abhisambuddho’ti paccaññāsiṃ

Ta mới chứng tri đã chánh giác vô thượng Chánh Đẳng Giác

Ñāṇañca pana me dassanaṃ udapādi Tri kiến khởi lên nơi Ta:

‘akuppā me vimutti "Bất động là tâm giải thoát của Ta
ayam-antimā jāti Đây là đời sống cuối cùng
natthidāni puna-b-bhavo”ti nay không còn tái sanh nữa"

Idam-avoca bhagavā Thế Tôn thuyết giảng như vậy
Attamanā pañca-vaggiyā bhikkhū Chúng năm Tỷ-kheo hoan hỷ
bhagavato bhāsitaṃ abhinanduntī Tín thọ lời Phật dạy

Imasmiñca pana veyyākaraṇasmim bhaññamāne
Trong khi lời dạy này được tuyên bố
Āyasmato Koṇḍañña Tôn giả Koṇḍañña
virajaṃ vītamaḷaṃ không bợn nhơ, không cấu uế (là)
dhamma-cakkaṃ udapādi pháp nhãn khởi lên
“yaṃ kiñci samudaya-dhammaṃ "Phàm vật gì được tập khởi
sabbaṃ taṃ nirodha-dhammaṃ”ti tất cả pháp ấy cũng bị đoạn diệt"

Pavattite ca pana bhagavatā dhamma-cakke
Và khi Pháp luân này được Thế Tôn chuyển vận như vậy
bhummā devā sadda-manussāvesuṃ chư Thiên cõi đất này lớn tiếng nói lên:
“etaṃ bhagavatā bārāṇasiyaṃ isi-patane miga-dāye
"Nay ở Ba-la-nại, chỗ chư Thiên đọa xứ, tại Vườn Nai, Thế Tôn
anuttaraṃ dhamma-cakkaṃ pavattitaṃ chuyển vô thượng Pháp luân này
ap-paṭivattiyaṃ samaṇena vā
(Pháp luân) không thể nghịch chuyển (nói ngược lại) , bởi Sa-môn
brāhmaṇena vā hay bởi Bà-la- môn
devena vā hay bởi chư Thiên
mārena vā hay bởi Ma vương
brahmunā vā hay bởi Phạm thiên
kenaci vā lokasmin”ti hay bất cứ một ai ở đời"

Bhummānaṃ devānaṃ saddaṃ sutvā Sau khi được nghe tiếng chư Thiên ở cõi đất
Cātu-m-mahā-rājikā devā sadda-manussāvesuṃ
Tứ đại Thiên vương thiên lên tiếng nói lên
“etaṃ bhagavatā bārāṇasiyaṃ isi-patane miga-dāye
"Nay ở Ba-la-nại, chỗ chư Thiên đọa xứ, tại Vườn Nai, Thế Tôn

anuttaram dhamma-cakkam pavattitam chuyển vô thượng Pháp luân

ap-paṭivattiyam samaṇena vā

(Pháp luân) không thể nghịch chuyển(nói ngược lại) bởi Sa-môn

brāhmaṇena vā hay bởi Bà-la-môn

devena vā hay bởi chư Thiên

mārena vā hay bởi Ma vương

brahmunā vā hay bởi Phạm thiên

kenaci vā lokasmin”ti hay bất cứ một ai ở đời"

Cātu-m-mahā-rājikānaṃ devānaṃ saddaṃ sutvā

sau khi nghe tiếng chư thiên cõi Tứ đại thiên vương

tāva-tiṃsā devā sadda-manussāvesuṃ chư thiên cõi ba mươi ba lớn tiếng nói lên

“etaṃ bhagavatā bārāṇasiyaṃ isi-patane miga-dāye

"Nay ở Ba-la-nại, chỗ chư Thiên đọa xứ, tại Vườn Nai, Thế Tôn

anuttaram dhamma-cakkam pavattitam chuyển vô thượng Pháp luân

ap-paṭivattiyam samaṇena vā

(Pháp luân) không thể nghịch chuyển(nói ngược lại) bởi Sa-môn

brāhmaṇena vā hay bởi Bà-la-môn

devena vā hay bởi chư Thiên

mārena vā hay bởi Ma vương

brahmunā vā hay bởi Phạm thiên

kenaci vā lokasmin”ti hay bất cứ một ai ở đời"

Tāva-tiṃsānaṃ devānaṃ saddaṃ sutvā sau khi nghe tiếng chư thiên cõi 33

yāmā devā sadda-manussāvesuṃ chư thiên Dạ ma lớn tiếng nói lên

“etaṃ bhagavatā bārāṇasiyaṃ isi-patane miga-dāye

"Nay ở Ba-la-nại, chỗ chư Thiên đọa xứ, tại Vườn Nai, Thế Tôn

anuttaram dhamma-cakkam pavattitam chuyển vô thượng Pháp luân

ap-paṭivattiyam samaṇena vā

(Pháp luân) không thể nghịch chuyển(nói ngược lại) bởi Sa-môn

brāhmaṇena vā hay bởi Bà-la-môn

devena vā hay bởi chư Thiên,

mārena vā hay bởi Ma vương,

brahmunā vā hay bởi Phạm thiên

kenaci vā lokasmin”ti hay bất cứ một ai ở đời"

Yāmānaṃ devānaṃ saddaṃ sutvā sau khi nghe tiếng chư thiên cõi Dạ ma
tusitā devā sadda-manussāvesuṃ chư thiên Đâu suất lớn tiếng nói lên

“etaṃ bhagavatā bārāṇasiyaṃ isi-patane miga-dāye

"Nay ở Ba-la-nại, chỗ chư Thiên đọa xứ, tại Vườn Nai, Thế Tôn

anuttaraṃ dhamma-cakkaṃ pavattitaṃ chuyển vô thượng Pháp luân

ap-paṭivattiyaṃ samaṇena vā không thể nghịch chuyển (nói ngược lại) bởi Sa-môn
brāhmaṇena vā hay bởi Bà-la-môn

devena vā hay bởi chư Thiên

mārena vā hay bởi Ma vương

brahmunā vā hay bởi Phạm thiên

kenaci vā lokasmin”ti hay bất cứ một ai ở đời"

Tusitānaṃ devānaṃ saddaṃ sutvā sau khi nghe tiếng chư thiên cõi Đâu suất

Nimmāna-ratī devā sadda-manussāvesuṃ chư thiên Hóa lạc thiên lớn tiếng nói lên

“etaṃ bhagavatā bārāṇasiyaṃ isi-patane miga-dāye

"Nay ở Ba-la-nại, chỗ chư Thiên đọa xứ, tại Vườn Nai, Thế Tôn

anuttaraṃ dhamma-cakkaṃ pavattitaṃ chuyển vô thượng Pháp luân

ap-paṭivattiyaṃ samaṇena vā không thể nghịch chuyển (nói ngược lại) bởi Sa-môn
brāhmaṇena vā hay bởi Bà-la-môn

devena vā hay bởi chư Thiên

mārena vā hay bởi Ma vương

brahmunā vā hay bởi Phạm thiên

kenaci vā lokasmin”ti hay bất cứ một ai ở đời"

Nimmāna-ratīnaṃ devānaṃ saddaṃ sutvā

sau khi nghe tiếng chư thiên cõi Hóa lạc thiên

Para-nimmita-vasavattī devā sadda-manussāvesuṃ

chư thiên Tha hóa tự tại nay lớn tiếng nói lên

“etaṃ bhagavatā bārāṇasiyaṃ isi-patane miga-dāye

"Nay ở Ba-la-nại, chỗ chư Thiên đọa xứ, tại Vườn Nai, Thế Tôn

anuttaraṃ dhamma-cakkaṃ pavattitaṃ chuyển vô thượng Pháp luân

ap-paṭivattiyaṃ samaṇena vā không thể nghịch chuyển (nói ngược lại) bởi Sa-môn
brāhmaṇena vā hay bởi Bà-la-môn

devena vā hay bởi chư Thiên

mārena vā hay bởi Ma vương

brahmunā vā hay bởi Phạm thiên

kenaci vā lokasmin”ti hay bất cứ một ai ở đời"

Para-nimmita-vasavattīnaṃ devānaṃ saddaṃ sutvā

sau khi nghe tiếng chư thiên cõi Tha hóa tự tại

brahma-kāyikā devā sadda-manussāvesuṃ

chư thiên Phạm thiên nay lớn tiếng nói lên

“etaṃ bhagavatā bārāṇasiyaṃ isi-patane miga-dāye

"Nay ở Ba-la-nại, chỗ chư Tiên đọa xứ, tại Vườn Nai, Thế Tôn

anuttaraṃ dhamma-cakkaṃ pavattitaṃ chuyển vô thượng Pháp luân

ap-ṇivattiyaṃ samaṇena vā không thể nghịch chuyển (nói ngược lại)bởi Sa-môn

brāhmaṇena vā hay bởi Bà-la-môn

devena vā, hay bởi chư Thiên,

mārena vā hay bởi Ma vương

brahmunā vā hay bởi Phạm thiên

kenaci vā lokasmin”ti hay bất cứ một ai ở đời".

Itiha tena khaṇena tena Như vậy, trong sát-na ấy

layena tena muhuttena trong khoảnh khắc ấy ,trong giây phút ấy

yāva brahma-lokā saddo abhuggacchi tiếng ấy lên đến Phạm thiên giới

Ayañca dasa-sahassi lokadhātu Và mười ngàn thế giới này

saṅkampi sampakampi sampavedhi chuyển động, rung động, chuyển động mạnh

appamāṇo ca uḷāro obhāso Và một hào quang vô lượng, quảng đại

loke pāturahosi phát chiếu ra ở đời

atikkamma devānaṃ devā’nubhāvanti vượt quá uy lực chư Thiên

Atha kho bhagavā imaṃ udānaṃ udānesi

Rồi Thế Tôn thốt lên lời cảm hứng sau đây:

“aññāsi vata, bho, koṇḍañña” Chắc chắn đã giác hiểu là Koṇḍañña (Kiều-trần-như)

aññāsi vata, bho, koṇḍañña”ti! Chắc chắn đã giác hiểu là Koṇḍañña!"

Iti hidaṃ āyasmato koṇḍaññassa Như vậy Tôn giả Koṇḍañña

‘aññāsi-koṇḍañña’ tveva nāmaṃ ahoṣī’ti

được tên là Aññākoṇḍañña (A-nhã Kiều-trần-như)

Atha kho āyasmā aññāsi-koṇḍañña khi đó Đại Đức Aññāsikoṇḍañña

diṭṭha-dhammo patta-dhammo

Sau khi đã thấy Pháp(Tứ Thánh Đế) đã thành tựu Pháp(Tứ Thánh Đế)

vidita-dhammo pariyogāḷha-dhammo

đã hiểu Pháp(Tứ Thánh Đế), đã thấm nhuần Pháp(Tứ Thánh Đế)

tiṇṇa-vicikiccho vigata-kathaṃ-katho hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn

vesārajja-p-patto अपरा-p-paccayo

thành tựu niềm tin, không còn cần sự trợ duyên của người khác

satthu-sāsane bhagavantam eta-d-avoca

vào nơi Giáo Pháp của bậc Đạo Sư, (Tôn giả Aññāsikoṇḍañña) đã nói với đức Thế Tôn điều này:

“Labheyā’haṃ bhante, bhagavato santike pabbajjaṃ

Bạch ngài, con có thể xuất gia trong sự hiện diện của đức Thế Tôn không?

labheyyaṃ upasampadan”ti Con có thể tu lên bậc trên không?

“Ehi bhikkhū”ti bhagavā avoca Đức Thế Tôn đã nói rằng: - Nay tỳ khuru, hãy đến

“Svākkhāto dhammo, cara brahma-cariyaṃ

Pháp đã được khéo thuyết giảng, hãy thực hành Phạm hạnh

sammā dukkhassa anta-kiriyaā”ti một cách đúng đắn để chấm dứt khổ đau

Sāva tassa āyasmato upasampadā ahoṣī’ti. Đây đã là sự tu lên bậc trên của Tôn giả

Dhamma-cakka-p-pavattana-suttaṃ niṭṭhitam

chấm dứt bài kinh Chuyển Pháp Luân

**KINH TỤNG
NGÀY THỨ NĂM**

ANATTA-LAKKHAṆA SUTTA

Kinh Vô Ngã Tướng

Uyyojana Gāthā

Kệ Khai Kinh Vô Ngã Tướng

Dhamma-cakkaṃ pavattetvā

āsaḥiyam hi puṇṇāme

Nagare Bārāṇasiyaṃ

Isi-patana-vhaye vane

Pāpetvādiphalaṃ nesaṃ

anukkamena desayi

Yaṃ taṃ pakkhassa pañcamaṃ

vimuttatthaṃ bhanāma he

Sau khi chuyển Pháp luân

vào ngày rằm tháng 6

gần kinh thành Bārāṇasī,

tại khu rừng tên Isipatana

khi nhóm 5 vị tỳ khưu đã chứng đắc quả Đầu tiên

tuần tự (khi Đức Thế Tôn) thuyết bài kinh này

nhằm ngày thứ 5 của tuần trăng xuống

vì mục đích giải thoát giác ngộ. Nay quý vị thiện tri thức,
nay chúng tôi tụng bài kinh ấy.

Ekam samayaṃ bhagavā bārāṇasiyaṃ viharati isi-patane miga-dāye

Một thời Thế Tôn ở Bārāṇasī (Ba-la-nại), tại Isipatana (Chư Tiên đọa xứ), vườn Lộc Uyển

Tatra kho bhagavā pañca-vaggiye bhikkhū āmantesi

Ở đây Thế Tôn nói với đoàn năm vị Tỷ-kheo

“bhikkhavo”ti : "Này các Tỷ-kheo"

“Bhadante”ti "Thưa vâng bạch Thế Tôn"

te bhikkhū bhagavato paccassosum. Bhagavā eta-d-avoca

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

“Rūpaṃ, bhikkhave, anattā Sắc, này các Tỷ-kheo, là vô ngã

Rūpañca hidam, bhikkhave, attā abhaviṣṣa Này các Tỷ-kheo, nếu sắc là ngã

nayidaṃ rūpaṃ ābādhāya samvatteyya thời sắc không thể đi đến bệnh hoạn

labbhettha ca rūpe và có thể được các sắc như sau

‘evaṃ me rūpaṃ hotu"Mong rằng sắc của Con là như thế này!"

evaṃ me rūpaṃ mā ahoṣī’ti Mong rằng sắc của Con chẳng phải như thế này!"

Yasmā ca kho, bhikkhave, rūpaṃ anattā Và này các Tỷ-kheo, vì sắc là vô ngã

tasmā rūpaṃ ābādhāya saṃvattati Do vậy sắc đi đến bệnh hoạn
na ca labbhati rūpe và không thể có được các sắc

‘evaṃ me rūpaṃ hotu "Mong rằng sắc của Con như thế này!

evaṃ me rūpaṃ mā ahoṣī’ti Mong rằng sắc của Con chẳng phải như thế này!"

Vedanā anattā Thọ là vô ngã

Vedanā ca hidaṃ, bhikkhave, attā abhavissa Nay các Tỷ-kheo, nếu thọ là ngã
nayidaṃ vedanā ābādhāya saṃvatteyya thời thọ không thể đi đến bệnh hoạn

labbheṭṭha ca vedanāya và có thể được các thọ như sau:

‘evaṃ me vedanā hotu"Mong rằng thọ của Con như thế này!

evaṃ me vedanā mā ahoṣī’ti Mong rằng thọ của Con chẳng phải như thế này!"

Yasmā ca kho, bhikkhave, vedanā anattā Và này các Tỷ-kheo, vì thọ là vô ngã

tasmā vedanā ābādhāya saṃvattati Do vậy, thọ đi đến bệnh hoạn

na ca labbhati vedanāya và không thể có được các thọ

‘evaṃ me vedanā hotu "Mong rằng thọ của Con như thế này!

evaṃ me vedanā mā ahoṣī’ti Mong rằng thọ của Con chẳng phải như thế này!"

Saññā anattā Tưởng, này các Tỷ-kheo, là vô ngã

Saññā ca hidaṃ, bhikkhave, attā abhavissa Nay các Tỷ-kheo, nếu tưởng là ngã
nayidaṃ saññā ābādhāya saṃvatteyya thời tưởng không thể đi đến bệnh hoạn

labbheṭṭha ca saññāya và có thể được các tưởng như sau:

‘evaṃ me saññā hotu"Mong rằng tưởng của Con như thế này!

evaṃ me saññā mā ahoṣī’ti Mong rằng tưởng của Con chẳng phải như thế này!"

Yasmā ca kho, bhikkhave, saññā anattā Và này các Tỷ-kheo, vì tưởng là vô ngã

tasmā saññā ābādhāya saṃvattati Do vậy, tưởng đi đến bệnh hoạn

na ca labbhati saññāya và không thể có được các tưởng:

‘evaṃ me saññā hotu"Mong rằng tưởng của Con như thế này!

evaṃ me saññā mā ahoṣī’ti Mong rằng tưởng của Con chẳng phải như thế này!"

Saṅkhārā anattā Các hành là vô ngã

Saṅkhārā ca hidaṃ, bhikkhave, attā abhavissamsu

này các Tỷ-kheo, nếu các hành là ngã

nayidaṃ saṅkhārā ābādhāya saṃvatteyyuṃ

thời các hành không thể đi đến bệnh hoạn

labbheṭṭha ca saṅkhāresu và có thể được các hành như sau:

‘evaṃ me saṅkhārā hontu "Mong rằng các hành của Con như thế này!

evaṃ me saṅkhārā mā ahesun’ti Mong rằng các hành của Con chẳng phải như thế này!"

Yasmā ca kho, bhikkhave, saṅkhārā anattā Và này các Tỷ-kheo, vì các hành là vô ngã

tasmā saṅkhārā ābādhāya saṃvattanti Do vậy, các hành đi đến bệnh hoạn

na ca labbhati saṅkhāresu và không thể có được các hành:

‘evaṃ me saṅkhārā hontu "Mong rằng các hành của Con như thế này

evaṃ me saṅkhārā mā ahesun’ti Mong rằng các hành của Con không phải như thế này!"

Viññāṇaṃ anattā Thức là vô ngã

Viññāṇaṅca hidaṃ, bhikkhave, attā abhavissa này các Tỷ-kheo, nếu thức là ngã

na yidaṃ viññāṇaṃ ābādhāya saṃvattēyya thì thức không thể đi đến bệnh hoạn

labbhetha ca viññāṇe và có thể có được các thức như sau:

‘evaṃ me viññāṇaṃ hotu "Mong rằng thức của Con như thế này!

evaṃ me viññāṇaṃ mā ahoṣī’ti Mong rằng thức của Con chẳng phải như thế này!"

Yasmā ca kho, bhikkhave, viññāṇaṃ anattā Và này các Tỷ-kheo, vì thức là vô ngã

tasmā viññāṇaṃ ābādhāya saṃvattati Do vậy, thức đi đến bệnh hoạn

na ca labbhati viññāṇe và không có thể có được thức:

‘evaṃ me viññāṇaṃ hotu "Mong rằng thức của Con như thế này!

evaṃ me viññāṇaṃ mā ahoṣī’ti Mong rằng thức của Con chẳng phải như thế này!"

Taṃ kiṃ maññatha, bhikkhave Này các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào?

rūpaṃ niccaṃ vā aniccaṃ vā”ti Sắc là thường hay vô thường?

“Aniccaṃ, bhante” -- Là vô thường, bạch Thế Tôn!

“Yaṃ panā’niccaṃ dukkhaṃ vā taṃ sukhaṃ vā”ti Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

“Dukkhaṃ, bhante” Là khổ, bạch Thế Tôn

“Yaṃ panā’niccaṃ dukkhaṃ vipariṇāma-dhammaṃ

Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại

kallaṃ nu taṃ samanupassituṃ có hợp lý chăng khi quán cái ấy là:

‘etaṃ mama, eso’ham-asmi” Cái này là của Con, cái này là Con

eso me attā’ti cái này là tự ngã của Con"?

“No hetuṃ, bhante” Thưa không, bạch Thế Tôn.

Vedanā niccā vā aniccā vā”ti Thọ là thường hay vô thường?

“Aniccā, bhante” Là vô thường, bạch Thế Tôn!

“Yaṃ panā’niccaṃ dukkhaṃ vā taṃ sukhaṃ vā”ti Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

“Dukkhaṃ, bhante” Là khổ, bạch Thế Tôn.

“Yaṃ panā’niccaṃ dukkhaṃ vipariṇāma-dhammaṃ

Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại

kallaṃ nu taṃ samanupassitum có hợp lý chăng khi quán cái ấy là:

‘etaṃ mama, eso’ham’asmi” Cái này là của Con, cái này là Con

eso me attā’ti cái này là tự ngã của Con”?

“No hetam, bhante” Thưa không, bạch Thế Tôn

Saññā niccā vā aniccā vā”ti Tưởng là thường hay vô thường?

“Aniccā, bhante” Là vô thường, bạch Thế Tôn!

“Yaṃ panā’niccaṃ dukkhaṃ vā taṃ sukhaṃ vā”ti Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

“Dukkhaṃ, bhante” Là khổ, bạch Thế Tôn.

“Yaṃ panā’niccaṃ dukkhaṃ vipariṇāma-dhammaṃ

Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại

kallaṃ nu taṃ samanupassitum có hợp lý chăng khi quán cái ấy là:

‘etaṃ mama, eso’ham-asmi” Cái này là của Con, cái này là Con

eso me attā’ti cái này là tự ngã của Con”?

“No hetam, bhante” Thưa không, bạch Thế Tôn

Saṅkhārā niccā vā aniccā vā”ti Các Hành là thường hay vô thường?

“Aniccā, bhante” Là vô thường, bạch Thế Tôn!

“Yaṃ panā’niccaṃ dukkhaṃ vā taṃ sukhaṃ vā”ti Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

“Dukkhaṃ, bhante” Là khổ, bạch Thế Tôn.

“Yaṃ panā’niccaṃ dukkhaṃ vipariṇāma-dhammaṃ

Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại

kallaṃ nu taṃ samanupassitum có hợp lý chăng khi quán cái ấy là:

‘etaṃ mama, eso’ham-asmi” Cái này là của Con, cái này là Con

eso me attā’ti cái này là tự ngã của Con”?

“No hetam, bhante” Thưa không, bạch Thế Tôn

Viññāṇaṃ niccaṃ vā aniccaṃ vā”ti Thức là thường hay vô thường?

“Aniccaṃ, bhante” Là vô thường, bạch Thế Tôn!

“Yaṃ panā’niccaṃ dukkhaṃ vā taṃ sukhaṃ vā”ti Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

“Dukkhaṃ, bhante” Là khổ, bạch Thế Tôn.

“Yaṃ panā’niccaṃ dukkhaṃ vipariṇāma-dhammaṃ

Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại

kallaṃ nu taṃ samanupassituṃ có hợp lý chăng khi quán cái ấy là:

‘etaṃ mama, eso’ham-asmi” Cái này là của Con, cái này là Con,

eso me attā’ti cái này là tự ngã của Con”?

“No hetama, bhante” Thưa không, bạch Thế Tôn.

“Tasmā-tiha, bhikkhave Do vậy, này các Tỷ-kheo

yaṃ kiñci rūpaṃ atītā’nāgata- paccuppannaṃ phàm sắc gì quá khứ, vị lai, hiện tại,

ajjhattaṃ vā bahiddhā vā thuộc nội hay ngoại

oḷārikaṃ vā sukhumāṃ vā thô hay tế

hīnaṃ vā paṇītaṃ vā liệt hay thắng

yaṃ dūre santike vā xa hay gần

sabbaṃ rūpaṃ– n’etaṃ mama, n’eso’ham-asmi

(thấy)tất cả sắc"“Cái này không phải của Con, cái này không phải là Con

na m’eso attā’ti cái này không phải tự ngã của Con”

evam-etaṃ yathā-bhūtaṃ samma-p-paññāya daṭṭhabbaṃ

cần phải như thật quán với chánh trí tuệ (tất cả sắc) như vậy

Yā kāci vedanā atītā’nāgata-paccuppannā Phàm thọ gì quá khứ, vị lai, hiện tại,

ajjhattaṃ vā bahiddhā vā thuộc nội hay ngoại

oḷārikaṃ vā sukhumāṃ vā thô hay tế

hīnaṃ vā paṇītaṃ vā liệt hay thắng

yā dūre santike vā xa hay gần

sabbā vedanā– n’etaṃ mama, n’eso’ham-asmi

(thấy) tất cả thọ : "Cái này không phải của Con, cái này không phải là Con

na m’eso attā’ti cái này không phải tự ngã của Con”

evam-etaṃ yathā-bhūtaṃ samma-p-paññāya daṭṭhabbaṃ

cần phải như thật quán với chánh trí tuệ (tất cả thọ) như vậy

Yā kāci saññā atītā’nāgata-paccuppannā Phàm tưởng gì quá khứ, vị lai, hiện tại

ajjhattaṃ vā bahiddhā vā thuộc nội hay ngoại

oḷārikaṃ vā sukhumāṃ vā thô hay tế

hīnaṃ vā paṇītaṃ vā liệt hay thắng

yā dūre santike vā xa hay gần

sabbā saññā– n’etaṃ mama, n’eso’ham-asmi

(thấy) tất cả tướng : "Cái này không phải của Con, cái này không phải là Con,

na m’eso attā’ti cái này không phải tự ngã của Con".

Evam-etaṃ yathā-bhūtaṃ samma-p-paññāya daṭṭhabbaṃ

cần phải như thật quán với chánh trí tuệ (tất cả thức) như vậy

Ye keci saṅkhārā atītā’nāgata-paccuppannā

Phàm các hành gì quá khứ, vị lai, hiện tại

ajjhataṃ vā bahiddhā vā thuộc nội hay ngoại

oḷārikaṃ vā sukhumāṃ vā thô hay tế

hīnaṃ vā paṇītaṃ vā liệt hay thắng

ye dūre santike vā xa hay gần

sabbe saṅkhārā– n’etaṃ mama, n’eso’ham-asmi

(thấy) tất cả các hành:"Cái này không phải của Con, cái này không phải là Con

na m’eso attā’ti cái này không phải tự ngã của Con"

evam-etaṃ yathā-bhūtaṃ samma-p-paññāya daṭṭhabbaṃ

cần phải như thật quán với chánh trí tuệ (tất cả các hành) như vậy

Yaṃ kiñci viññāṇaṃ atītā’nāgata-paccuppannaṃ

Phàm thức gì quá khứ, vị lai, hiện tại

ajjhataṃ vā bahiddhā vā thuộc nội hay ngoại

oḷārikaṃ vā sukhumāṃ vā thô hay tế

hīnaṃ vā paṇītaṃ vā liệt hay thắng

yaṃ dūre santike vā xa hay gần

sabbaṃ viññāṇaṃ – n’etaṃ mama, n’eso’ham’asmi

(thấy) tất cả thức:"Cái này không phải của Con cái này không phải là Con

na m’eso attā’ti cái này không phải tự ngã của Con"

evam-etaṃ yathā-bhūtaṃ samma-p-paññāya daṭṭhabbaṃ

cần phải như thật quán với chánh trí tuệ (tất cả các thức) như vậy

“Evaṃ passaṃ, bhikkhave, sutavā ariya-sāvako

Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, bậc Đa văn Thánh đệ tử

Rūpasmim’pi nibbindati yếm ly (nhàm chán) đối với sắc

Vedanāya’pi nibbindati yếm ly (nhàm chán) đối với thọ

Saññāya’pi nibbindati yếm ly (nhàm chán) đối với tưởng

saṅkhāresu’pi nibbindati yếm ly (nhàm chán) đối với các hành

viññāṇasmim’pi nibbindati yếm ly (nhàm chán) đối với thức

Nibbindaṃ virajjati Do yếm ly (nhàm chán), vị ấy ly tham

virāgā vimuccati Vimuttasmiṃ vimuttamiti ñāṇaṃ hoti

Do ly tham, vị ấy giải thoát Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết rõ:

'Khīṇā jāti, vusitaṃ brahmacariyaṃ

"Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành

kataṃ karaṇīyaṃ, nāparaṃ itthattāyā'ti pajānātī'ti

những việc nên làm(chứng ngộ Tứ Thánh Đế) đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa"

Idam-avoca bhagavā. Thế Tôn thuyết như vậy.

Attamanā pañca-vaggiyā bhikkhū bhagavato bhāsitaṃ abhinandunṃ

Nhóm năm vị Tỷ-kheo hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Imasmiñca pana veyyākaraṇasmiṃ bhaññamāne

Trong khi lời dạy này được nói lên

pañca- vaggiyānaṃ bhikkhūnaṃ anupādāya

(tâm) của nhóm năm vị Tỷ-kheo không có chấp thủ.

āsavehi cittāni vimuccisū'ti

tâm (của 5 vị) được giải thoát khỏi các lậu hoặc

Anatta-lakkhaṇa-suttaṃ niṭṭhitaṃ

Chấm dứt bài kinh Vô Ngã Tướng

KINH TỤNG
NGÀY THỨ SÁU

Paṭiccasamuppādavibhaṅgo

DUYÊN KHỞI PHÂN TÍCH

Suttantabhājanīyaṃ

Phân tích theo Kinh

Avijjā-paccayā saṅkhārā, saṅkhāra-paccayā viññāṇaṃ

Hành có do duyên vô minh, thức có do duyên hành

viññāṇa-paccayā nāma-rūpaṃ

danh sắc có do duyên thức

nāma-rūpapaccayā saḷā'yatanaṃ

lục nhập có do duyên danh sắc

saḷā'yatana-paccayā phasso

xúc có do duyên lục nhập

phassa-paccayā vedanā

thọ có do duyên xúc

vedanā-paccayā taṇhā

ái có do duyên thọ

taṇhā-paccayā upādāna

thủ có do duyên ái

upādāna-paccayā bhavo

hữu có do duyên thủ

bhava-paccayā jāti

sinh có do duyên hữu

jāti-paccayā jarā-maraṇaṃ soka-parideva-dukkha- domanass'upāyāsā sambhavanti

lão tử sầu bi khổ ưu ai có do duyên sinh

Evam-etassa kevalassa dukkha-k-khandhassa samudayo hoti

như vậy là tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này

Tattha katamā avijjā Ở đây, vô minh là như thế nào?

Dukkhe aññāṇaṃ, dukkha-samudaye aññāṇaṃ

Sự không hiểu về khổ, sự không hiểu về khổ tập

Dukkha-nirodhe aññāṇaṃ, dukkha-nirodha-gāminiyā paṭipadāya aññāṇaṃ

sự không hiểu về khổ diệt, sự không hiểu về khổ diệt hành lộ

ayaṃ vuccati “avijjā” Đây gọi là vô minh

Tattha katame avijjā-paccayā saṅkhārā Ở đây, thế nào là hành do duyên vô minh?

Puññā’bhisāṅkhāro, apuññā’bhisāṅkhāro Tức là phúc hành, phi phúc hành

Āneñjā’bhisāṅkhāro, kāya-saṅkhāro, bất động hành, thân hành

Vacī-saṅkhāro, citta-saṅkhāro khẩu hành, ý hành.

Tattha katamo puññā’bhisāṅkhāro Ở đây, phúc hành là thế nào?

Kusalā cetanā kāmā’vacarā rūpā’vacarā Tư thiện dục giới, sắc giới

Dāna-mayā sīla-mayā bhāvanā-mayā do bố thí thành, trì giới thành, tu tiến thành

ayaṃ vuccati “puññā’bhisāṅkhāro” Đây gọi là phúc hành

Tattha katamo apuññā’bhisāṅkhāro Ở đây, phi phúc hành là thế nào?

Akusalā cetanā kāmā’vacarā Tư bất thiện dục giới

ayaṃ vuccati “apuññā’bhisāṅkhāro” đây gọi là phi phúc hành

Tattha katamo āneñjā’bhisāṅkhāro Ở đây, bất động hành là thế nào?

Kusalā cetanā arūpā’vacarā Tư thiện vô sắc giới

ayaṃ vuccati “āneñjā’bhisāṅkhāro” Đây gọi là bất động hành.

Tattha katamo kāya-saṅkhāro Ở đây, thân hành là thế nào?

Kāya-sañcetanā kāya-saṅkhāro Tác ý khiến biểu hiện nơi thân gọi là thân hành

vacī-sañcetanā vacī-saṅkhāro tác ý khiến biểu hiện ở khẩu gọi là khẩu hành

mano-sañcetanā citta-saṅkhāro tác ý khiến biểu hiện ở tâm gọi là Tâm hành

Ime vuccanti “avijjā-paccayā saṅkhārā” Đây gọi là hành do duyên vô minh

Tattha katamaṃ saṅkhāra-paccayā viññāṇaṃ

Ở đây, thế nào là thức do duyên hành

Cakkhu-viññāṇaṃ, sota-viññāṇaṃ Nhãn thức, nhĩ thức

Ghāna-viññāṇaṃ, jivhā-viññāṇaṃ tỷ thức, thiệt thức

Kāya-viññāṇaṃ, mano-viññāṇaṃ thân thức, ý thức

idaṃ vuccati “saṅkhāra-paccayā viññāṇaṃ” Đây gọi là thức do duyên hành.

Tattha katamaṃ viññāṇa-paccayā nāma-rūpaṃ

Ở đây, thế nào là danh sắc do duyên thức?

Atthi nāmaṃ, atthi rūpaṃ Có danh, có sắc

Tattha katamaṃ nāmaṃ Ở đây, danh là thế nào?

Vedanā-k-khandho, saññā-k-khandho Tức thọ, tưởng

saṅkhāra-k-khandho idaṃ vuccati “nāmaṃ” Đây gọi là danh. tư, xúc, tác ý

Tattha katamaṃ rūpaṃ Ở đây, thế nào là sắc
Cattāro mahā-bhūtā Tức bốn đại hiện
catunnañca mahā-bhūtānaṃ upādāya rūpaṃ và sắc nương bốn đại hiện
idaṃ vuccati “rūpaṃ” Đây gọi là sắc
Iti idañca nāmaṃ, idañca rūpaṃ Như vậy, đây là danh, đây là sắc
Idaṃ vuccati “viññāṇa-paccayā nāma-rūpaṃ” Đây gọi là danh sắc do duyên thức

Tattha katamaṃ nāma-rūpa-paccayā saḷā’yatanaṃ
Ở đây, thế nào là lục nhập do duyên danh sắc?
Cakkhā’yatanaṃ, sotā’yatanaṃ Tức nhãn xứ, nhĩ xứ
Ghānā’yatanaṃ, jivhā’yatanaṃ tỷ xứ, thiệt xứ
Kāyā’yatanaṃ, manā’yatanaṃ thân xứ, ý xứ
idaṃ vuccati “nāma-rūpa-paccayā saḷā’yatanaṃ”
Đây gọi là lục nhập do duyên danh sắc

Tattha katamo saḷā’yatana-paccayā phasso
Ở đây, thế nào là xúc do duyên lục nhập
Cakkhu-samphasso sota-samphasso Tức nhãn xúc, nhĩ xúc
Ghāna-samphasso jivhā-samphasso tỷ xúc, thiệt xúc
Kāya-samphasso mano-samphasso thân xúc, ý xúc
ayaṃ vuccati “saḷā’yatana-paccayā phasso” Đây gọi là xúc do duyên lục nhập

Tattha katamā phassa-paccayā vedanā Ở đây, thế nào là thọ do duyên xúc
Cakkhu-samphassajā vedanā Tức thọ sanh từ nhãn xúc
Sota-samphassajā vedanā thọ sanh từ nhĩ xúc
Ghāna-samphassajā vedanā thọ sanh từ tỷ xúc
Jivhā-samphassajā vedanā thọ sanh từ thiệt xúc
Kāya-samphassajā vedanā thọ sanh từ thân xúc
Mano-samphassajā vedanā thọ sanh từ ý xúc
ayaṃ vuccati “phassa-paccayā vedanā” Đây gọi là thọ do duyên xúc.

Tattha katamā vedanā-paccayā taṇhā
Ở đây, thế nào là ái do duyên thọ?
Rūpa-taṇhā, sadda-taṇhā Tức sắc ái, thanh ái
Gandha-taṇhā, rasa-taṇhā hương ái, vị ái

phoṭṭhabba-taṇhā, dhamma-taṇhā xúc ái, pháp ái
ayaṃ vuccati “vedanā-paccayā taṇhā” Đây gọi là ái do duyên thọ

Tattha katamaṃ taṇhā-paccayā upādānaṃ Ở đây, thế nào là thủ do duyên ái
Kāṃ’upādānaṃ, diṭṭh’upādānaṃ Tức là dục thủ, kiến thủ
Sīla-b-bat’upādānaṃ, atta-vād’upādānaṃ giới cấm thủ, ngã luận chấp thủ.
idaṃ vuccati “taṇhā-paccayā upādānaṃ” Đây gọi là thủ do duyên ái

Tattha katamo upādāna-paccayā bhavo Ở đây, thế nào là hữu do duyên thủ
Bhavo duvidhena Hữu phân theo hai loại:

atthi kamma-bhavo, atthi upapatti-bhavo có nghiệp hữu, có sanh hữu

Tattha katamo kamma-bhavo Ở đây, nghiệp hữu là thế nào?

Puññā’bhisāṅkhāro, apuññā’bhisāṅkhāro Tức phúc hành, phi phúc hành
āneñjā’bhisāṅkhāro— ayaṃ vuccati “kamma-bhavo”

bất động hành. Đây gọi là nghiệp hữu

Sabbam’pi bhava-gāmi-kammaṃ kamma-bhavo.

Tất cả nghiệp đưa đến hữu là nghiệp hữu

Tattha katamo upapatti-bhavo Ở đây, sanh hữu là thế nào?

Kāma-bhavo, rūpa-bhavo Tức là dục hữu, sắc hữu

Arūpa-bhavo, saññā-bhavo vô sắc hữu, tưởng hữu

Asaññā-bhavo, neva-saññānāsaññā-bhavo

vô tưởng hữu, phi tưởng phi phi tưởng xứ hữu

Eka-vokāra-bhavo nhất uẩn hữu

Catu-vokāra-bhavo tứ uẩn hữu

Pañca-vokāra-bhavo ngũ uẩn hữu

ayaṃ vuccati “upapatti-bhavo” Đây gọi là sanh hữu

Iti ayañca kamma-bhavo, ayañca upapatti-bhavo

Nghiệp hữu này là như thế, sanh hữu này là như thế

Ayaṃ vuccati “upādāna-paccayā bhavo” đây gọi là hữu do duyên thủ

Tattha katamā bhava-paccayā jāti? Ở đây, thế nào là sanh do duyên hữu?

Yā tesam tesam sattānaṃ Đối với mỗi chúng sanh

tamhi tamhi sattanikāye trong từng chủng loại thân hữu tình ấy

jāti sañjāti okkanti abhinibbatti có sự kiện sanh ra, sanh khởi, hiện ra, phát ra

khandhānaṃ pātubhāvo hiện khởi các uẩn

āyatanānaṃ paṭilābho thành tựu các xứ

ayaṃ vuccati “bhava-paccayā jāti” Đây gọi là sanh do duyên hữu

Tattha katamaṃ jāti-paccayā jarā-maraṇaṃ

Ở đây, thế nào là lão tử do duyên sanh

Atthi jarā, atthi maraṇaṃ Có lão, có tử

Tattha katamā jarā Ở đây, thế nào là lão

Yā tesam tesam sattānaṃ Đối với mỗi chúng sanh

tamhi tamhi sattanikāye trong từng chủng loại thân hữu tình ấy

jarā jīraṇatā khaṇḍiccaṃ pāliccaṃ valittacatā

sự niên lão, sự hủy hoại, trạng thái rụng răng, trạng thái tóc bạc, da nhăn

āyuno saṃhāni indriyānaṃ paripāko tuổi thọ rút ngắn, các căn hủy hoại

ayaṃ vuccati “jarā” Đây gọi là già

Tattha katamaṃ maraṇaṃ Ở đây, tử là thế nào

Yā tesam tesam sattānaṃ Đối với mỗi chúng sanh

tamhā tamhā sattanikāyā trong từng chủng loại thân hữu tình ấy

cuti cavanatā bhedo sự qua đời, đổi đời (kiếp sống khác), sự hư hoại

antaradhānaṃ maccu maraṇaṃ sự biến mất chết, tán vong

kāla-kiriyā khandhānaṃ bhedo quá vãng, tan rã ngũ uẩn

kaḷavarassa nikkhepo sự vứt bỏ thân xác

jīvit’indriyassupacchedo đứt mạng quyền

idaṃ vuccati “maraṇaṃ” Đây gọi là tử

Iti ayañca jarā, idañca maraṇaṃ Lão này là như thế, tử này là như thế

Idaṃ vuccati “jāti-paccayā jarā-maraṇaṃ” Đây gọi là lão tử

Tattha katamo soko Ở đây, sầu là thế nào?

Ñāti-byasanena vā phuṭṭhassa hoặc thân quyến qua đời

Bhoga-byasanena vā phuṭṭhassa hoặc hư hoại tài sản

Roga-byasanena vā phuṭṭhassa hoặc bệnh tật hành hạ

Sīla-byasanena vā phuṭṭhassa hoặc giới hạnh hư hỏng

diṭṭhi-byasanena vā phuṭṭhassa hoặc tri kiến bị băng hoại

aññataraññatarena byasanena samannāgatassa xảy ra điều suy vong nào đó

aññataraññatarena dukkha-dhammena phuṭṭhassa hay gặp nỗi khổ nào đó

soko socanā socitattaṃ có sự lo âu sầu muộn (soka), sự buồn rầu (socanā), thái độ thương tiếc (socitatta)

anto-soko anto-parisoko phiền muộn trong lòng (antosoko), nóng nảy ray rức trong lòng (antoparisoko)

cetaso parijjhāyanā domanassaṃ soka-sallaṃ tâm tư chán nản thất vọng (domanassa), rầu rĩ (parijjhāyanā), có cây gai sấu (sokasalla) khởi lên.

ayaṃ vuccati “soko” Đây gọi là sấu (soko)

Tattha katamo paridevo Ở đây, bi là thế nào

Ñāti-byasanena vā phuṭṭhassa hoặc thân quyến qua đời

Bhoga-byasanena vā phuṭṭhassa hoặc hư hoại tài sản

Roga-byasanena vā phuṭṭhassa hoặc bệnh tật hành hạ

Sīla-byasanena vā phuṭṭhassa hoặc giới hạnh hư hỏng

diṭṭhi-byasanena vā phuṭṭhassa hoặc tri kiến bị băng hoại

aññataraññatarena byasanena samannāgatassa xảy ra điều suy vong nào đó

aññataraññatarena dukkha-dhammena phuṭṭhassa hay gặp nỗi khổ nào đó

ādevo paridevo có sự khóc than ai (ādevo), khóc than kẻ lể (parideva)

ādevanā paridevanā sự than khóc, sự la khóc

ādevitattaṃ paridevitattaṃ

thái độ khóc than ai (ādevitatta), thái độ khóc than kẻ lể (paridevitatta)

vācā palāpo vipalāpo lālappo

kêu la (vācā), nói nhảm (palāpa), kêu gào cãi vã (vipalāpa), ai oán than vãn (lālappa)

lālappanā lālappitattaṃ sự ai oán than vãn (lālappanā), thái độ ai oán than vãn (lālappitatta).

ayaṃ vuccati paridevo” Đây gọi là bi

Tattha katamaṃ dukkhaṃ Ở đây, khổ là thế nào

Yaṃ kāyikaṃ asātaṃ kāyikaṃ dukkhaṃ

Tức là sự khó chịu trên thân, sự đau đớn thuộc về thân

Kāya-samphassaṃ asātaṃ dukkhaṃ vedayitaṃ

trạng cảm thọ khó chịu đau đớn sanh từ thân xúc

kāya-samphassajā asātā dukkhā vedanā

sự cảm giác khó chịu đau đớn sanh từ thân xúc.

idaṃ vuccati “dukkhaṃ” Đây gọi là khổ

Tattha katamaṃ domanassaṃ Ở đây, ưu là thế nào

Yaṃ cetasikaṃ asātaṃ, cetasikaṃ dukkhaṃ

Tức là sự bất an thuộc về tâm, sự đau đớn thuộc về tâm

Ceto-samphassaṃ asātaṃ dukkhaṃ vedayitaṃ

tình trạng cảm thọ bất an đau đớn sanh từ tâm xúc

ceto-samphassajā asātā dukkhā vedanā sự cảm giác bất an đau đớn sanh từ tâm xúc.

idaṃ vuccati “domanassaṃ” Đây gọi là ưu

Tattha katamo upāyāso Ở đây, ai là thế nào

Ñāti-byasanena vā phuṭṭhassa hoặc thân quyến qua đời

Bhoga-byasanena vā phuṭṭhassa hoặc hư hoại tài sản

Roga-byasanena vā phuṭṭhassa hoặc bệnh tật hành hạ

Sīla-byasanena vā phuṭṭhassa hoặc giới hạnh hư hỏng

diṭṭhi-byasanena vā phuṭṭhassa hoặc tri kiến bị băng hoại

aññataraññatarena byasanena samannāgatassa xảy ra điều suy vong nào đó

aññataraññatarena dukkha-dhammena phuṭṭhassa hay gặp nỗi khổ nào đó

āyāso upāyāso có sự thần thờ mệt mỏi (āyāso), rã rời, kiệt sức, tuyệt vọng (upāyāso)

āyāsittatṭaṃ upāyāsittatṭaṃ

trạng thái thần thờ mệt mỏi (āyāsittatṭa), trạng thái rã rời, kiệt sức, tuyệt vọng (upāyāsittatṭa)

ayaṃ vuccati “upāyāso” Đây gọi là ai

Evam-etassa kevalassa dukkha-k-khandhassa samudayo hotī’ti

như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này

evam-etassa kevalassa dukkha-k-khandhassa saṅgati hoti

như vậy toàn bộ khổ uẩn này là sự hợp nhất

samāgamo hoti là sự tụu trung

samodhānaṃ hoti là sự kết hợp

pātubhāvo hoti là sự hình thành

Tena vuccati “evam-etassa kevalassa dukkha-k-khandhassa samudayo hotī’ti”

Bởi lẽ ấy nên được nói: "như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này

Kinh Tụng Ngày Thứ Sáu

KINH TỤNG
NGÀY THỨ BẢY

Paṭṭhāna

Duyên hệ

Paccayuddeso

Phần Yếu Lực Đầu ĐỀ

Hetu-paccayo , ārammaṇa-paccayo,	Nhân duyên, Cảnh duyên
adhipati-paccayo, anantara-paccayo	Trưởng duyên, Vô gián duyên
samanantara-paccayo, saha-jāta-paccayo	Đẳng vô gián duyên, Câu sanh duyên
Aññamañña-paccayo, nissaya-paccayo	Hỗ tương duyên, Y chỉ duyên
Upanissaya-paccayo, purejāta-paccayo	Cận y duyên, Tiền sanh duyên
pacchājāta-paccayo, āsevana-paccayo	Hậu sanh duyên, Trùng dụng duyên
Kamma-paccayo, vipāka-paccayo	Dị thời nghiệp duyên, Dị thực quả duyên
Āhāra-paccayo, indriya-paccayo	Vật thực duyên, Quyền duyên
Jhāna-paccayo, magga-paccayo	Thiền na duyên, Đò đạo duyên
sampayutta-paccayo, vippayutta-paccayo	Tương ứng duyên, Bất tương ứng duyên
Atthi-paccayo, natthi-paccayo	Hiện hữu duyên, Vô hữu duyên
Vigata-paccayo, avigata-paccayo'ti.	Ly khứ duyên, Bất ly duyên.

Paccayaniddeso

Phần Phân Giải Duyên

1. Hetu-paccayo'ti Nhân duyên như là

Hetū hetu-sampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃ-samuṭṭhānānañca rūpānaṃ 6 nhân hỗ trợ cho Danh pháp tương ứng nhân và các Sắc pháp từ-đó-sanh (từ danh pháp tương ứng)

Hetu-paccayena paccayo bằng nhân duyên.

2. Ārammaṇa-paccayo'ti cảnh duyên là

Rūpā'yatanam cakkhu-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañca dhammānaṃ

Sắc xứ(cảnh sắc) hỗ trợ cho Nhãn thức giới(nhãn thức) cùng các pháp tương ứng

ārammaṇa-paccayena paccayo bằng Cảnh duyên

Saddā'yatanam sota-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ

Thính xú(cảnh tiếng) hỗ trợ cho Nhĩ thức giới(nhĩ thức) cùng các pháp tương ứng

ārammaṇa-paccayena paccayo bằng Cảnh duyên

Gandhā'yatanam ghāna-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ

Hương xú(cảnh khí) hỗ trợ cho Tỷ thức giới(tỷ thức) cùng các pháp tương ứng

ārammaṇa-paccayena paccayo bằng Cảnh duyên

Rasā'yatanam jivhā-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ

Vị xú(cảnh vị) hỗ trợ cho Thiệt thức giới(tỷ thức) cùng các pháp tương ứng

ārammaṇa-paccayena paccayo. bằng Cảnh duyên

Phoṭṭhabbā'yatanam kāya-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ

Xúc xú(cảnh xúc) hỗ trợ cho Thân thức giới(thân thức) cùng các pháp tương ứng

ārammaṇa-paccayena paccayo. bằng Cảnh duyên

Rūpā'yatanam saddā'yatanam gandhā'yatanam rasā'yatanam phoṭṭhabbā'yatanam mano-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ

sắc xú,thính xú ,hương xú,vị xú ,xúc xú hỗ trợ cho Ý thức giới và các pháp đồng sanh

ārammaṇa-paccayena paccayo bằng cảnh duyên

Sabbe dhammā mano-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ

tất cả các pháp(Hữu vi và Vô vi) hỗ trợ cho Ý thức giới và các pháp đồng sanh

ārammaṇa-paccayena paccayo bằng cảnh duyên

Yaṃ yaṃ dhammaṃ ārabha ye ye dhammā uppajanti citta-cetasikā dhammā

Chư pháp mà sanh khởi như chư pháp tâm và sở hữu tâm (tất cả các pháp làm đối tượng cho Danh pháp)

te te dhammā tesam tesam dhammānaṃ ārammaṇa-paccayena paccayo

thì pháp ấy hỗ trợ chư pháp đó (thì luôn hỗ trợ cho Danh pháp) bằng cảnh duyên

3.Adhipatipaccayoti trưởng duyên là

Chandā'dhipati chanda-sampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃ-samuṭṭhānānañ-ca rūpānaṃ

Dục trưởng (chandādhipati) hỗ trợ cho các Danh pháp tương ứng dục (chanda) và các sắc pháp từ-đó-sanh

Adhipati-paccayena paccayo. bằng trưởng duyên.

Vīriyā'dhipati vīriya-sampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃ-samuṭṭhānānañ-ca rūpānaṃ

Cần trưởng hỗ trợ cho các Danh pháp tương ứng cần (viriya) các sắc pháp từ-đó-sanh

Adhipati-paccayena paccayo bằng cách trưởng duyên.

Cittā'dhipati citta-sampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃ-samuṭṭhānānañ-ca rūpānaṃ

Tâm trưởng hỗ trợ cho các Danh pháp tương ứng tâm (citta) và các sắc pháp từ-đó-sanh

Adhipati-paccayena paccayo bằng trưởng duyên.

Vīmaṃsā'dhipati vīmaṃsa-sampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃ-samuṭṭhānānañ-ca rūpānaṃ

Thăm trưởng hỗ trợ cho các Danh pháp tương ứng thăm (vīmaṃsā) và các sắc pháp từ-đó-sanh

Adhipati-paccayena paccayo bằng trưởng duyên.

Yaṃ yaṃ dhammaṃ garuṃ katvā ye ye dhammā uppajjanti citta-cetasikā dhammā

Chư pháp mà sanh khởi như tâm và sở hữu tâm, lấy pháp chi làm trọng điểm (các pháp đóng vai trò quan trọng giúp tâm và tâm sở sanh khởi)

te te dhammā tesam tesam dhammānaṃ adhipati-paccayena paccayo

thì pháp ấy trợ chư pháp đó (luôn hỗ trợ hai danh pháp đó:tâm và tâm sở) bằng cách trưởng duyên.

4.Anantara-paccayo'ti vô gián duyên là

Cakkhu-viññāṇa-dhātu taṃ-sampayuttakā-ca dhammā

Nhãn thức giới và pháp tương ứng

Mano-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ

hỗ trợ cho ý giới và pháp tương ứng

anantara-paccayena paccayo bằng vô gián duyên.

Mano-dhātu taṃ-sampayuttakā-ca dhammā Ý giới và pháp tương ứng

Mano-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ

hỗ trợ cho ý thức giới và pháp tương ứng

anantara-paccayena paccayo bằng vô gián duyên

Sota-viññāṇa-dhātu taṃ-sampayuttakā-ca dhammā

Nhĩ thức giới và pháp tương ứng

Mano-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ

hỗ trợ cho ý giới và pháp tương ứng

anantara-paccayena paccayo bằng vô gián duyên

Mano-dhātu taṃ-sampayuttakā-ca dhammā Ý giới và pháp tương ứng

mano-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ
hỗ trợ cho ý thức giới và pháp tương ứng
anantara-paccayena paccayo bằng vô gián duyên.

Ghāna-viññāṇa-dhātu taṃ-sampayuttakā-ca dhammā

Tỷ thức giới và pháp tương ứng

Mano-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ
hỗ trợ cho ý giới và pháp tương ứng
anantara-paccayena paccayo bằng vô gián duyên.

Mano-dhātu taṃ-sampayuttakā-ca dhammā Ý giới và pháp tương ứng
Mano-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ
hỗ trợ cho ý thức giới và pháp tương ứng
anantara-paccayena paccayo bằng vô gián duyên.

Jivhā-viññāṇa-dhātu taṃ-sampayuttakā-ca dhammā

Thiệt thức giới và pháp tương ứng

Mano-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ
hỗ trợ cho ý giới và pháp tương ứng
anantara-paccayena paccayo bằng vô gián duyên
Mano-dhātu taṃ-sampayuttakā-ca dhammā Ý giới và pháp tương ứng
Mano-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ
hỗ trợ cho ý thức giới và pháp tương ứng
anantara-paccayena paccayo bằng vô gián duyên

Kāya-viññāṇa-dhātu taṃ-sampayuttakā-ca dhammā

Thân thức giới và pháp tương ứng

Mano-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ
Hỗ trợ cho ý giới và pháp tương ứng
Anantara-paccayena paccayo. bằng vô gián duyên.
Mano-dhātu taṃ-sampayuttakā-ca dhammā Ý giới và pháp tương ứng
mano-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ
hỗ trợ cho ý thức giới và pháp tương ứng
anantara-paccayena paccayo bằng vô gián duyên.

Purimā purimā kusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ
kusalānaṃ dhammānaṃ Anantara-paccayena paccayo
Pháp thiện sanh trước hỗ trợ cho pháp thiện sanh sau bằng vô gián duyên.

**Purimā purimā kusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ
abyākatānaṃ dhammānaṃ Anantara-paccayena paccayo**

Pháp thiện sanh trước hỗ trợ cho pháp vô ký, sanh sau bằng vô gián duyên

**Purimā purimā akusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ
akusalānaṃ dhammānaṃ Anantara-paccayena paccayo**

Pháp bất thiện sanh trước hỗ trợ cho pháp vô ký sanh sau bằng vô gián duyên

**Purimā purimā akusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ
abyākatānaṃ dhammānaṃ Anantara-paccayena paccayo**

Pháp bất thiện sanh trước hỗ trợ cho pháp bất thiện sanh sau bằng vô gián duyên.

**Purimā purimā abyākatā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ
abyākatānaṃ dhammānaṃ Anantara-paccayena paccayo**

Pháp vô ký sanh trước hỗ trợ cho pháp vô ký sanh sau bằng vô gián duyên.

**Purimā purimā abyākatā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ
kusalānaṃ dhammānaṃ Anantara-paccayena paccayo**

Pháp vô ký sanh trước hỗ trợ cho pháp thiện sanh sau bằng vô gián duyên.

**Purimā purimā abyākatā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ
akusalānaṃ dhammānaṃ Anantara-paccayena paccayo**

Pháp vô ký sanh trước hỗ trợ cho pháp bất thiện sanh sau bằng vô gián duyên

**Yesaṃ yesaṃ dhammānaṃ anantarā ye ye dhammā uppajjanti citta-
cetasikā dhammā**

Các pháp tâm và sở hữu tâm mà sanh khởi tiếp nối với pháp nào

te te dhammā tesam tesam dhammānaṃ anantara-paccayena paccayo
thì pháp ấy hỗ trợ cho các pháp đó bằng vô gián duyên.

5.Samanantara-paccayo'ti Đẳng vô gián duyên là:

Cakkhu-viññāṇa-dhātu taṃ-sampayuttakā-ca dhammā

Nhãn thức giới và pháp tương ưng

Mano-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ

hỗ trợ cho ý giới và pháp tương ưng

samanantara-paccayena paccayo bằng đẳng vô gián duyên.

Mano-dhātu taṃ-sampayuttakā-ca dhammā

Ý giới và pháp tương ưng

mano-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ

hỗ trợ cho ý thức giới và pháp tương ưng

samanantara-paccayena paccayo bằng đẳng vô gián duyên.

Sota-viññāṇa-dhātu taṃ-sampayuttakā-ca dhammā

Nhĩ thức giới và pháp tương ưng

Mano-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ

hỗ trợ cho ý giới và pháp tương ứng

samanantara-paccayena paccayo. bằng đẳng vô gián duyên.

Mano-dhātu taṃ-sampayuttakā-ca dhammā

Ý giới và pháp tương ứng

mano-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ

hỗ trợ cho ý thức giới và pháp tương ứng

samanantara-paccayena paccayo bằng đẳng vô gián duyên.

Ghāṇa-viññāṇa-dhātu taṃ-sampayuttakā-ca dhammā

Tỷ thức giới và pháp tương ứng

Mano-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ

hỗ trợ cho ý giới và pháp tương ứng

samanantara-paccayena paccayo bằng đẳng vô gián duyên.

Mano-dhātu taṃ-sampayuttakā-ca dhammā Ý giới và pháp tương ứng

mano-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ

hỗ trợ cho ý thức giới và pháp tương ứng

samanantara-paccayena paccayo. bằng đẳng vô gián duyên.

Jivhā-viññāṇa-dhātu taṃ-sampayuttakā-ca dhammā

Thiệt thức giới và pháp tương ứng

Mano-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ

hỗ trợ cho ý giới và pháp tương ứng

samanantara-paccayena paccayo bằng đẳng vô gián duyên.

Mano-dhātu taṃ-sampayuttakā-ca dhammā Ý giới và pháp tương ứng

mano-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ

hỗ trợ cho ý thức giới và pháp tương ứng

samanantara-paccayena paccayo bằng đẳng vô gián duyên.

Kāya-viññāṇa-dhātu taṃ-sampayuttakā-ca dhammā

Thân thức giới và pháp tương ứng

Mano-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ

hỗ trợ cho ý thức giới và pháp tương ứng

samanantara-paccayena paccayo bằng đẳng vô gián duyên.

Mano-dhātu taṃ-sampayuttakā-ca dhammā Ý giới và pháp tương ứng

mano-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ

hỗ trợ cho ý thức giới và pháp tương ưng

samanantara-paccayena paccayo. bằng đẳng vô gián duyên.

Purimā purimā kusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ kusalānaṃ dhammānaṃ Samanantara-paccayena paccayo

Pháp thiện sanh trước hỗ trợ cho pháp thiện sanh sau bằng đẳng vô gián duyên.

Purimā purimā kusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ abyākatānaṃ dhammānaṃ Samanantara-paccayena paccayo

Pháp thiện sanh trước hỗ trợ cho pháp vô ký sanh sau bằng đẳng vô gián duyên.

Purimā purimā akusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ akusalānaṃ dhammānaṃ samanantara-paccayena paccayo

Pháp bất thiện sanh trước hỗ trợ cho pháp bất thiện sanh sau bằng đẳng vô gián duyên.

Purimā purimā akusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ abyākatānaṃ dhammānaṃ Samanantara-paccayena paccayo

Pháp bất thiện sanh trước hỗ trợ cho pháp vô ký sanh sau bằng đẳng vô gián duyên

Purimā purimā abyākatā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ abyākatānaṃ dhammānaṃ Samanantara-paccayena paccayo

Pháp vô ký sanh trước hỗ trợ cho pháp vô ký sanh sau bằng đẳng vô gián duyên

Purimā purimā abyākatā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ kusalānaṃ dhammānaṃ Samanantara-paccayena paccayo

Pháp vô ký sanh trước hỗ trợ cho pháp thiện sanh sau bằng đẳng vô gián duyên

Purimā purimā abyākatā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ akusalānaṃ dhammānaṃ Samanantara-paccayena paccayo

Pháp vô ký sanh trước hỗ trợ cho pháp bất thiện sanh sau bằng đẳng vô gián duyên

Yesaṃ yesaṃ dhammānaṃ samanantarā ye ye dhammā uppajjanti citta-cetasikā dhammā

Các pháp tâm và sở hữu tâm mà sanh khởi tiếp nối với pháp nào

te te dhammā tesāṃ tesāṃ dhammānaṃ samanantara-paccayena paccayo

thì pháp ấy hỗ trợ cho các pháp đó bằng đẳng vô gián duyên

6.Saha-jāta-paccayo'ti Câu sanh(cùng sanh) duyên là:

Cattāro khandhā arūpino aññamaññaṃ Saha-jāta-paccayena paccayo

Bốn pháp phi sắc hỗ trợ lẫn nhau bằng câu sanh duyên

Cattāro mahā-bhūtā aññamaññaṃ Saha-jāta-paccayena paccayo

Bốn đại hiện hỗ trợ lẫn nhau bằng câu sanh duyên.

Okkanti-k-khaṇe nāma-rūpaṃ aññamaññaṃ Saha-jāta-paccayena paccayo

Trong lúc tục sinh, danh và sắc hỗ trợ lẫn nhau bằng câu sanh duyên.

Citta-cetasikā dhammā citta-samuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ Saha-jāta-paccayena paccayo

Các pháp tâm và sở hữu tâm hỗ trợ cho các sắc tâm sanh bằng câu sanh duyên.

Mahā-bhūtā upādāya-rūpānaṃ Saha-jāta-paccayena paccayo

Sắc đại hiển hỗ trợ cho sắc y sinh bằng câu sanh duyên.

Rūpino dhammā arūpīnaṃ dhammānaṃ kiñci kāle saha-jāta-paccayena paccayo

Các pháp sắc đôi khi cũng hỗ trợ cho các pháp phi sắc bằng câu sanh duyên;

kiñci kāle na saha-jāta-paccayena paccayo

đôi khi cũng không hỗ trợ bằng câu sanh duyên

7. Aññamañña-paccayo'ti Hỗ tương duyên là:

Cattāro khandhā arūpino aññamañña-paccayena paccayo

Bốn pháp phi sắc hỗ trợ lẫn nhau bằng câu hỗ tương duyên

Cattāro mahā-bhūtā aññamañña-paccayena paccayo

Bốn đại hiển hỗ trợ lẫn nhau bằng hỗ tương duyên

Okkanti-k-khaṇe nāma-rūpaṃ aññamañña-paccayena paccayo

Trong lúc tục sinh, Danh và sắc hỗ trợ lẫn nhau bằng hỗ tương duyên.

8. Nissaya-paccayo'ti Y chỉ duyên như là:

Cattāro khandhā arūpino aññamaññaṃ nissaya-paccayena paccayo

Bốn pháp phi sắc hỗ trợ lẫn nhau bằng y chỉ duyên

Cattāro mahābhūtā aññamaññaṃ nissaya-paccayena paccayo

Bốn đại hiển hỗ trợ lẫn nhau bằng y chỉ duyên

Okkanti-k-khaṇe nāma-rūpaṃ aññamaññaṃ nissaya-paccayena paccayo

Trong lúc tục sinh, Danh và sắc hỗ trợ lẫn nhau bằng y chỉ duyên

Citta-cetasikā dhammā citta-samuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ nissaya-paccayena paccayo

Các pháp tâm và sở hữu tâm hỗ trợ cho các sắc tâm sanh bằng y chỉ duyên

Mahā-bhūtā upādāya-rūpānaṃ nissaya-paccayena paccayo

Sắc đại hiển, hỗ trợ cho sắc y sinh bằng y chỉ duyên

Cakkhā'yatanaṃ cakkhu-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ

Nhãn xứ hỗ trợ nhãn thức giới và pháp tương ưng

Nissaya-paccayena paccayo bằng y chỉ duyên

Sotā'yatanam sota-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ

Nhĩ xứ hỗ trợ nhĩ thức giới và pháp tương ưng

Nissaya-paccayena paccayo bằng y chỉ duyên.

Ghānā'yatanam ghāna-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ

Tỷ xứ hỗ trợ tỷ thức giới và pháp tương ưng

Nissaya-paccayena paccayo bằng y chỉ duyên

Jivhā'yatanam jivhā-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ

Thiệt xứ hỗ trợ thiệt thức giới và pháp tương ưng

Nissaya-paccayena paccayo bằng y chỉ duyên

Kāyā'yatanam kāya-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ

Thân xứ hỗ trợ thân thức giới và pháp tương ưng

Nissaya-paccayena paccayo bằng y chỉ duyên

Yaṃ rūpaṃ nissāya mano-dhātu ca mano-viññāṇa-dhātu ca vattanti

Ý giới và ý thức giới diễn tiến nương sắc nào

taṃ rūpaṃ mano-dhātuyā ca mano-viññāṇa-dhātuyā-ca taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ

thì sắc ấy hỗ trợ cho ý giới và ý thức giới cùng pháp tương ưng

nissaya-paccayena paccayo bằng y chỉ duyên.

9.Upanissaya-paccayo'ti Cận y duyên là:

Purimā purimā kusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ kusalānaṃ dhammānaṃ Upanissaya-paccayena paccayo

Pháp thiện sanh trước hỗ trợ cho pháp thiện sanh sau bằng cận y duyên.

Purimā purimā kusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ akusalānaṃ dhammānaṃ kesañci upanissaya-paccayena paccayo

Pháp thiện sanh trước hỗ trợ cho pháp bất thiện sanh sau. Đôi khi bằng cận y duyên.

Purimā purimā kusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ abyākatānaṃ dhammānaṃ Upanissaya-paccayena paccayo

Pháp thiện sanh trước hỗ trợ cho pháp vô ký sanh sau saubằng cận y duyên

Purimā purimā akusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ akusalānaṃ dhammānaṃ Upanissaya-paccayena paccayo

Pháp bất thiện sanh trước hỗ trợ cho pháp bất thiện sanh sau bằng cận y duyên

Purimā purimā akusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ kusalānaṃ dhammānaṃ kesañci upanissaya-paccayena paccayo

Pháp bất thiện sanh trước hỗ trợ cho pháp thiện sanh sau Đôi khi bằng cận y duyên

Purimā purimā akusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ abyākatānaṃ dhammānaṃ upanissaya-paccayena paccayo

Pháp bất thiện sanh trước hỗ trợ cho pháp vô ký sanh sau bằng cận y duyên

Purimā purimā abyākatā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ abyākatānaṃ dhammānaṃ Upanissaya-paccayena paccayo

Pháp vô ký sanh trước hỗ trợ cho pháp vô ký sanh sau bằng cận y duyên

Purimā purimā abyākatā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ kusalānaṃ dhammānaṃ Upanissaya-paccayena paccayo

Pháp vô ký sanh trước hỗ trợ cho pháp thiện sanh sau bằng cận y duyên

Purimā purimā abyākatā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ akusalānaṃ dhammānaṃ Upanissaya-paccayena paccayo

Pháp vô ký sanh trước hỗ trợ cho pháp bất thiện sanh sau bằng cận y duyên

Utu-bhojanam’pi upanissaya-paccayena paccayo

Môi trường - vật thực cũng hỗ trợ được bằng cận y duyên

Puggalo’pi upanissaya-paccayena paccayo Người cũng hỗ trợ được bằng cận y duyên.

Senāsanam’pi upanissaya-paccayena paccayo Trú xứ cũng hỗ trợ được bằng cận y duyên. (Môi trường-vật thực ,con người, trú xứ cũng có thể xem là một thứ Cận Y Duyên)

10.Pure-jāta-paccayo’ti -Tiền sanh duyên là:

Cakkhā’yatanam cakkhu-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ

Nhãn xứ sanh trước hỗ trợ nhãn thức giới và pháp tương ưng

Pure-jāta-paccayena paccayo bằng tiền sanh duyên

Sotā’yatanam sota-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ

Nhĩ xứ sanh trước hỗ trợ nhĩ thức giới và pháp tương ưng

Pure-jāta-paccayena paccayo bằng tiền sanh duyên

Ghānā’yatanam ghāna-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ

Tỷ xứ sanh trước hỗ trợ tỷ thức giới và pháp tương ưng

Pure-jāta-paccayena paccayo bằng tiền sanh duyên.

Jivhā'yatanam jivhā-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ

Thiệt xứ sanh trước hỗ trợ thiệt thức giới và pháp tương ứng

Pure-jāta-paccayena paccayo bằng tiền sanh duyên

Kāyā'yatanam kāya-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ

Thân xứ sanh trước hỗ trợ thân thức giới và pháp tương ứng

Pure-jāta-paccayena paccayo bằng tiền sanh duyên.

Rūpā'yatanam cakkhu-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ

Sắc xứ sanh trước hỗ trợ nhãn thức giới và pháp tương ứng

Pure-jāta-paccayena paccayo bằng tiền sanh duyên.

Saddā'yatanam sota-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ

Thinh xứ sanh trước hỗ trợ nhĩ thức giới và pháp tương ứng

Pure-jāta-paccayena paccayo bằng tiền sanh duyên.

Gandhā'yatanam ghāna-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ

Khí xứ sanh trước hỗ trợ tỷ thức giới và pháp tương ứng

Pure-jāta-paccayena paccayo bằng tiền sanh duyên.

Rasā'yatanam jivhā-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ

Vị xứ sanh trước hỗ trợ thiệt thức giới và pháp tương ứng

Pure-jāta-paccayena paccayo bằng tiền sanh duyên.

Phoṭṭhabbā'yatanam kāya-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ

Xúc xứ sanh trước hỗ trợ thân thức giới và pháp tương ứng

Pure-jāta-paccayena paccayo bằng tiền sanh duyên.

Rūpā'yatanam saddā'yatanam gandhā'yatanam rasā'yatanam phoṭṭhabbā'yatanam mano-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ

Sắc xứ, thính xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ sanh trước hỗ trợ cho ý giới và pháp tương ứng.

Pure-jāta-paccayena paccayo Bằng tiền sanh duyên

Yaṃ rūpaṃ nissāya mano-dhātu ca mano-viññāṇa-dhātu ca vattanti

Sắc nào nương ý giới và ý thức giới đặng hiện hành

taṃ rūpaṃ mano-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ

thì sắc ấy sanh trước hỗ trợ cho ý giới và pháp tương ứng

pure-jāta-paccayena paccayo bằng tiền sanh duyên

Mano-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ

ý thức giới hỗ trợ cho và pháp tương ứng

kiñci kāle pure-jāta-paccayena paccayo

có khi bằng tiền sanh duyên

kiñci kāle na purejātapaccayena paccayo

cũng có khi không đặng làm Tiền sanh duyên

11.Pacchā-jāta-paccayoti -Hậu sanh duyên là:

Pacchā-jātā citta-cetasikā dhammā pure-jātassa imassa kāyassa

pacchājāta-paccayena paccayo

Các pháp tâm và sở hữu tâm sanh sau hỗ trợ cho thân này sanh trước bằng hậu sanh duyên

12.Āsevana-paccayo'ti Trùng dụng(lặp đi lặp lại) duyên là:

Purimā purimā kusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ

kusalānaṃ dhammānaṃ Āsevana-paccayena paccayo

Pháp thiện sanh trước hỗ trợ cho các pháp thiện sanh sau bằng trùng dụng duyên

Purimā purimā akusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ

akusalānaṃ dhammānaṃ Āsevana-paccayena paccayo

Pháp bất thiện sanh trước hỗ trợ pháp bất thiện sanh sau bằng trùng dụng duyên

Purimā purimā kiriyā'byākatā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ

kiriyā'byākatānaṃ dhammānaṃ Āsevana-paccayena paccayo

Pháp vô ký sanh trước hỗ trợ cho pháp vô ký sanh sau bằng trùng dụng duyên.

13.Kamma-paccayo'ti Nghiệp duyên là:

Kusalā'kusalaṃ kammaṃ vipākānaṃ khandhānaṃ kaṭattā ca

rūpānaṃ kamma-paccayena paccayo

Nghiệp thiện và bất thiện hỗ trợ các uẩn (là) quả và sắc nghiệp tái tục (kaṭattārūpa)

bằng nghiệp duyên

Cetanā sampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃ-samuṭṭhānānañ-ca

rūpānaṃ

Tâm sở Tư (Cetanā) hỗ trợ các pháp tương ứng và sắc tâm sanh

kamma-paccayena paccayo

bằng nghiệp duyên

14. Vipāka-paccayo'ti -Dị thực quả duyên là:

Vipākā cattāro khandhā arūpino aññamaññaṃ vipāka-paccayena paccayo

Bốn uẩn phi sắc (là) quả hỗ trợ lẫn nhau bằng dị thực quả duyên.

15. Āhāra-paccayo'ti Vật thực duyên là:

Kabalīkāro āhāro imassa kāyassa āhāra-paccayena paccayo

Đoàn thực (Kabalīkāro āhāro) hỗ trợ cho thân này bằng vật thực duyên.

Arūpino āhārā sampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃ-samuṭṭhānānañ-ca rūpānaṃ

Các thực phi sắc(danh vật thực) hỗ trợ cho các pháp tương ứng và sắc (do) tâm sanh

āhāra-paccayena paccayo

bằng vật thực duyên (Danh vật thực: xúc thực, tư niệm thực, thức thực)

16. Indriya-paccayo'ti Quyền duyên là:

Cakkhu'ndriyaṃ cakkhu-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ

Nhãn quyền hỗ trợ cho nhãn thức giới và pháp tương ứng

Indriya-paccayena paccayo bằng quyền (cách cai quản) duyên

Sot'indriyaṃ sota-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ

Nhĩ quyền hỗ trợ cho nhĩ thức giới và pháp tương ứng đó.

Indriya-paccayena paccayo bằng quyền (cách cai quản) duyên

Ghān'indriyaṃ ghāna-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ

Tỷ quyền hỗ trợ cho tỷ thức giới và pháp tương ứng đó

Indriya-paccayena paccayo bằng quyền (cách cai quản) duyên

Jivh'indriyaṃ jivhā-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ

Thiệt quyền hỗ trợ cho thiệt thức giới và pháp tương ứng

Indriya-paccayena paccayo bằng quyền (cách cai quản) duyên

Kāy'indriyaṃ kāya-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ

Thân quyền hỗ trợ cho thân thức giới và pháp tương ứng

Indriya-paccayena paccayo bằng quyền (cách cai quản) duyên

Rūpa-jīvit'indriyaṃ kaṭattā-rūpānaṃ indriya-paccayena paccayo

Sắc quyền hỗ trợ cho sắc tục sinh bằng quyền (cách cai quản) duyên

Arūpino indriyā sampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃ samuṭṭhānānañca rūpānaṃ

Phi sắc quyền hỗ trợ cho pháp tương ứng và sắc đồng cơ sở

Indriya-paccayena paccayo bằng quyền (cách cai quản) duyên

17.Jhāna-paccayo'ti Thiền duyên là:

Jhānaṅgāni jhāna-sampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃ-samuṭṭhānānañca rūpānaṃ

Chi thiền hỗ trợ cho pháp tương ứng thiền và các sắc pháp đồng cơ sở ấy

Jhāna-paccayena paccayo bằng cách Thiền duyên

18.Magga-paccayo'ti Đạo duyên là:

Maggaṅgāni magga-sampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃ samuṭṭhānānañca rūpānaṃ

Đạo hỗ trợ cho pháp tương ứng đạo và các sắc pháp đồng cơ sở ấy

Magga-paccayena paccayo bằng Đạo duyên

19.Sampayutta-paccayo'ti Tương ứng duyên là :

Cattāro khandhā arūpino aññamaññaṃ sampayutta-paccayena paccayo

Bốn uẩn phi sắc hỗ trợ nhau bằng cách Tương ứng duyên

20.Viprayutta-paccayo'ti Bất tương ứng duyên là:

Rūpino dhammā arūpīnaṃ dhammānaṃ viprayutta-paccayena paccayo

Sắc pháp hỗ trợ pháp phi sắc bằng Bất tương ứng (không hòa trộn) duyên

Arūpino dhammā rūpīnaṃ dhammānaṃ viprayutta-paccayena paccayo

Pháp phi sắc hỗ trợ cho sắc pháp bằng Bất tương ứng(không hòa trộn) duyên

21.Atthi-paccayo'ti Hiện hữu duyên là:

Cattāro khandhā arūpino aññamaññaṃ atthi-paccayena paccayo

Bốn uẩn phi sắc hỗ trợ lẫn nhau bằng hiện hữu duyên

Cattāro mahā-bhūtā aññamaññaṃ atthi-paccayena paccayo

Bốn đại hiện hỗ trợ lẫn nhau bằng hiện hữu duyên

Okkanti-k-khaṇe nāma-rūpaṃ aññamaññaṃ atthi-paccayena paccayo

Trong sát-na tục sinh, danh và sắc hỗ trợ lẫn nhau bằng hiện hữu duyên

Citta-cetasikā dhammā citta-samuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ

atthi-paccayena paccayo

Các pháp tâm và sở hữu tâm hỗ trợ các sắc tâm sanh bằng hiện hữu duyên

Mahā-bhūtā upādāya-rūpānaṃ atthi-paccayena paccayo

Sắc đại hiện hỗ trợ sắc y sinh bằng hiện hữu duyên

**Cakkhā'yatanaṃ cakkhu-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca
dhammānaṃ**

Nhãn xứ hỗ trợ nhãn thức giới và pháp tương ưng

Atthi-paccayena paccayo

bằng hiện hữu duyên

Sotā'yatanaṃ sota-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca

dhammānaṃ

Nhĩ xứ hỗ trợ nhĩ thức giới và pháp tương ưng

Atthi-paccayena paccayo

bằng hiện hữu duyên

Ghānā'yatanaṃ ghāna-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca

dhammānaṃ

Tỷ xứ hỗ trợ tỷ thức giới và pháp tương ưng

Atthi-paccayena paccayo

bằng hiện hữu duyên

Jivhā'yatanaṃ jivhā-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca

dhammānaṃ

Thiệt xứ hỗ trợ thiệt thức giới và pháp tương ưng

Atthi-paccayena paccayo

bằng hiện hữu duyên

Kāyā'yatanaṃ kāya-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca

dhammānaṃ

Thân xứ trợ thân thức giới và pháp tương ưng

Atthi-paccayena paccayo

bằng cách hiện hữu duyên

**Rūpā'yatanaṃ cakkhu-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca
dhammānaṃ**

Sắc xứ hỗ trợ nhãn thức giới và pháp tương ưng

Atthi-paccayena paccayo

bằng cách hiện hữu duyên

Saddā'yatanam sota-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ

Thinh xử hỗ trợ nhĩ thức giới và pháp tương ứng

Atthi-paccayena paccayo

bằng hiện hữu duyên

Gandhā'yatanam ghāna-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ

Khí xử hỗ trợ tỷ thức giới và pháp tương ứng

Atthi-paccayena paccayo

bằng hiện hữu duyên

Rasā'yatanam jivhā-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ

Vị xử hỗ trợ thiệt thức giới và pháp tương ứng

Atthi-paccayena paccayo

bằng hiện hữu duyên

Phoṭṭhabbā'yatanam kāya-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ

Xúc xử hỗ trợ thân thức giới và pháp tương ứng

Atthi-paccayena paccayo

bằng hiện hữu duyên

Rūpā'yatanam saddā'yatanam gandhā'yatanam rasā'yatanam phoṭṭhabbā'yatanam mano-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ

Sắc xử, thinh xử, khí xử, vị xử, xúc xử hỗ trợ cho ý thức giới và pháp tương ứng ấy

Atthi-paccayena paccayo

bằng hiện hữu duyên

Yaṃ rūpaṃ nissāya mano-dhātu ca mano-viññāṇa-dhātu ca vattanti

Sắc nào nương đỡ ý giới và ý thức giới đặng hiện hành

taṃ rūpaṃ mano-dhātuyā ca mano-viññāṇa-dhātuyā ca taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ

thì sắc ấy hỗ trợ cho ý giới, ý thức giới và pháp tương ứng

atthi-paccayena paccayo

bằng hiện hữu duyên

22.Natthi-paccayo'ti Vô hữu duyên là:

Samanantara-niruddhā citta-cetasikā dhammā paṭuppannānaṃ citta-cetasikānaṃ dhammānaṃ Natthi-paccayena paccayo

Pháp tâm và sở hữu tâm vừa mới diệt hỗ trợ cho pháp tâm và sở hữu tâm tiếp tục sanh bằng vô hữu (vắng mặt) duyên

23. Vigata-paccayo'ti Ly khứ duyên là:

Samanantara-vigatā citta-cetasikā dhammā paṭuppannānaṃ citta-cetasikānaṃ dhammānaṃ Vigata-paccayena paccayo

Pháp tâm và sở hữu tâm vừa mới diệt hỗ trợ cho pháp tâm và sở hữu tâm tiếp tục sanh bằng ly khứ (lìa mất) duyên

24. Avigata-paccayo'ti Bất ly duyên là:

Cattāro khandhā arūpino aññamaññaṃ avigata-paccayena paccayo

Bốn uẩn phi sắc hỗ trợ nhau bằng Bất ly (chẳng lìa nhau) duyên

Cattāro mahā-bhūtā aññamaññaṃ avigata-paccayena paccayo

Bốn đại hiện hỗ trợ nhau bằng Bất ly (chẳng lìa nhau) duyên

Okkanti-k-khaṇe nāma-rūpaṃ aññamaññaṃ avigata-paccayena paccayo

Vào sát na tục sinh, danh và sắc hỗ trợ lẫn nhau bằng bất ly (chẳng lìa nhau) duyên

Citta-cetasikā dhammā citta-samuṭṭhānaṃ rūpānaṃ avigata-paccayena paccayo

Các pháp tâm và sở hữu tâm hỗ trợ các sắc do tâm sanh bằng bất ly duyên. Bất ly (chẳng lìa nhau) duyên

Mahā-bhūtā upādāya-rūpānaṃ avigata-paccayena paccayo

Sắc đại hiện hỗ trợ sắc y sinh bằng cách chẳng lìa nhau. Bất ly (chẳng lìa nhau) duyên

Cakkhā'yatanaṃ cakkhu-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ

Nhãn xứ hỗ trợ nhãn thức giới và pháp tương ưng

Avigata-paccayena paccayo

bằng Bất ly (chẳng lìa nhau) duyên

Sotā'yatanaṃ sota-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ

Nhĩ xứ hỗ trợ nhĩ thức giới và pháp tương ưng

Avigata-paccayena paccayo

bằng Bất ly (chẳng lìa nhau) duyên

**Ghānā'yatanam ghāna-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca
dhammānaṃ**

Tỷ xứ hỗ trợ tỷ thức giới và pháp tương ứng

Avigata-paccayena paccayo

bằng Bất ly (chẳng lìa nhau) duyên

**Jivhā'yatanam jivhā-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca
dhammānaṃ**

Thiệt xứ hỗ trợ thiệt thức giới và pháp tương ứng

Avigata-paccayena paccayo

bằng Bất ly (chẳng lìa nhau)duyên

**Kāyā'yatanam kāya-viññāṇadhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca
dhammānaṃ**

Thân xứ hỗ trợ thân thức giới và pháp tương ứng

Avigata-paccayena paccayo

bằng Bất ly (chẳng lìa nhau) duyên

**Rūpā'yatanam cakkhu-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca
dhammānaṃ**

Sắc xứ hỗ trợ nhãn thức giới và pháp tương ứng

Avigata-paccayena paccayo

bằng Bất ly (chẳng lìa nhau) duyên

**Saddā'yatanam sota-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca
dhammānaṃ**

Thính xứ hỗ trợ nhĩ thức giới và pháp tương ứng

Avigata-paccayena paccayo

bằng Bất ly (chẳng lìa nhau) duyên

**Gandhā'yatanam ghāna-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca
dhammānaṃ**

Khí xứ hỗ trợ tỷ thức giới và pháp tương ứng

Avigata-paccayena paccayo

bằng Bất ly (chẳng lìa nhau) duyên

**Rasā'yatanam jivhā-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca
dhammānaṃ**

Vị xứ hỗ trợ thiệt thức giới và pháp tương ứng

Avigata-paccayena paccayo

bằng Bất ly (chẳng lìa nhau) duyên

**Phoṭṭhabbā'yatanam kāya-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca
dhammānaṃ**

Xúc xú hỗ trợ thân thức giới và pháp tương ưng

Avigata-paccayena paccayo

bằng Bất ly (chẳng lìa nhau)duyên

**Rūpā'yatanam saddā'yatanam gandhā'yatanam rasā'yatanam
phoṭṭhabbā'yatanam mano-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca
dhammānam**

Sắc xú, thính xú, khí xú, vị xú, xúc xú hỗ trợ ý giới và pháp tương ưng

Avigata-paccayena paccayo

bằng Bất ly (chẳng lìa nhau) duyên

Yaṃ rūpaṃ nissāya mano-dhātu ca mano-viññāṇa-dhātu ca vattanti

Ý giới và ý thức giới diễn tiến nhờ nương vào sắc nào

**taṃ rūpaṃ mano-dhātuyā ca mano-viññāṇa-dhātuyā ca taṃ-
sampayuttakānañ-ca dhammānam**

thì sắc ấy hỗ trợ ý giới và ý thức giới cùng các pháp tương ưng

avigata-paccayena paccayo

bằng Bất ly (chẳng lìa nhau) duyên

Paccaya-niddeso Niṭṭhito.

Dứt Phần Phân Giải Duyên.

KINH TỤNG
NGÀY THỨ TÁM

Bojjhaṅga Suttā

NHỮNG BÀI KINH GIÁC CHI

Paṭhamagilānasuttam- Kinh Bệnh thứ nhất

Ekam samayaṃ bhagavā rāja-gahe viharati veḷu-vane kalandaka-nivāpe

Một thời Thế Tôn trú ở Vương Xá (*Rājagaha*), rừng Trúc Lâm (*Veḷuvana*), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc

Tena kho pana samayena āyasmā mahā-kassapo pippali-guhāyaṃ

viharati Lúc bấy giờ, Tôn giả *Mahā Kassapa* trú ở hang *Pippali*

ābādhiko dukkhito bālha-gilāno bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh

Atha kho bhagavā sāyanhasamayaṃ paṭisallānā vuṭṭhito

Rời Thế Tôn, vào buổi chiều, từ Thiền tịnh đứng dậy

Yenā'yasmā mahākassapo tenupasaṅkami đi đến Tôn giả *Mahā Kassapa*

upasaṅkamtivā paññatte āsane nisīdi sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn

Nisajja kho bhagavā āyasmantaṃ mahā-kassapaṃ eta-d-avoca

Ngồi xuống, Thế Tôn nói với Tôn giả *Mahā Kassapa*

“Kacci te, kassapa, khamanīyaṃ kacci yāpanīyaṃ

Này *Kassapa*, Ông có kham nhẫn được chăng? Ông có chịu đựng được chăng

Kacci dukkhā vedanā paṭikkamanti, no abhikkamanti

Có phải khổ thọ giảm thiểu, không có tăng trưởng

paṭikkamosānaṃ paññāyati, no abhikkamo”ti

Có phải có triệu chứng giảm thiểu, không có tăng trưởng

“Na me, bhante, khamanīyaṃ, na yāpanīyaṃ

Bạch Thế Tôn, con không thể kham nhẫn, con không thể chịu đựng

Bālha me dukkhā vedanā abhikkamanti, no paṭikkamanti

Khổ thọ kịch liệt tăng trưởng nơi con, không có giảm thiểu

abhikkamosānaṃ paññāyati, no paṭikkamo”ti

Có triệu chứng tăng trưởng, không có giảm thiểu.

“Satt’ime, kassapa, bojjhaṅgā Này *Kassapa*, bảy giác chi này

mayā samma-dakkhātā bhāvitā bahulīkatā

do Ta khéo thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn

abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattanti

đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn

Katame satta Thế nào là bảy

Sati-sambojjhaṅgo kho, kassapa Niệm -giác chi, này *Kassapa*

mayā samma-dakkhāto bhāvito bahulīkato

do Ta khéo thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn

abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Dhamma-vicaya-sambojjhaṅgo kho, kassapa Trạch pháp -giác chi, này *Kassapa*

mayā samma-dakkhāto bhāvito bahulīkato

do Ta khéo thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn

abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Vīriya-sambojjhaṅgo kho, kassapa Tinh tấn- giác chi, này *Kassapa*

mayā samma-dakkhāto bhāvito bahulīkato

do Ta khéo thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn

abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati

đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Pīti-sambojjhaṅgo kho, kassapa Hỷ -giác chi, này *Kassapa*

Mayā samma-dakkhāto bhāvito bahulīkato

do Ta khéo thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn

abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Passaddhi-sambojjhaṅgo kho, kassapa Khinh an -giác chi, này *Kassapa*

mayā samma-dakkhāto bhāvito bahulīkato

do Ta khéo thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn

abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati

đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Samādhi-sambojjhaṅgo kho kassapa Định- giác chi, này *Kassapa*

mayā samma-dakkhāto bhāvito bahulīkato

do Ta khéo thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn

abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati

đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Upekkhā-sambojjhaṅgo kho, kassapa Xả -giác chi, này *Kassapa*

mayā samma-dakkhāto bhāvito bahulīkato

do Ta khéo thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn

abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Ime kho, kassapa, satta bojjhaṅgā Bảy giác chi này, này *Kassapa*

mayā samma-dakkhātā bhāvitā bahulīkatā

do Ta khéo thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn

abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattanti”ti

đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn

“Taggha, bhagavā, bojjhaṅgā; taggha, sugata, bojjhaṅgā”ti

Thật vậy, bạch Thế Tôn, chúng là giác chi. Thật vậy, bạch Thiện Thệ, chúng là giác chi

Idam-avoca bhagavā Thế Tôn thuyết như vậy

Attamano āyasmā mahā-kassapo bhagavato bhāsitaṃ abhinandi

Tôn giả *Mahā Kassapa* hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy

Vuṭṭhahi cā’yasmā mahā-kassapo tamhā ābādha

Và Tôn giả *Mahā Kassapa* được thoát khỏi bệnh ấy

Tathā-pahīno cā’yasmato mahā-kassapassa so ābādho ahoṣī’ti

Bệnh ấy của Tôn giả *Mahā Kassapa* được đoạn tận như vậy

Dutiyagilānasuttaṃ- Kinh Bệnh thứ hai

Ekam samayaṃ bhagavā rāja-gahe viharati veḷu-vane kalandaka-nivāpe

Một thời Thế Tôn trú ở Vương Xá (*Rājagaha*), rừng Trúc Lâm (*Veḷuvana*), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc

Tena kho pana samayena āyasmā mahā-moggallāno gijjha-kūṭe pabbate viharati

Lúc bấy giờ, Tôn giả *Mahā Moggallana* trú ở Đỉnh-núi chim Kên Kên

ābādhiko dukkhito bāḷha-gilāno bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh

Atha kho bhagavā sāyanhasamayaṃ paṭisallānā vuṭṭhito

Rồi Thế Tôn, vào buổi chiều, từ Thiền tịnh đứng dậy,

Yenā’yasmā mahā-moggallāno tenupasaṅkami đi đến Tôn giả *Mahā Moggallana*

upasaṅkamitvā paññatte āsane nisīdi sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn

Nisajja kho bhagavā āyasmantaṃ mahā-moggallānaṃ eta-d-avoca

Ngồi xuống, Thế Tôn nói với Tôn giả *Mahā Moggallana*

“Kacci te, moggallāna, khamanīyaṃ kacci yāpanīyaṃ

Này *Moggallāna*, Ông có kham nhẫn được chăng? Ông có chịu đựng được chăng

Kacci dukkhā vedanā paṭikkamanti, no abhikkamanti

Có phải khổ thọ giảm thiểu, không có tăng trưởng

paṭikkamosānaṃ paññāyati, no abhikkamo”ti

Có phải có triệu chứng giảm thiểu, không có tăng trưởng?

“Na me, bhante, khamanīyaṃ, na yāpanīyaṃ

Bạch Thế Tôn, con không thể kham nhẫn, con không thể chịu đựng

Bāḷhā me dukkhā vedanā abhikkamanti, no paṭikkamanti

Khổ thọ kịch liệt tăng trưởng nơi con, không có giảm thiểu

abhikkamosānaṃ paññāyati, no paṭikkamo”ti

Có triệu chứng tăng trưởng, không có giảm thiểu

“Satt’ime, moggallāna, bojjhaṅgā Này *Moggallāna*, bảy giác chi này

mayā samma-dakkhātā bhāvitā bahulīkatā

do Ta khéo thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn

abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattanti

đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Katame satta Thế nào là bảy?

Sati-sambojjaṅgo kho, moggallāna Niệm- giác chi, này *Moggallāna*

mayā samma-dakkhāto bhāvito bahulīkato

do Ta khéo thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn

abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati

đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn

Dhamma-vicaya-sambojjaṅgo kho, moggallāna

Trạch -pháp giác chi, này *Moggallāna*

mayā samma- dakkhāto bhāvito bahulīkato

do Ta khéo thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn

abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati

đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn

Vīriya-sambojjaṅgo kho, moggallāna Tinh tấn- giác chi, này *Moggallāna*

mayā samma-dakkhāto bhāvito bahulīkato

do Ta khéo thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn

abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati

đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Pīti-sambojjhaṅgo kho, moggallāna Hỷ- giác chi, này *Moggallāna*
mayā samma-dakkhāto bhāvito bahulīkato
do Ta khéo thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn
abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati
đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn

Passaddhi-sambojjhaṅgo kho, moggallāna
Khinh an -giác chi, này *Moggallāna*
mayā samma-dakkhāto bhāvito bahulīkato
do Ta khéo thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn
abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati
đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn

Samādhi-sambojjhaṅgo kho, moggallāna Định- giác chi, này *Moggallāna*
mayā samma-dakkhāto bhāvito bahulīkato
do Ta khéo thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn
abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati
đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Upekkhā-sambojjhaṅgo kho, moggallāna Xả -giác chi, này *Moggallāna*
mayā samma-dakkhāto bhāvito bahulīkato
do Ta khéo thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn,
abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati
đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Ime kho, moggallāna, satta bojjhaṅgā Bảy giác chi này, này *Moggallāna*,
mayā samma-dakkhātā bhāvitā bahulīkatā
do Ta khéo thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn
abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattanti”ti
đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

“Taggha, bhagavā, bojjhaṅgā; taggha, sugata, bojjhaṅgā”ti.
Thật vậy, bạch Thế Tôn, chúng là giác chi. Thật vậy, bạch Thiện Thệ, chúng là giác chi.

Idam-avoca bhagavā Thế Tôn thuyết như vậy
Attamano āyasmā mahā-moggallāno bhagavato bhāsitaṃ abhinandi
Tôn giả *Mahā Moggallāna* hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy
Vuṭṭhahi cā’yasmā mahā-moggallāno tamhā ābādha

Và Tôn giả *Mahā Moggallāna* được thoát khỏi bệnh ấy

Tathā-pahīno cā'yasmato mahā-moggallānassa so ābādho ahoṣīti

Bệnh ấy của Tôn giả *Mahā Moggallāna* được đoạn tận như vậy

Tatīyagilānasuttaṃ - Kinh Bệnh thứ ba

Ekam samayaṃ bhagavā rāja-gahe viharati veḷu-vane Kalandaka-nivāpe

Một thời Thế Tôn ở Vương xá (*Rājagaha*), rừng Trúc Lâm (*Veḷuvana*), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Tena kho pana samayena bhagavā ābādhiko hoti dukkhito bāḷha-gilāno

Lúc bấy giờ, Thế Tôn bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh

Atha kho āyasmā mahā-cundo yena bhagavā tenupasaṅkami

Rồi Tôn giả *Mahā Cunda* đi đến Thế Tôn

upasaṅkamtivā bhagavantam abhivādetvā ekamantaṃ nisīdi

sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên

Ekamantaṃ nisinnaṃ kho āyasmantaṃ mahācundaṃ bhagavā eta-d-avoca

Thế Tôn nói với Tôn giả *Mahā Cunda* đang ngồi một bên:

“paṭibhantu taṃ cunda, bojjhaṅgā”ti

Này *Cunda*, hãy thuyết về giác chi

“Satt’ime, bhante, bojjhaṅgā bhagavatā

Bạch Thế Tôn, có bảy giác chi này do Thế Tôn

Samma-dakkhātā bhāvitā bahulīkatā

khéo thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn,

abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattanti

đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn

Katame satta Thế nào là bảy?

Sati-sambojjhaṅgo kho, bhante, bhagavatā

Bạch Thế Tôn, niệm -giác chi do Thế Tôn

samma-dakkhāto bhāvito bahulīkato

khéo thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn

abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati

đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn

Dhamma-vicaya-sambojjhaṅgo kho, bhante, bhagavatā

Bạch Thế Tôn, trạch pháp- giác chi do Thế Tôn

samma- dakkhāto bhāvito bahulīkato

khéo thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn

abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati

đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn

Vīriya-sambojjhaṅgo kho, bhante, bhagavatā

Bạch Thế Tôn, tinh tấn- giác chi do Thế Tôn

Samma-dakkhāto bhāvito bahulīkato

khéo thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn

abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati

đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn

Pīti-sambojjhaṅgo kho, bhante, bhagavatā Bạch Thế Tôn, hỷ -giác chi do Thế Tôn

samma-dakkhāto bhāvito bahulīkato

khéo thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn

abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati

đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn

Passaddhi-sambojjhaṅgo kho, bhante, bhagavatā

Bạch Thế Tôn, khinh an- giác chi do Thế Tôn

Samma-dakkhāto bhāvito bahulīkato

khéo thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn

abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati

đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn

Samādhi-sambojjhaṅgo kho, bhante, bhagavatā

Bạch Thế Tôn, định -giác chi do Thế Tôn

Samma-dakkhāto bhāvito bahulīkato

khéo thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn,

abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn

Upekkhā-sambojjhaṅgo kho, bhante, bhagavatā

Bạch Thế Tôn, xả- giác chi do Thế Tôn

Samma-dakkhāto bhāvito bahulīkato

khéo thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn

abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati

đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn

Ime kho, bhante, satta bojjhaṅgā bhagavatā

Bạch Thế Tôn, bảy giác chi này do Thế Tôn

Samma-dakkhātā bhāvitā bahulīkatā

khéo thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn

abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattantī”ti

đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn

“Taggha, cunda, bojjhaṅgā; taggha, cunda, bojjhaṅgā”ti.

Thật vậy, này Cunda, chúng là giác chi. Thật vậy, này Cunda, chúng là giác chi

Idam-avocā’yasmā mahā cundo Tôn giả Mahà Cunda thuyết như vậy

Samanuñño satthā ahoṣi bậc Đạo Sư chấp nhận

Vuṭṭhahi ca bhagavā tamhā ābādhā Và Thế Tôn thoát khỏi bệnh ấy

Tathā pahīno ca bhagavato so ābādhō ahoṣī’ti

Bệnh ấy của Thế Tôn được đoạn tận như vậy.

Bojjhaṅga Paritta- Hộ Kinh GIÁC CHI

Samsāre saṃsarantānaṃ, sabba-dukkha-vināsane

luân lưu trong luân hồi Tất cả những vị ấy, đã hủy diệt mọi Khổ

Satta dhamme ca bojjhaṅge, māra-senā-pamaddane

Bảy chi – Pháp giác ngộ, đã hủy diệt binh ma

Bujjhivā ye c’ime sattā, ti-bhavā muttakuttamā

sau khi đã liễu thông Các pháp thất giác chi của những vị hiền trí, và vượt thoát tam hữu

Ajātim-ajarābyādhim amatam nib-bhayaṃ gatā

không sanh-già-bệnh-chết. đạt vô úy bất tử(Niết-bàn)

Evāmādiguṇūpetam aneka-guṇa-saṅgahaṃ

bài Hộ Kinh Giác Chi, tập hợp vô số đức

Osadhañca imam mantam, bojjhaṅgañca bhaṇāma he

những đức ấy ví như: phương thảo dược quý báu, như bài linh chú hay

Này hỡi các hiền giả, cùng chúng Con trì tụng

Bojjhaṅgo sati saṅkhāto, dhammānaṃ vicayo tathā

Các Pháp Thất giác chi, gồm có niệm giác chi, trạch pháp

Vīriyaṃ pīti pasaddhi, bojjhaṅgā ca tathāpare

và tinh tấn, hỷ cùng với khinh an giác chi

Samādh’upekkhā bojjhaṅgā, satte’te sabba-dassinā

thêm nữa là định - xả, được Đại Hiền Toàn Giác

Muninā samma-dakkhātā, bhāvitā bahulīkatā

Bậc ẩn sĩ khéo giảng, khéo tuyên thuyết, tu tập làm cho sung mãn (Bảy Pháp – giác chi ấy)

Samvattanti abhiññāya , nibbānāya ca bodhiyā

Mang lại các thắng trí, Niết bàn, Đạo Quả Tuệ

Etena sacca-vajjena, sotthi te hotu sabbadā

Mong lời chân thật này, người hằng được an lành

Ekasmiṃ samaye Nātho, Moggallānañca Kassapaṃ

Một thuở, (hai vị trưởng lão) Ngài *Moggallāna* và Ngài *Kassapa*

Gilāne dukkhite disvā, bojjaṅge satta desayi

(Bậc Đạo sư-Nātho) sau khi thấy (2 ngài) Lâm bệnh nặng khổ thân, rồi thuyết Thất giác chi

Te ca taṃ abhinanditvā, rogā muccim su taṅkhaṇe

Các tôn giả hoan hỷ, Bệnh tức khắc lành ngay

Etena sacca-vajjena, sotthi te hotu sabbadā

Mong lời chân thật này, người hằng được an lành

Ekadā Dhamma-rājā'pi, gelaññenā'bhipīlito

Một thuở Đấng Pháp vương, thọ khổ thân trầm trọng

Cunda-t-therena taṃ yeva, bhaṇāpetvāna sādaraṃ

Cũng vậy Đức *Cunda*, cung kính tụng Giác chi,

Sammoditvāna ābādhā, tamhā vuṭṭhāsi ṭhānaso

Khiến Phật-đà hoan hỷ, bệnh liền khỏi tức thì

Etena sacca-vajjena, sotthi te hotu sabbadā

Mong lời chân thật này, người hằng được an lành

Pahīnā te ca ābādhā, tiṇṇannam'pi mahesinaṃ

Cũng vậy với Đức Phật, và hai vị Trưởng lão, Bệnh hoàn toàn dứt hẳn

Maggahatā kilesāva, pattā'nuppatti-dhammantam

Phiền não nào đoạn tuyệt, bởi Đạo Tuệ nào rồi, không còn sinh trở lại.

Etena sacca-vajjena, sotthi te hotu sabbadā

Mong lời chân thật này, người hằng được an lành.

Bojjaṅga-suttaṃ niṭṭhitam-Dứt kinh Giác Chi

KINH TỤNG
TÙY THỜI

Pabbajita-abhiṇhasuttaṃ

Kinh PHÁP SA MÔN THƯỜNG QUÁN

Dasayime, bhikkhave, dhammā pabbajitena abhiṇhaṃ-paccavekkhi-tabbā

Này các Tỷ-kheo, có mười pháp này, vị xuất gia phải luôn luôn quán sát

katame dasa

Thế nào là mười?

1.

‘Vevaṇṇiya’ mhi ajjhupagato’ ti

"Ta nay đi đến tình trạng là người không có giai cấp" (mất hết giai cấp)

pabbajitena abhiṇhaṃ paccavekkhi-tabbāṃ

Người xuất gia phải luôn luôn quán sát

2.

‘Para-paṭibaddhā me jīvikā’ ti

"Đời sống của ta tùy thuộc vào người khác."

pabbajitena abhiṇhaṃ paccavekkhi-tabbāṃ

Người xuất gia phải luôn luôn quán sát

3.

‘Añño me ākappo karaṇīyo’ ti

Nay cử chỉ uy nghi của ta cần phải thay đổi!"

pabbajitena abhiṇhaṃ paccavekkhi-tabbāṃ

Vị xuất gia cần phải luôn luôn quán sát

4.

‘Kacci nu kho me attā sīlato na upavadatī’ ti

"Không biết tự ngã có chỉ trích ta về giới hạnh không?" (tự bản thân có chỉ trích mình về giới hạnh không-tự thấy xấu hổ)

pabbajitena abhiṇhaṃ paccavekkhi-tabbāṃ

Vị xuất gia cần phải luôn luôn quán sát

5.

‘Kacci nu kho maṃ anuvicca viññū

"Không biết những người có trí sau khi tìm hiểu

sabrahmacārī sīlato na upavadantī’ ti

các đồng Phạm hạnh(đó) có chỉ trích ta về giới hạnh không?"

pabbajitena abhiṇhaṃ paccavekkhi-tabbam

Vị xuất gia cần luôn luôn quán sát

6.

‘Sabbehi me piyehi manāpehi

"Mọi sự vật khả ái, khả ý của ta

Nānā-bhāvo vinā-bhāvo’ti

bị đổi khác, bị biến hoại

pabbajitena abhiṇhaṃ paccavekkhi-tabbam

Vị xuất gia cần phải luôn luôn quán sát

7.

‘Kammassako’mhi kamma-dāyādo

"Ta là chủ của nghiệp, là thừa tự của nghiệp

kamma-yoni kamma- bandhu kamma-paṭisaraṇo

à thai tạng của nghiệp, là bà con của nghiệp, là chỗ quy hướng (nương tựa) của nghiệp

yaṃ kammaṃ karissāmi kalyāṇaṃ vā

phàm nghiệp gì ta sẽ làm, thiện

pāpakaṃ vā tassa dāyādo bhavissāmī’ti

hay ác ta sẽ thừa tự nghiệp ấy"

pabbajitena abhiṇhaṃ paccavekkhi-tabbam

Vị xuất gia cần phải luôn luôn quán sát

8.

‘Kathaṃ-bhūtassa me rattin-divā vītivattantī’ti

"Đêm ngày trôi qua bên ta và nay ta đã thành người như thế nào?"

pabbajitena abhiṇhaṃ paccavekkhi-tabbam

Vị xuất gia cần phải luôn luôn quán sát

9.

‘Kacci nu kho ahaṃ suññāgāre abhiraṃāmi’ti

"Ta có hoan hỷ trong ngôi nhà trống không hay không?"

pabbajitena abhiṇhaṃ paccavekkhi-tabbam

Vị xuất gia cần phải luôn luôn quán sát

10.

‘Atthi nu kho me uttari manussa-dhammo

"Ta có chứng được pháp Thượng nhân

Alamariya-ñāṇa- dassanaviseso adhigato

tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh không

yenā’haṃ pacchime kāle

để đến những ngày cuối cùng

sabrahmacārīhi puṭṭho

các đồng Phạm hạnh có hỏi

na mañku bhavissāmi'ti

ta sẽ không có xấu hổ?"

pabbajitena abhiñhaṃ paccavekkhi-tabbam

Vị xuất gia cần phải luôn luôn quán sát

Ime kho, bhikkhave, dasa dhammā

Này các Tỷ-kheo, mười pháp này

pabbajitena abhiñhaṃ paccavekkhi-tabbā

vị xuất gia cần phải luôn luôn quán sát

Kinh tụng Hằng Ngày(cuối buổi)

METTĀBHĀVANĀ - PATHANĀ - PATTIDĀNA

THIỀN TÂM TỪ - NGUYỄN CẦU - CHIA PHƯỚC

(Nguyện cho)

Sabbe sattā, sabbe pāṇā, tất cả chúng sinh, tất cả hữu tình
sabbe bhūtā, sabbe puggalā, tất cả sanh loại, tất cả cá nhân
sabbe atta-bhāva-pariyāpannā tất cả cá thể(có ngã tính)
sabbā itthiyo, sabbe purisā tất cả nữ giới, tất cả nam giới
sabbe ariyā, sabbe anariyā tất cả thánh nhân, tất cả phàm nhân
sabbe devā, sabbe manussā tất cả chư thiên, tất cả nhân loại
sabbe vinipātikā tất cả chúng sanh trong bốn đoạ xứ
averā hontu, abyāpajjā hontu không còn oan trái, không còn ác ý
anīghā hontu, sukhī attānaṃ pariharantu không còn muộn phiền, giữ mình được an vui
Dukkhā muccantu mong cho tất cả thoát khổ đau
Yathā-laddha-sampattito mā'vigacchantu những gì đã thành tựu xin đừng mất
Kamma-s-sakā Nghiệp là tài sản của Người(mỗi chúng sinh có nghiệp riêng)

Puratthimāya disāya trong hướng Đông
pacchimāya disāya trong hướng Tây
uttarāya disāya trong hướng Bắc
dakkhiṇāya disāya trong hướng Nam
puratthimāya anudisāya trong hướng Đông-Nam
pacchimāya anudisāya trong hướng Tây-Bắc
uttarāya anudisāya trong hướng Đông- Bắc
dakkhiṇāya anudisāya trong hướng Tây-Nam
heṭṭhimāya disāya Ở hướng dưới
uparimāya disāya ở hướng trên

Sabbe sattā, sabbe pāṇā tất cả chúng sinh, tất cả hữu tình
sabbe bhūtā, sabbe puggalā tất cả sanh loại, tất cả cá nhân
sabbe atta-bhāva-pariyāpannā tất cả cá thể (có ngã tính)
sabbā itthiyo sabbe purisā tất cả nữ giới, tất cả nam giới
sabbe ariyā sabbe anariyā tất cả thánh nhân, tất cả phàm nhân
sabbe devā, sabbe manussā tất cả chư thiên, tất cả nhân loại

sabbe vinipātikā tất cả chúng sanh trong bốn đọa xứ
(Nguyễn cho)
averā hontu, abyāpajjā hontu không còn oan trái, không còn ác ý
anīghā hontu, sukhī attānaṃ pariharantu không còn muộn phiền, giữ mình được an vui
Dukkhā muccantu mong cho tất cả thoát khổ đau
Yathā-laddha-sampattito mā'vigacchantu những gì đã thành tựu xin đừng mất
kamma-s-sakā Nghiệp là tài sản của Người (mỗi chúng sinh có nghiệp riêng)

Uddhaṃ yāva bhavaggā ca Phía trên lên mãi đến vô cùng
adho yāva avīcito phía dưới đến tận A-tỳ ngục
Samantā cakkavāḷesu Trong toàn khắp thiên hà trụ vũ
ye sattā pathavī-carā những sanh linh nào sống trên đất
Abyāpajjā niverā ca nguyện cho tất cả không còn ác ý, nguyện cho tất cả không còn
Oan trái
Ni-d-dukkhā cā'nuppaddavā thoát khổ đau và thoát mọi hiểm nguy

Uddhaṃ yāva bhavaggā ca Phía trên lên mãi đến vô cùng
adho yāva avīcito phía dưới đến tận A-tỳ ngục
Samantā cakkavāḷesu Trong toàn khắp thiên hà trụ vũ
ye sattā udake-carā những sanh linh nào sống dưới nước
Abyāpajjā niverā ca nguyện cho tất cả không còn ác ý, nguyện cho tất cả không còn
Oan trái
Ni-d-dukkhā cā'nuppaddavā thoát khổ đau và thoát mọi hiểm nguy

Uddhaṃ yāva bhavaggā ca Phía trên lên mãi đến vô cùng
adho yāva avīcito phía dưới đến tận A-tỳ ngục
Samantā cakkavāḷesu Trong toàn khắp thiên hà trụ vũ
ye sattā ākāse-carā những sanh linh nào sống trên không
Abyāpajjā niverā ca nguyện cho tất cả không còn ác ý, nguyện cho tất cả không còn
Oan trái
Ni-d-dukkhā cā'nuppaddavā thoát khổ đau và thoát mọi hiểm nguy

Yaṃ pattaṃ kusalaṃ tassa Với những thiện nghiệp nào đã thành tựu
ānubhāvena pāṇino Nhờ oai lực (đó) nguyện cho tất cả mọi sanh
sabbe saddhamma-rājassa tất cả (biết pháp) của Đấng Pháp Vương

Kinh tụng Hằng Ngày(cuối buổi)

ñatvā dhammaṃ sukhāvahaṃ hay biết Diệu Pháp mang lại an vui
Pāpuṇantu visuddhāya mong cho (tất cả) đạt được thanh tịnh
sukhāya paṭipattiyā với sự hành trì an lạc
asokam-anupāyāsaṃ không còn sầu khổ và bất mãn
nibbāna-sukha-muttamaṃ thành tựu được Niết bàn - lạc tối thượng.

Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo nguyện cầu Diệu Pháp mãi trường tồn
dhamme hontu sagāravā ngưỡng mong thành kính Pháp
sabbe’pi sattā kālena (bởi) tất cả sanh linh,(và) đúng thời
sammā devo pavassatu xin Chư thiên làm mưa (mưa thuận gió hòa)
Yathā rakkhimsu porāṇā giống các vị vua xa xưa
surājāno tathevimaṃ là những bậc Hiền vương
rājā rakkhatu dhammena đã bảo vệ chúng dân đúng theo Pháp
attano’va pajaṃ pajaṃ như bảo vệ dòng dõi của chính mình

Imāya dhammā’nudhamma-paṭipattiyā Buddhamaṃ pūjemi

với sự hành Pháp này, con xin cúng dường Phật

Imāya dhammā’nudhamma-paṭipattiyā Dhammaṃ pūjemi

với sự hành Pháp này, con xin cúng dường Pháp

Imāya dhammā’nudhamma-paṭipattiyā Saṃghamaṃ pūjemi

với sự hành Pháp này, con xin cúng dường Tăng

Addhā imāya paṭipattiyā

Nhất định, nhờ sự hành Pháp này

jāti-jarā-byādhi-maraṇamhā parimuccissāmi

con sẽ thoát khỏi sanh-già-bệnh-chết

Idaṃ me puññaṃ āsavakkhayā’vahaṃ hotu

Phước lành này của con, nguyện đoạn trừ các lậu hoặc - trầm luân

Idaṃ me puññaṃ nibbānassa paccayo hotu

Phước lành này của con, nguyện là duyên thành tựu được Niết bàn.

Mama puñña-bhāgaṃ sabba-sattānaṃ bhājemi

Phần phước của con, xin chia đều đến tất cả sanh linh

Te sabbe me samaṃ puñña-bhāgaṃ labhantu

Mong tất cả hãy thọ nhận phần phước ấy được đều nhau

Sādhu Sādhu Sādhu

(Sādhu! Sādhu! Lành thay!)